

CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN
DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI THÉP**

Địa điểm: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng

Hải Phòng, 2026

CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI THÉP**

Địa điểm: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng



**TRƯỞNG PHÒNG SẢN XUẤT
LEE SUNG WOO**

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
DANH MỤC HÌNH	v
MỞ ĐẦU	6
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	7
2. Tên dự án đầu tư.....	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	14
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	14
3.2. Quy trình sản xuất	14
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	20
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư.....	21
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất.....	21
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	24
5.1. Các hạng mục công trình của Dự án	24
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	28
5.3. Tổng vốn đầu tư	36
5.4. Nhu cầu về lao động và chế độ làm việc	36
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	37
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	37
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	40
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ.....	42
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	42
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	42
1.1. Thu gom và thoát nước mưa	42
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	44
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	47
2.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông.....	47
2.2. Đối với bụi, khí thải và nhiệt độ dư thừa từ khu vực nhà xưởng:.....	47
2.3. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn trong dây chuyền sản xuất.	48
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	56

3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt	56
3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	57
4. Đối với chất thải nguy hại.....	58
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	63
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	63
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải.....	63
6.2. Biện pháp phòng cháy chữa cháy.....	64
6.3. Giải pháp đảm bảo an toàn lao động	64
6.4. Giải pháp an toàn giao thông	66
6.5. Các biện pháp phòng chống và ứng phó mất an toàn vệ sinh thực phẩm	66
6.6. Biện pháp ngăn ngừa sự cố rò rỉ, tràn hóa chất.....	66
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	69
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	70
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	70
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	70
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	71
4. Đối với chất thải rắn	72
4.1. Chất thải rắn thông thường	72
4.2. Chất thải rắn sinh hoạt:	73
4.3. Đối với chất thải nguy hại.....	73
4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	74
Chương V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	76
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	76
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	76
1.2. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	76
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	77
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	77
Chương VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	78

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy hoá sinh học (5 ngày)
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
COD	Nhu cầu oxy hoá hoá học
HC	Hàm lượng hydrocacbon
HTXL	Hệ thống xử lý
NVL	Nguyên vật liệu
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của Nhà máy.....	7
Bảng 1.2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án	9
Bảng 1.3. Quy mô đầu tư của dự án	14
Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên vật liệu, hoá chất phục vụ cho sản xuất.....	21
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước	23
Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	24
Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở.....	29
Bảng 3.1. Thống kê thống số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa	43
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước thải sinh hoạt	46
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải công đoạn mạ	51
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải công đoạn bọc nhựa.....	55
Bảng 3.5. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất.....	57
Bảng 3.6. Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy	58
Bảng 3.7. Dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại tại kho chứa.....	62
Bảng 4.1. giới hạn các chất ô nhiễm trong khí thải.....	71
Bảng 4.2. Giới hạn đối với các thông số đối với tiếng ồn và độ rung.....	72
Bảng 4.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường.....	72
Bảng 4.4. Khối lượng chất thải nguy hại.....	73
Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	76
Bảng 5.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	77

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Hình ảnh hiện trạng khu vực xưởng sản xuất của nhà máy	13
Hình 1.2. Hình ảnh hiện trạng khu vực sân đường nội bộ của nhà máy	14
Hình 1.3. Quy trình kéo sợi công đoạn 1.....	15
Hình 1.4. Quy trình công nghệ công đoạn 2.....	16
Hình 1.5. Sơ đồ quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị	20
Hình 1.6. Sản phẩm sợi thép của dự án	21
Hình 1.7. Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của dự án.....	36
Hình 3.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa	42
Hình 3.2. Tổng mặt bằng thoát nước mưa tại cơ sở.....	43
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại dự án.....	44
Hình 3.4. Sơ đồ minh họa xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn.....	45
Hình 3.5. Mặt bằng đường ống xả thải.....	46
Hình 3.6. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên	48
Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý khí thải bằng phương pháp lọc bụi.....	49
Hình 3.8. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải hiện trạng của nhà máy	53
Hình 3.9. Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý khí thảisử dụng than hoạtínhhấp phụ	54
Hình 3.10. Sơ đồ cân bằng vật chất của dự án.....	60
Hình 3.11. Hình ảnh kho chứa chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt của công ty	61
Hình 3.12. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại của công ty	61

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0801092901 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 02/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 19/7/2024. Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina là đơn vị chuyên sản xuất và gia công sợi thép các loại. Sản phẩm của công ty được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp; nông, lâm thủy sản, xây dựng, thủ công mỹ nghệ, điện, thông tin và dân dụng. Sản phẩm được xuất đi nhiều nước trên thế giới đặc biệt là Hàn Quốc và Nhật Bản.

Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina là chủ đầu tư dự án “dự án sản xuất sợi thép” có tổng diện tích 13.211 m² thuộc Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6511256519 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (cũ) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02/7/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 19/6/2025 với quy mô dự án: sản xuất, gia công sợi thép các loại công suất 7.000 tấn/năm.

Dự án có tổng mức đầu tư là 117.530.600.210 đồng – dự án nhóm C và thuộc nhóm I, theo mục II.4, phụ lục III, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại cột 4 Phụ lục II (mục số II.10 - dự án có công đoạn mạ kim loại quy mô công đoạn mạ 6.500 tấn sản phẩm/năm) nằm tại phường Ái Quốc.

Dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 4593/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "dự án sản xuất sợi thép" tại Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.

Hiện tại, công ty đã cơ bản hoàn thiện toàn bộ việc lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất cũng như các hạng mục công trình bảo vệ môi trường để chuẩn bị đưa dự án đi vào vận hành.

Theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 11 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “dự án sản xuất sợi thép” theo hướng dẫn tại mẫu số 22b mục số 2 phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp giấy phép môi trường.

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina
- Địa chỉ văn phòng: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Lee Sung Woo
Chức vụ: Trưởng phòng sản xuất (được uỷ quyền theo giấy uỷ quyền số 08/2021/UQ-DUSCO VINA ngày 25/8/2021).
- Điện thoại: 022 037 51001
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 0801092901 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (cũ) cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/12/2019.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6511256519 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (cũ) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02/7/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 19/6/2025.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Dự án sản xuất sợi thép.
 - Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng. Tổng diện tích thực hiện dự án: 13.211 m².
- Tọa độ của các điểm góc khép kín của Nhà máy như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của Nhà máy

Số TT mốc	Hệ tọa độ VN 2000	
	X	Y
1	2319289.85	590095.30
2	2319397.29	590155.50
3	2319397.41	590155.27
4	2319427.46	590172.09
5	2319370.37	590247.94
6	2319330.95	590218.40
7	2319244.58	590154.01
1	2319289.85	590095.30

- Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:
- + Phía Bắc giáp Công ty TNHH SXDV TM Môi trường xanh;
- + Phía Nam giáp Công ty TNHH LFV Metal (Việt Nam);
- + Phía Đông giáp Công ty TNHH Việt Nam TolyoDenso;
- + Phía Tây cách mép block đường nội bộ KCN (lộ giới 10,25m) 3m.

***/ Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án:**

- Dự án nhà máy sản xuất sợi thép do Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina làm chủ đầu tư thực hiện tại KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng. Mối tương quan của dự án cũng như KCN Nam Sách với các đối tượng tự nhiên – xã hội được xác định như sau:

- Hiện trạng giao thông: KCN nằm sát cạnh quốc lộ 5 và ga đường sắt Tiên Trung.
- Hệ thống sông, ao hồ: Xung quanh dự án 1km không có ao, hồ. KCN Nằm tiếp giáp với sông Bến Gạch, đây là nơi tiếp nhận nước thải của KCN. KCN cách sông Thái Bình 1,5km và cách sông Rạng 2,2km.

- Đối tượng kinh tế- xã hội:

+ Bên cạnh KCN về phía Đông Bắc có khu dân cư, dịch vụ công nghiệp phường Ái Quốc và trường cao đẳng nghề Hải Dương

+ Phía Tây Bắc KCN tiếp giáp với khu dân cư thôn Độc Lập

+ Phía Tây Nam KCN tiếp giáp với khu dân cư thôn Vũ La

+ Trong vòng bán kính 500-1000m, khu vực dự án gần khu dân cư thôn Chàng, thôn Hào, thôn Quan Đình, thôn Vũ Thượng.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh: Khu vực dự án nằm trong KCN Nam Sách với hơn 20 doanh nghiệp đi vào hoạt động. Ngoài ra, xung quanh khu vực dự án có các cơ sở sản xuất kinh doanh khác.

- Các công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử: Gần khu vực dự án có chùa Sùng Quang và không có công trình di tích lịch sử nào khác.

- Các đối tượng xung quanh khác: Cách UBND phường Ái Quốc khoảng 700m về phía Đông Nam.

- Các công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử:

Dự án thuộc KCN Nam Sách không nằm trong khu vực vườn quốc gia, khu vui chơi giải trí, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên và khu di tích văn hóa, lịch sử văn hóa nổi tiếng nào được xếp hạng. Gần khu vực dự án là khu dân cư phường Ái Quốc, trên địa bàn phường có một số nhà thờ cúng nhỏ, chùa chiền, miếu mạo của làng hoặc theo phong tục tập quán của làng nhưng tất cả các khu vực văn hóa này đều không bị ảnh hưởng khi dự án đi vào hoạt động. Do đó, khi triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến các công trình cũng như hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của người dân gần khu vực dự án.

***/ Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện Dự án**

Địa điểm thực hiện của dự án là đất nằm trong khu công nghiệp Nam Sách, sử dụng vào mục đích công nghiệp do Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang làm chủ đầu tư hạ tầng và trực tiếp quản lý.

Hạ tầng KCN đã được đầu tư đồng bộ bao gồm: hệ thống đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cung cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Hiện tại, Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina thuê lại đất của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang nằm tại Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng với diện tích 13.211 m² theo Hợp đồng thuê đất số 217.2014/HDTD-NS ngày 21/7/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT121700, số vào sổ cấp GCN: CT 00224, diện tích sử dụng đất 13.211m². Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng. Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp. Thời hạn sử dụng: đến ngày 15/02/2052. Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang.

Trước khi dự án mở rộng và sau khi dự án mở rộng do các hạng mục công trình xây dựng (văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà kho số 7, nhà kho, kho chứa rác thông thường, kho chứa rác thải nguy hại, trạm bơm, trạm điện, phòng khí Amoniac, bồn xử lý nhiệt, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, cây xanh, sân đường nội bộ) trong toàn bộ diện tích 13.211 m² không thay đổi, do vậy cơ cấu sử dụng đất trong tổng diện tích 13.211 m² không thay đổi.

Cơ cấu sử dụng đất của dự án (theo bản vẽ tổng mặt bằng điều chỉnh nhà máy kèm theo văn bản số 745/KCN-QHXD ngày 11/5/2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép).

Bảng 1.2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Bảng tổng hợp	Tính toán
1	Tổng diện tích khu đất	13.211 m ²
2	Tổng diện tích xây dựng	7.905 m ²
3	Tổng diện tích sàn	8.406 m ²
4	Mật độ xây dựng (%)	59,84%
5	Hệ số sử dụng đất	0,636 lần
6	Cây xanh	20,08%
7	Đường nội bộ	20,09%

*** Cơ quan phê duyệt chứng nhận đầu tư:** Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (hiện nay là Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng)

*** Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án:**

- Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (cũ).

+ Giấy phép xây dựng số 120-KCN/GPXD ngày 09/10/2014.

+ Giấy phép xây dựng số 257-KCN/GPXD ngày 05/01/2018.

+ Giấy phép xây dựng số 196-KCN/GPXD ngày 07/10/2016.

- Chứng chỉ quy hoạch số 129/CCQH ngày 04/8/2014 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp.

- Văn bản chấp thuận tổng mặt bằng chi tiết xây dựng nhà máy điều chỉnh lần 1 số 1053/KCN-QH ngày 22/9/2016 của Ban quản lý các KCN.

- Văn bản số 778/KCN-QHXD ngày 21/5/2018 về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng nhà kho và hạ tầng kỹ thuật.

- Văn bản chấp thuận tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép số 745/KCN-QHXD ngày 11/5/2018.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC do Công an tỉnh Hải Dương cấp số 65/TD-PCCC (2014) ngày 13/8/2014.

- Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy số 23/GCN-PCCC (2015) do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Hải Dương (cũ) cấp ngày 13/3/2015.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Hải Dương (cũ) cấp số 324/TD-PCCC ngày 14/11/2017.

- Văn bản số 44/NT-PCCC do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Hải Dương (cũ) cấp ngày 02/02/2018 nghiệm thu về PCCC.

- Cơ quan cấp Giấy phép môi trường: Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng.

*** Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:**

- Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép” tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA.

- Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 128/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và môi trường

cấp ngày 29/10/2015 của Dự án sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 30.0000417.T do Chi cục bảo vệ môi trường cấp lần đầu ngày 08/05/2015.

- Quyết định số 4593/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất sợi thép của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina tại KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ của Dự án:

Sản xuất, gia công sợi thép các loại với khối lượng khoảng 7.000 tấn/sản phẩm năm (bao gồm các loại sợi thép có đường kính 0,2mm, 0,3mm, 0,4mm, 0,5mm). Trong đó sản phẩm mạ: 6.500 tấn/năm.

- **Quy mô dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công:**
Dự án có tổng mức đầu tư là 117.530.600.210 đồng – dự án nhóm C theo quy định của luật đầu tư công số 58/2024/QH5 ngày 29/11/2024.

- **Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này:** Dự án có yếu tố nhạy cảm môi trường: Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại cột 4 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (mục số II.10 - dự án có công đoạn mạ kim loại quy mô công đoạn mạ 6.500 tấn sản phẩm/năm) nằm tại phường Ái Quốc.

- **Phân nhóm đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:** Dự án tương đương với dự án thuộc nhóm I, theo mục II.4, phụ lục III, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

***/ Tình hình hoạt động của nhà máy:**

- Hiện trạng nhà xưởng:

Hiện trạng nhà xưởng đã xây dựng, hoàn thiện và đi vào hoạt động theo đúng công suất được phê duyệt tại quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2407/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương của Dự án sản xuất sợi thép (phê duyệt tương ứng với thay đổi chứng nhận đầu tư lần 1 ngày 04/7/2014)

Nhà xưởng có diện tích 5.138 m² được xây dựng 2 tầng.

+ Hiện trạng diện tích nhà xưởng tầng 1 là 5.138 m² được bố trí: kho chứa nguyên

liệu, phòng thay đồ, khu vệ sinh cho công nhân, khu vực nhà bếp, nhà ăn và khu vực sản xuất (đặt lò ủ, lò cracking, lò liên tục, đặt máy kéo ướt, phòng đặt máy kéo khô, khu vực mạ nhúng kẽm nóng, khu vực quấn thép). Công ty dùng tường ngăn phân chia các bộ phận, dán vạch kẻ màu để chia theo từng mã nguyên liệu, sản phẩm tạo thuận lợi cho việc xuất, nhập hàng hoá.

+ Hiện trạng diện tích nhà xưởng tầng 2 là 501 m² được bố trí: văn phòng, phòng họp xây dựng phía trên kho vật liệu, khu nhà ăn, nhà bếp.

+ Nhà xưởng số 7 diện tích 1.488 m²: Hiện nay Công ty đã hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị tại nhà xưởng số 7 (nhà xưởng số 7 được sửa chữa, cải tạo, chuyển đổi từ nhà kho số 7). Tại đây bố trí lò mạ số 5A, 5B và dây chuyền bọc nhựa.

- Hiện trạng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Các hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật đã có như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống điện, hệ thống PCCC... đang sử dụng ổn định.

+ Đường nội bộ quanh nhà xưởng có chiều rộng 4m;

+ Nguồn điện cung cấp cho dự án là của KCN Nam Sách phục vụ hoạt động sản xuất của dự án.

+ Nguồn cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất của công ty là nguồn cấp nước chung của KCN Nam Sách.

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường đã có:

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 1 và 2 công suất 12.000m³/h.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 3 và 4) công suất 12.000m³/h.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải cho khu vực lò mạ số 5A, 5B tại nhà xưởng số 7 công suất 12.000m³/h/hệ thống (lắp mới).

+ 01 hệ thống xử lý khí thải tại khu vực bọc nhựa nhà số xưởng 7 công suất 12.000m³/giờ (lắp mới).

+ 03 bể tự hoại 3 ngăn dung tích dung tích 2m³, 5m³ và 10m³ để xử lý nước thải.

+ Kho chứa chất thải sinh hoạt: 6 m²; 03 thùng rác khác màu: 02 thùng để rác hữu cơ và 01 thùng để rác vô cơ với dung tích 200 lít/thùng.

+ Kho chứa chất thải sản xuất: 6 m²; 7 thùng dung tích 200 lít/thùng.

+ Kho chứa chất thải nguy hại: 6m²; 12 thùng dung tích 200 lít.

- Hiện trạng sản xuất với quy trình công nghệ của các dây chuyền sản xuất:

Quy trình sản xuất gia công sợi thép: công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm:

Công đoạn 1: Thép nguyên liệu (thép cuộn SWRM6 đường kính 5,5mm) → Máy

kéo sợi khô (đường kính 1,6mm) → Máy cuộn sợi thép (tạo cuộn thép dạng lồng) → Lò ủ (dạng nồi) ủ thép sợi đường kính 1,6mm → Cuộn thép đường kính 1,6mm – chuyển sang công đoạn 2.

Công đoạn 2: Cuộn thép có đường kính 1,6mm → Máy kéo sợi ướt (đường kính 0,2 – 0,8mm) → Bể rửa, Lò ủ liên tục (ủ thép trong điều kiện môi trường khí N₂, H₂) → Bể nước muối → Mạ kẽm → Làm khô tự nhiên → Quấn dây, đan lưới, bọc PVC → Đóng gói, lưu kho.

- Hiện trạng sử dụng nguyên nhiên liệu cho sản xuất

Tổng khối lượng nguyên liệu sử dụng khoảng: 6.367 tấn/năm bao gồm các loại: thép cuộn SWRM6, chì, kẽm, khí NH₃, khí N₂, dầu nhớt bôi trơn, pallet bằng gỗ.

Một số hình ảnh khu vực sản xuất của nhà máy như sau:



Hình 1.1. Hình ảnh hiện trạng khu vực xưởng sản xuất của nhà máy



Hình 1.2. Hình ảnh hiện trạng khu vực sân đường nội bộ của nhà máy

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

- Quy mô sử dụng đất: Khu đất thực hiện dự án có tổng diện tích 13.211 m².
- Cơ sở thực hiện sản xuất, gia công sợi thép các loại với khối lượng khoảng 7.000 tấn/sản phẩm năm (bao gồm các loại sợi thép có đường kính 0,2mm, 0,3mm, 0,4mm, 0,5mm). Trong đó sản phẩm mạ: 6.500 tấn/năm.

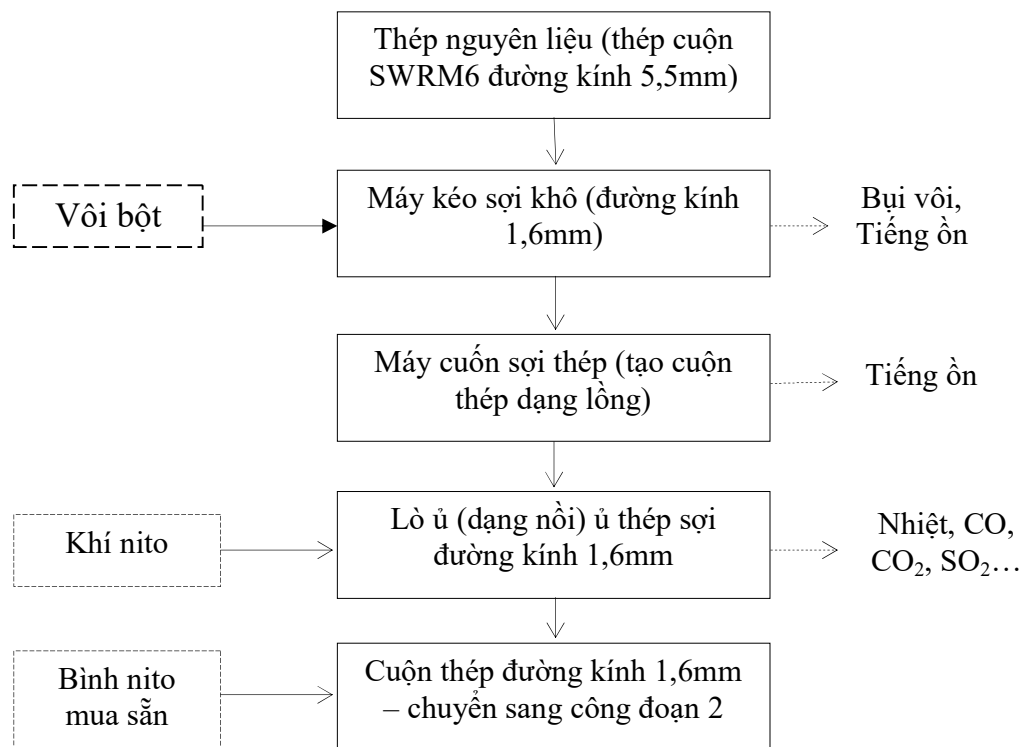
Bảng 1.3. Quy mô đầu tư của dự án

Tên sản phẩm	Sản lượng hiện tại (tấn sản phẩm/năm)	Sản lượng mở rộng (tấn sản phẩm/năm)	Quy trình thực hiện
Sản xuất, gia công sợi thép các loại (bao gồm các loại sợi thép có đường kính 0,2mm, 0,3mm, 0,4mm, 0,5mm)	5.000	7.000	Thực hiện sản xuất sản phẩm của công ty theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

3.2. Quy trình sản xuất

Nhà máy sản xuất sợi dây thép có các kích cỡ đường kính khác nhau. Tuy nhiên các sợi thép đều có chung quy trình sản xuất, chỉ khác nhau ở công đoạn kéo sợi ướt, loại sản phẩm sợi thép có các đường kính khác nhau.

* Công đoạn 1 (công đoạn sản xuất gián đoạn)



Hình 1.3. Quy trình kéo sợi công đoạn 1

Thuyết minh quy trình sản xuất:

1. **Nguyên liệu sản xuất:** Nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất là thép cuộn SWRM6 (đường kính 5,5mm) có nguồn gốc từ Hàn Quốc. Thép nguyên liệu sạch, không dính dầu mỡ, được nhập mỗi năm khoảng 7.000 tấn. Thép nguyên liệu được nhập kho nguyên liệu và chuyển dần sang khu vực máy kéo sợi khô để kéo rút nhằm thu nhỏ đường kính thép nguyên liệu, đồng thời kéo dài sợi thép.

2. **Kéo sợi khô:** Tại công đoạn này, thép nguyên liệu có đường kính 5,5mm sẽ được kéo sợi làm giảm đường kính xuống còn 1,6mm bằng máy kéo sợi khô. Tại đây dây thép được kéo qua một lỗ có đường kính nhỏ hơn dây thép. Số lần kéo sợi phụ thuộc vào yêu cầu của đường kính dây thép, nhưng để đảm bảo tính dẻo và dai, thì sau khi quá trình kéo sợi khô, sợi thép phải được ủ trong lò ủ. Nguyên nhân do quá trình kéo sợi khô sẽ làm thay đổi cấu trúc phân tử của sợi thép nên cần phải được chuyển sang lò ủ nhằm đồng đều cấu trúc các phân tử cấu tạo nên sợi thép. Thép sau khi kéo sợi khô sẽ được cuộn lại thành các cuộn thép dạng lồng rồi chuyển vào lò ủ.

3. Lò ủ (dạng nồi – pot type):

Nguyên liệu sử dụng: Nhà máy sử dụng điện để cấp nhiệt cho lò.

Nguyên lý hoạt động của lò: Dựa vào nguyên lý khi cho một dòng điện chạy qua vật dẫn thì ở đó sẽ tỏa ra một nhiệt lượng theo luật Jun-lenxo. $Q = I^2RT$

Trong đó: Nhiệt lượng tỏa ra (J);

I: Cường độ dòng điện (A); R: Điện trở (Ω); T: Thời gian (s);

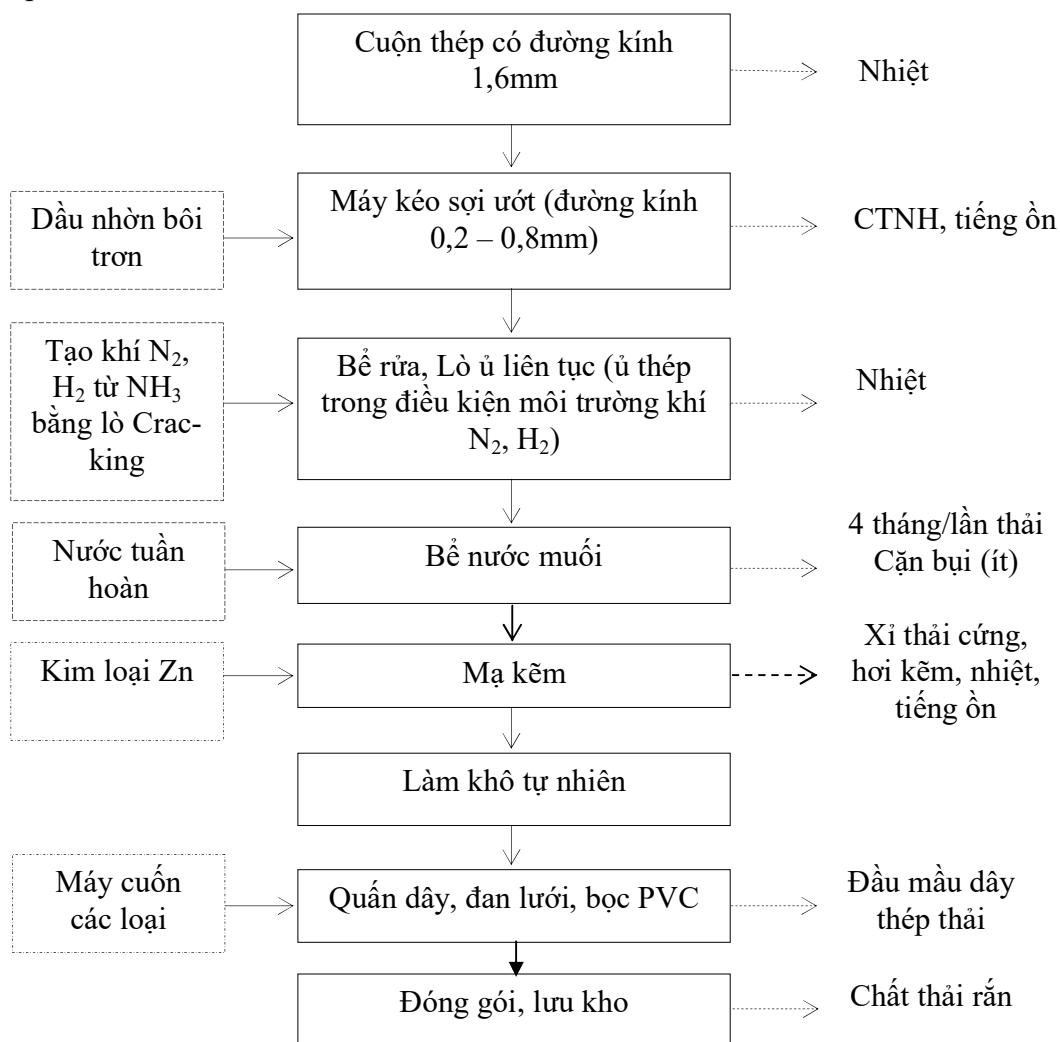
Nhiệt lượng sẽ được phân tán đều trong lò.

Môi trường hoạt động: Môi trường chứa khí Nito.

Các cuộn thép được xếp vào lò ủ, nắp lò sẽ được đẩy lại và công nhân sẽ bơm Nito vào lò rồi bật nguồn điện nhằm tăng dần nhiệt độ, khí Nito sẽ thấm vào cấu trúc của thép và làm giảm độ cứng của sợi thép đồng thời tăng độ mềm, dẻo của sợi thép. Sau khi lò ủ vận hành đủ 10h, công nhân sẽ cắt nguồn điện và để các cuộn thép trong lò thêm 31h nhằm làm nguội thép. Sau 31h, thì nhiệt độ của lò giảm xuống còn khoảng 400°C sẽ được chuyển sang công đoạn 2 của dây chuyền sản xuất.

Lượng khí Nito bơm vào mỗi lần ủ là 48kg/lò ủ 8 tấn thép tương ứng 30 tấn/năm. Khí Nito được cung cấp từ bình chứa Nito có sẵn do nhà máy nhập về.

* Công đoạn 2 (công đoạn sản xuất liên tục – Sợi thép được máy đưa liên tục qua máy kéo sợi ước vào lò nung liên tục rồi qua bể làm mát, mạ kẽm sau đó được quấn thành phẩm.



Hình 1.4. Quy trình công nghệ công đoạn 2

Thuyết minh quy trình:

1. Kéo sợi ướt:

Các dây thép có đường kính 1,6mm sau khi ủ và làm nguội đến nhiệt độ dưới 100°C sẽ được đưa sang công đoạn kéo ướt bằng máy kéo ướt. Máy kéo ướt thực hiện kéo sợi làm giảm đường kính sợi thép từ 1,6mm xuống các loại đường kính 0,8mm; 0,7mm; 0,6mm; 0,5mm; 0,4mm; 0,3mm; 0,2mm. Trong quá trình kéo ướt có sử dụng hệ thống bơm dầu nhờn bôi trơn trong máy kéo sợi ướt nhằm làm giảm nhiệt do ma sát đồng thời bôi trơn và bảo vệ máy (4,5 lít/tấn thép). Hệ thống bơm dầu tuần hoàn này được thiết kế đi kèm từng máy và dầu bôi trơn được sử dụng tuần hoàn, một lượng dầu nhỏ bay hơi trong quá trình sử dụng. Định kỳ, công nhân sẽ vệ sinh cặn dầu tại máy và hàng năm sẽ vệ sinh bồn, cặn tại bể dầu. Dây thép sau công đoạn kéo ướt có đường kính theo đúng yêu cầu từ 0,2 – 0,8mm được chuyển sang lò ủ liên tục để phục hồi cấu trúc.

2. Lò ủ liên tục

Lò ủ liên tục có công suất 60 sợi thép/lần, sử dụng nhiệt lượng bằng cách đốt nóng điện trở để cung cấp nhiệt cho hoạt động. Lò ủ liên tục được thiết kế gồm các ống lò chạy song song. Sợi thép được đưa đi xuyên qua từng ống lò nung. Phương pháp dùng Hidro để ủ thép nhằm mục đích chống oxi hóa trên bề mặt thép, ngoài ra tính khử của Hidro còn có tác dụng làm sạch bề mặt thép đồng thời phương pháp này không tạo ra khí thải gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra khí Nito sẽ thấm vào cấu trúc của thép và làm giảm độ cứng của sợi thép đồng thời tăng độ mềm, dẻo cho sợi thép. Khí H_2 và N_2 được cấp liên tục 24/24h. Sợi thép khi đi ra khỏi lò có nhiệt độ giảm rất nhiều do đi qua vùng nhiệt lượng thấp trong lò ủ.

Khí H_2 và N_2 được tạo ra bằng cách nhiệt phân NH_3 trong lò nung crac-king ở nhiệt độ 800 – 810°C. Lò crac-king có đường ống dẫn cấp khí cho lò ủ liên tục. Lò crac-king vận hành song song với lò ủ liên tục để đáp ứng nhu cầu cấp khí H_2 và N_2 cho lò ủ liên tục. Lượng khí NH_3 cần cấp mỗi năm là 80 tấn.

Nguyên lý hoạt động của lò crac-king như sau: Lò crac-king hoạt động dựa trên các phản ứng craking có xúc tác. Với khí NH_3 ban đầu được đưa vào lò tăng nhiệt độ lên trên 800°C, áp suất cao và có chất xúc tác, NH_3 sẽ phân hủy thành khí H_2 và N_2 .

3. Quá trình rửa, xử lý bề mặt:

Thép từ lò ủ liên tục sau khi ra khỏi lò được chạy sang bể bằng nước muối có thể tích 300 lít nhằm làm xử lý bề mặt sợi thép đảm bảo sợi thép sạch hoàn toàn trước khi chuyển sang công đoạn mạ kẽm nhúng nóng. Lượng nước làm mát này được sử dụng tuần hoàn không thải bỏ và sẽ được bổ sung lượng nước hao hụt do bay hơi mỗi ngày khoảng 5-10% lượng nước ban đầu. Cặn bùn phát sinh trong bể rửa rất ít, định kỳ 4 tháng/lần sẽ tiến hành hút bùn cặn và tiến hành phân tích chất lượng bùn theo quy định

trong QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải làm cơ sở để quản lý và có phương án xử lý lượng bùn cặn này.

4. Mạ kẽm:

Nhà máy sử dụng phương pháp mạ kẽm nhúng nóng.

- Các sợi thép sau khi được làm sạch bề mặt sẽ được hệ thống cầu trục kéo đi qua bể chứa kẽm nóng chảy để mạ kẽm rồi kéo ra ngoài làm khô tự nhiên thành sản phẩm hoàn chỉnh. Sợi thép sẽ chạy liên tục qua bể kẽm nóng chảy. Tại bể mạ, kẽm sẽ được chảy ở nhiệt độ 470°C để tạo thành kẽm lỏng. Kẽm lỏng sẽ bám vào bề mặt các sợi thép thành 1 lớp kẽm mỏng bám bên ngoài, tăng độ bền của chi tiết trước sự ăn mòn của thời tiết, khí hậu và tăng độ thẩm mỹ cho sản phẩm.

Bể mạ kẽm nhúng nóng có cấu tạo 3 ngăn trong đó 1 ngăn chứa kẽm và chì ở đầu ra và 2 ngăn còn lại chứa chì bên cạnh. Chì có tác dụng giữ nhiệt bề mặt do nhiệt độ nóng chảy của chì thấp hơn kẽm, nhưng nhiệt độ sôi rất cao. Trong ngăn chứa chì và kẽm, chì nóng chảy sẽ lắng xuống đáy bể, không hòa lẫn vào kẽm lỏng ở trên do tỷ trọng cao hơn nhiều so với kẽm nên có tác dụng bảo vệ đáy bể khỏi bị ăn mòn. Chì không tham gia vào quá trình mạ, chỉ có tác dụng bảo vệ giữ nhiệt nên khối lượng chì biến đổi rất ít sau quá trình mạ, chỉ khoảng 5% chì tạo thành chì cứng do bị oxi hóa hoặc kết hợp với kim loại tạp chất trong bể mạ nổi lên trên bề mặt mạ. Một phần kẽm nóng chảy cũng tạo ra thành kẽm cứng cần loại bỏ khỏi bể mạ (ước tính khoảng 5% nguyên liệu đầu vào theo kinh nghiệm sản xuất của nhà đầu tư).

Để làm nóng chảy chì, kẽm công nhân vận hành bật công tắc cho một dòng điện chảy qua bề mặt mạ và tăng nhiệt độ gần 500°C , do chì có nhiệt độ nóng chảy là 327°C nên chì nóng chảy trước, sau đó kẽm nóng chảy ở nhiệt độ 470°C . Nguồn điện này được bật liên tục nên khi bổ sung chì, kẽm không cần thực hiện quá trình gia nhiệt thêm. Bể mạ được duy trì nhiệt độ 470°C , tuy nhiệt độ này chưa làm hóa hơi kim loại nhưng do tính độc hại của chì nên tại mỗi bể mạ có trang bị chụp hút và quạt hút để thông gió thật tốt cho nhà xưởng.

5. Làm khô

Dây thép sau khi ra khỏi bể mạ và làm khô tự nhiên trước khi chuyển sang thiết bị quấn thành cuộn thép thành phẩm.

6. Quấn dây thành phẩm

Các dây thép sau khi khô được chuyển vào khu vực quấn dây. Tại đây sử dụng máy quấn nhiều trục và máy quấn sẽ quấn dây thép vào các lõi cuộn. Sau khi quấn đầy các lõi cuộn theo yêu cầu sẽ chuyển sang công đoạn đóng gói lưu kho.

7. Đan lưới hình lục giác

Dây thép sau khi được mạ kẽm xong sẽ được chuyển sang công đoạn đan lưới hình lục giác. Sản phẩm có nhiều kích thước khác nhau tùy theo yêu cầu của khách hàng. Tại công đoạn này, các sợi dây thép được đan xoắn lại với nhau tạo thành hình lục giác. Máy hoạt động bán tự động, trong quá trình chạy máy, cần tra dầu bôi trơn, và phát sinh các mẫu thép thừa.

8. Bọc nhựa PVC cho dây thép.

Dây thép sau quá trình kéo và ủ nhiệt, được chuyển sang máy bọc nhựa PVC. Tại đây, dây thép có các đường kính khác nhau, được bọc bên ngoài 1 lớp nhựa PVC, sử dụng các hạt nhựa được gia nhiệt nóng chảy. Dây sau khi bọc được quấn lại thành bó, hoặc sử dụng đan lưới nhựa xuất cho các khách hàng. Máy gia nhiệt cho nhựa bằng điện năng. Công ty đã lắp đặt 1 hệ thống hút, xử lý khí thải phát sinh từ máy gia nhiệt nhựa nhằm đảm bảo khí thải phát sinh được xử lý.

9. Đóng gói lưu kho

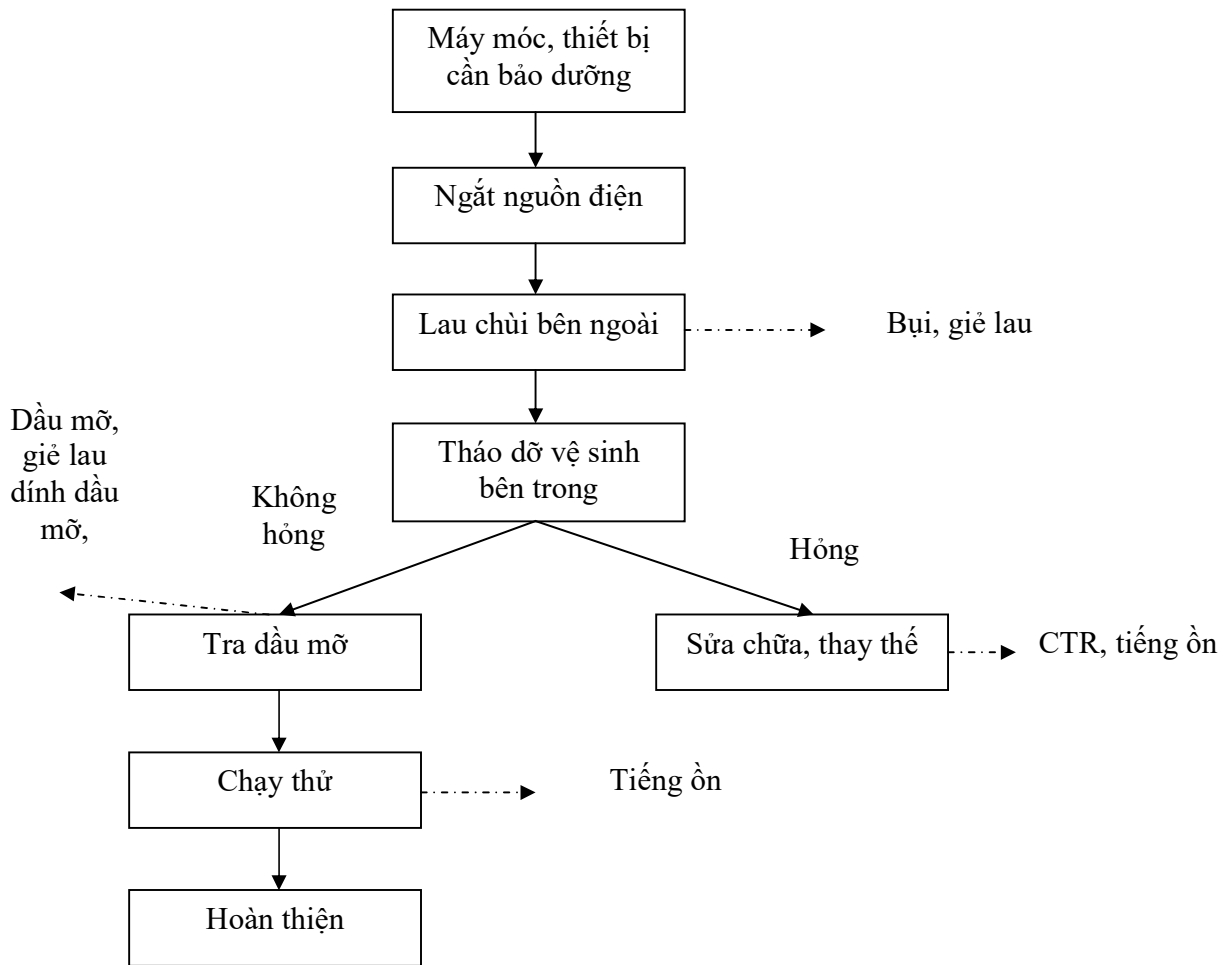
Tại đây sản phẩm được đóng vào các pallet bằng gỗ và lưu kho, xuất hàng sang các đơn vị đặt hàng.

Quy trình sản xuất của Công ty được tổ chức một cách chặt chẽ theo một quy trình khép kín, đảm bảo quá trình sản xuất được thể hiện một cách đồng bộ, giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động của công nhân, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.

Dây chuyền công nghệ sản xuất được áp dụng cho dự án rất tiên tiến, hiện đại và đồng bộ, được sử dụng hiệu quả ở Hàn Quốc và Trung Quốc

Quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Cơ sở thường định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị với chu kỳ 3 tháng/ lần. Quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị như sau:



Hình 1.5. Sơ đồ quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị

Quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị có phát sinh một số chất thải như:

- Chất thải rắn: bao gồm bụi, dụng cụ, thiết bị bị gãy, hỏng, giẻ lau,....
- CTNH gồm có dầu mỡ dư thừa, hộp đựng dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ.

- Tiếng ồn.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

*** Sản phẩm của dự án**

- Sản phẩm của cơ sở bao gồm: Sợi thép các loại (bao gồm sợi thép có đường kính 0,2mm; 0,3mm; 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm; 0,7mm; 0,8mm).
- Khối lượng sản phẩm 7.000 tấn/năm.



Hình 1.6. Sản phẩm sợi thép của dự án

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất

4.1.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, hoá chất sử dụng cho sản xuất của dự án như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên vật liệu, hoá chất phục vụ cho sản xuất

TT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng/năm		Mục đích sử dụng
			Hiện tại	Khi nâng công suất	
1	Thép cuộn SWRM6	Tấn/năm	5.049,29	7.095,68	Nguyên liệu chế tạo thành phẩm
2	Chì	Tấn/năm	34,22	47,911	Sử dụng cho công đoạn mạ
3	Kẽm	Tấn/năm	223,40	312,759	
4	Nhựa	Tấn/năm	0	85	Công đoạn bọc nhựa
5	Vôi bột	Tấn/năm	5,56	7,780	Công đoạn kéo sợi
6	Vôi nước	Tấn/năm	0,99	1,380	
7	Khí NH ₃	Tấn/năm	59,57	83,4	Cấp khí cho lò ủ liên tục
8	Khí N ₂	Tấn/năm	79,01	110,62	
9	Muối NH ₄ CL	Tấn/năm	2,13	2,975	Cấp cho công đoạn mạ kẽm
10	Dầu sợi ướt	Tấn/năm	11,29	15,8	Sử dụng cho máy sợi ướt và máy bện lưới
11	Dầu hợp sợi	Tấn/năm	28,71	40,2	
12	Dầu động cơ, hộp số	Tấn/năm	1,47	2,35	Máy móc thiết bị
12	Pallet bằng gỗ	Tấn/năm	57,14	80	Đóng gói sản phẩm
13	Màng lọc	Tấn/năm	0,28	0,28	Hệ thống xử lý khí thải
14	Than hoạt tính	Tấn/năm	0,2	0,2	
15	Khuôn kéo sợi thép	Tấn/năm	0,043	0,068	Kéo sợi thép
	Tổng khối lượng	Tấn/năm	5.553,3	8.301,40	

(Nguồn: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina)

Các nguyên liệu được Công ty sử dụng đều được mua từ các đơn vị có đăng ký kinh doanh và uy tín trong nước.

Đặc tính một số loại nguyên vật liệu và hóa chất

- Thép cuộn SWRM6 là thép có đường kính 5,5mm không có bụi, dầu mỡ và tạp chất bám trên bề mặt, và được nhập khẩu 100% từ Hàn Quốc, vận chuyển bằng tàu theo đường biển về Cảng Hải Phòng, sau đó sử dụng Container chuyển về nhà máy.

- Vôi bột là sản phẩm dạng bột của vôi sống (canxi oxit - CaO) hoặc vôi tôi (canxi hydroxit - Ca(OH)_2) dạng bột mịn, có thành phần chính là canxi oxit hoặc canxi hydroxit, có tính kiềm mạnh có tác dụng bôi trơn cho nguyên liệu trước khi vào khuôn kéo.

Màu sắc: Thường có màu trắng đục hoặc trắng ngà do lẫn tạp chất.

Tính chất: Có tính kiềm mạnh và phản ứng mạnh với nước.

- Vôi nước, hay còn gọi là vôi tôi (Ca(OH)_2) và nước vôi trong, có đặc điểm là dung dịch bazơ mạnh với độ pH cao (thường > 12), màu trắng đục hoặc trong suốt (tùy độ bão hòa), không mùi, giúp xử lý bề mặt, tạo lớp màng bảo vệ cho sợi thép.

Tính kiềm mạnh: Vôi nước là một bazơ mạnh với độ pH cao, có thể lên đến 12,5.

Phản ứng với axit: Nó có khả năng trung hòa axit, tạo thành muối và nước.

Tương tác với CO_2 : Vôi tôi dễ dàng hấp thụ khí cacbon dioxide (CO_2) từ không khí, tạo thành canxi cacbonat (CaCO_3).

- Khí NH_3 , hay amoniac, là một hợp chất hóa học vô cơ không màu, có mùi hăng đặc trưng, được tạo thành từ một nguyên tử nitơ (N) và ba nguyên tử hydro (H). Amoniac có tính kiềm nhẹ, được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp hóa chất, nông nghiệp (phân bón), công nghệ làm lạnh và xử lý môi trường. Tuy nhiên, ở nồng độ cao, NH_3 là một chất độc nguy hiểm, có thể gây bỏng nặng da, mắt, đường hô hấp, thậm chí tử vong.

Tính chất của khí amoniac (NH_3)

Vật lý: Là một loại khí không màu, có mùi hăng đặc trưng (mùi khai). Amoniac có khả năng tan nhiều trong nước.

Cấu tạo: Phân tử NH_3 có cấu tạo hình chóp, với nguyên tử nitơ ở đỉnh và ba nguyên tử hydro ở đáy tam giác.

Hóa học: Amoniac có tính kiềm nhẹ. Nó có thể phản ứng với axit tạo thành muối amoni, hoặc tác dụng với oxit kim loại.

Khí N_2 (Nitơ) là khí phổ biến nhất trong khí quyển Trái Đất, chiếm khoảng 78%. Nó không màu, không mùi, không vị và không độc. Nitơ là chất khí trơ, có nghĩa là nó ít phản ứng hóa học, nhưng lại quan trọng cho sự sống và được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp, y tế, thực phẩm và điện tử.

Tính chất vật lý và hóa học:

Không màu, không mùi, không vị:

Đây là những đặc điểm giúp khí N₂ được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực mà không làm ảnh hưởng đến sản phẩm.

Không độc:

Khí N₂ an toàn khi sử dụng.

Trơ hóa học:

Nitơ rất khó phản ứng với các nguyên tố và hợp chất khác, điều này làm cho nó trở thành một môi trường bảo vệ.

Tồn tại ở dạng lỏng:

Nitơ lỏng có nhiệt độ cực thấp, được sử dụng làm chất làm lạnh.

4.1.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước: Nước cấp về cho cơ sở được lấy từ đường ống cấp nước của Khu công nghiệp Nam Sách theo đường ống DN200 cấp về bể chứa nước ngầm dung tích 370m³ để phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất và PCCC.

- Nhu cầu sử dụng nước: Căn cứ TCVN 13606:2023 – Cấp nước mạng lưới đường ống công trình yêu cầu thiết kế, nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Lưu lượng (m ³ /ngàyđêm)
I	Nước cấp cho sinh hoạt (Qsh)			7,65
1	Nước cấp cán bộ việc tại cơ sở	170 người	45lít/người/ngàyđêm	7,65
II	Nước cấp sản xuất			0,92
1	Nước cấp bù cho bể rửa mạ (số lượng 4 bể)	2m ³ /bể	10% dung tích bể	0,8
2	Nước cấp bù cho bể muối (số lượng 4 bể)	300 lít/bể		0,12
III	Nước cấp phục vụ công cộng (Qcc)			1,615
1	Nước tưới cây rửa đường	-	10% Qsh	1,19
IV	Nước thất thoát, rò rỉ	-	15% Qsh +Qsx	1,923
V	Nước cấp PCCC	10l/s	Đám cháy trong 3h	108
Tổng nhu cầu sử dụng nước				121

4.1.3. Nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu sử dụng điện: hầu hết máy móc, thiết bị, các hoạt động là sử dụng điện, bao gồm điện cấp cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt, hệ thống chiếu sáng,... 853.755kWh/tháng

- Nguồn cấp điện: lấy từ đường dây trung áp 22 kV cấp điện cho khu công nghiệp Nam sách.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

5.1. Các hạng mục công trình của Dự án

5.1.1. Cơ cấu sử dụng đất:

5.1.1.1. Các hạng mục công trình của dự án

Các công trình xây dựng có quy mô nêu trên được bố trí trên khu đất có tổng diện tích 13.211m² (đã được phê duyệt trong bản vẽ quy hoạch tổng thể) đảm bảo công năng sử dụng; đảm bảo sự liên hệ giữa các công trình.

Cây xanh được bố trí đảm bảo diện tích một cách khoa học, hài hòa, phù hợp gắn kết các công trình kiến trúc với nhau vừa tạo bóng mát cho nhà máy, vừa tạo cảnh quan.

Các công trình phụ trợ được xây dựng đảm bảo tính liên kết với các công trình khác.

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m²)	Kết cấu	Ghi chú
1	Văn phòng + nhà máy			
1.1	Tầng 1 bố trí khu vực sản xuất bao gồm các phòng nguyên liệu, thay đồ, khu vệ sinh, nhà ăn nhân viên và khu xưởng sản xuất	5.138	Chiều cao 6m. Sử dụng kết cấu khung thép tiền chế và hệ thống giằng mái, giằng cột tăng độ ổn định không gian nhà, xà gồ đỡ mái bằng tấm panel. Tường bao che bên ngoài dùng bê tông chung khí áp 600x200x200 và 600x200x150. Hệ thống vách ngăn nhà máy dùng tấm bê tông khí chung áp 600x200x150. Khu nhà vệ sinh xây tường gạch, tường ốp gạch ceramic 300x400, nền lát chống trơn 300x300.	
1.2	Tầng 2: Bố trí văn phòng làm việc, phòng họp xây dựng trên kho vật liệu, khu nhà ăn, nhà bếp	501	Khu văn phòng dùng trần thả thạch cao 600x600, khung xương vĩnh tường. Mái dùng tấm sandwich panel có lớp cách nhiệt. Nền hành lang+văn phòng lát gạch men bóng 600x600. Cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm.	
2	Nhà để xe	114	Sàn bê tông, kết cấu thép ống chế tạo sẵn có xà gồ lợp mái tôn.	
3	Nhà bảo vệ	20	Sàn bê tông. Kết cấu bê tông, xây tường gạch, lát nền gạch ceramic. Cửa đi và cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép.	

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Kết cấu	Ghi chú
4	Nhà xưởng số 7 (Chuyển đổi từ nhà kho số 7)	1.488	Sàn bê tông, tường làm bằng cách tấm vách panel ghép lại với nhau	Hạng mục mới hoàn thành
5	Nhà kho	942	Sàn bê tông, tường gạch	
6	Kho chứa: gồm kho chứa rác và kho chứa CTNH	18	Sàn bê tông được chia thành các ngăn chứa rác thải sản xuất, rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại. Kết cấu bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong.	
7	Trạm bơm và trạm điện	93	Sàn bê tông. Kết cấu bê tông, xây tường gạch, bê tông lán VXM. Cửa đi thép và cửa sổ có tấm chớp thép. Vỉ kèo thép, xà gồ đỡ mái lợp tôn dày 0,45mm.	
8	Phòng khí Amoniac	40	Sàn bê tông, tường gạch, mái tôn, cửa thép	
9	Bể mặt bồn xử lý nhiệt	24	Sàn bê tông, quây lưới thép B40	
10	Bể tự hoại	16		Ngâm
11	Cây xanh	2.676		
12	Sân đường nội bộ	2.658		

5.1.1.2. Quy mô kiến trúc xây dựng:

a. Văn phòng + nhà máy: Hiện trạng nhà xưởng đã xây dựng, hoàn thiện và đi vào hoạt động theo đúng công suất được phê duyệt tại quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2407/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương của Dự án sản xuất sợi thép (phê duyệt tương ứng với thay đổi chứng nhận đầu tư lần 1 ngày 04/7/2014).

Nhà xưởng có diện tích 5.138 m² được xây dựng 2 tầng.

+ Hiện trạng diện tích nhà xưởng tầng 1 là 5.138 m² được bố trí: kho chứa nguyên liệu, phòng thay đồ, khu vệ sinh cho công nhân, khu vực nhà bếp, nhà ăn và khu vực sản xuất (đặt lò ủ, lò cracking, lò liên tục, đặt máy kéo ướt, phòng đặt máy kéo khô, khu vực mạ nhúng kẽm nóng, khu vực quán thép). Công ty dùng tường ngăn phân chia các bộ phận, dán vách kẻ màu để chia theo từng mã nguyên liệu, sản phẩm tạo thuận lợi cho việc xuất, nhập hàng hoá.

Nhà xưởng được thiết kế cao 6m, sử dụng hệ kết cấu khung thép tiền chế và hệ thống giằng mái, giằng cột tăng độ ổn định không gian nhà, xà gồ đỡ mái lợp tấm sandwich panel.

Mái dùng tấm Sandwich panel có lớp cách nhiệt, mái nhà xưởng được thiết kế thông

gió tự nhiên.

Tường bao che bên ngoài dùng bê tông khí chưng áp 600x200x200 và 600x200x150.

Hệ thống vách ngăn trong nhà máy dùng tấm bê tông khí chưng áp 600x200x150.

Nền nhà máy sơn epoxy.

Khu vệ sinh khu vực nhà máy xây tường gạch, tường ốp gạch ceramic 300x400, nền lát gạch chống trơn 300x300, trần sandwich panel EPS.

Cửa đi và cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép, cửa khung thép, cửa chính có kích thước rộng 40, cao 3,5m.

Bố trí 01 máy điều hòa công suất 9.000BTU/h; 01 máy điều hòa công suất 35.000 BTU/h để điều hòa nhiệt độ.

Tại khu vực nhà xưởng sản xuất lắp đặt 14 quạt thông gió công nghiệp (2 chiếc công suất 1.000 m³/h/chiếc; 4 chiếc công suất 1.200 m³/h/chiếc; 3 chiếc 546 m³/h/chiếc; 5 chiếc công suất 300 m³/h/chiếc.

Tại khu vực nhà vệ sinh lắp đặt quạt thông gió trên tường, loại quạt vuông có kích thước 300x300mm.

+ Hiện trạng diện tích nhà xưởng tầng 2 là 501 m² được bố trí: văn phòng, phòng họp xây dựng phía trên kho vật liệu, khu nhà ăn, nhà bếp.

Khu văn phòng dùng trần thả thạch cao 600x600, khung xương Vĩnh tường.

Mái dùng tấm sandwich panel có lớp cách nhiệt.

Nền hành lang + văn phòng lát gạch men bóng 600x600

Cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm.

Tại tầng 2: bố trí 01 máy điều hòa công suất 9.000 BTU/h; 02 máy điều hòa công suất 35.000 BTU/h để điều hòa nhiệt độ.

Khu vực nhà vệ sinh được lắp quạt thông gió trên tường, kích thước quạt 300x300mm.

+ Nhà xưởng số 7: diện tích 1.488 m²: Hiện nay Công ty đã hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị tại nhà xưởng số 7 (nhà xưởng số 7 được sửa chữa, cải tạo, chuyển đổi từ nhà kho số 7). Tại đây bố trí lò mạ số 5A, 5B và dây chuyền bọc nhựa.

Nhà xưởng được thiết kế cao 6m, sử dụng hệ kết cấu khung thép tiền chế và hệ thống giằng mái, giằng cột tăng độ ổn định không gian nhà, xà gồ đỡ mái lợp tấm sandwich panel. Mái dùng tấm Sandwich panel có lớp cách nhiệt, mái nhà xưởng được thiết kế thông gió tự nhiên.

****/ Các công trình phụ trợ:***

- Nhà để xe: Sàn bê tông, kết cấu thép ống chế tạo sẵn có xà gồ mái lợp tôn.

- Nhà bảo vệ: Sàn bê tông, kết cấu bê tông, xây đường gạch, nền lát gạch ceramic, cửa đi và cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép, phòng vệ sinh xây tường gạch, tường ốp gạch ceramic, nền lát gạch chống trơn, trần bê tông sơn 3 lớp nước.

- Trạm bơm: Sàn bê tông, kết cấu bê tông, xây tường gạch, nền bê tông láng vữa xi măng, cửa đi thép và cửa sổ lắp chớp thép, vì kèo thép, xà gồ đỡ mái lợp dày 0,45mm.

- Nhà kho chứa rác và chất thải nguy hại: Sàn bê tông được chia thành các ngăn chứa rác thải sản xuất, chất tahri sinh hoạt và chất thải nguy hại, kết cấu bê tông, xây tường gạch, nền bê tông, cửa đi dùng cửa lưới thép, vì kèo thép, xà gồ đỡ mái lợp tôn.

- Bể nước ngầm: Kết cấu bê tông, vách bê tông cốt thép. Bể chứa nước ngầm có dung tích chứa 370m³.

*** /Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật**

- Hệ thống cấp nước:

Sơ đồ cấp nước: Nước sạch từ đường ống cấp nước của KCN → Bể chứa nước ngầm → trạm bơm → đến nơi tiêu thụ trong nhà máy.

Nguồn cấp nước được lấy từ mạng lưới cấp nước của khu công nghiệp, cấp vào bể chứa nước ngầm (có thể tích 370m³). Nhà máy có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước trước khi vào bể chứa nước ngầm để tiện quản lý, nhanh chóng phát hiện khi có hiện tượng rò rỉ thất thoát.

Bể chứa nước mái phục vụ sinh hoạt 5m³.

Vật liệu đường ống cấp nước dùng bằng ống nhựa PP-R (ống hàn nhiệt) có đường kính từ Ø25 đến Ø80.

Toàn bộ hệ thống ống cấp nước đi trong các hộp kỹ thuật, nên trần giả, ngầm trong sàn ngầm tường, hoặc chân tường.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Toàn bộ nước thải từ các chậu xí tiểu được thu vào các ống đứng thoát xí đặt trong hộp kỹ thuật và tự chảy về ngăn chứa của bể tự hoại. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ tự chảy vào đường ống thu gom nước thải ngoài nhà đường kính DN200, độ dốc 0,3% thoát ra ga đầu nổi nước thải của nhà máy với KCN.

+ Toàn bộ nước rửa được thu vào ống đứng thoát nước rửa tự chảy về các hố ga thoát nước của mạng lưới thoát nước bên ngoài nhà rồi theo đường ống thu gom đường kính D200, độ dốc 0,3% thoát ra ga đầu nổi nước thải của nhà máy với KCN.

Nước thải nhà bếp được thu gom vào rãnh thoát nước B300 về bể tách mỡ để dầu

mở trước khi chảy ra đường ống DN200 thoát rag a đầu nổi nước thải của nhà máy với KCN.

Tọa độ điểm đầu nổi thoát nước thải của dự án với KCN là: X. 2319333, y. 0564263. Vị trí đã thỏa thuận với đơn vị cung cấp hạ tầng thể hiện trên bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Nước mưa trên mặt bằng nhà máy chảy vào các hố ga và tuyến ống. DN400 dốc 0,3% chạy quanh nhà máy rồi được dẫn xả vào cống thoát nước mưa chung của KCN tại điểm đầu nối thoát nước mưa (Vị trí đã thỏa thuận với đơn vị cung cấp hạ tầng thể hiện trên bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước). Tổng chiều dài tuyến đường cống thoát nước nhà D400 là 555m.

Hồ ga thu nước mưa xây bằng bê tông cốt thép, phía trong có trát vữa xi măng mác 75 dày 35mm và đáy đan bằng nắp bê tông cốt thép, và có miệng cửa thu sát mép đường. Tổng toàn nhà máy có 31 hồ ga, cao độ của các hồ gat hay đồi để đảm bảo độ dốc 0,3% hướng về điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung của KCN.

- Hệ thống cấp điện

Nhà máy sử dụng 2 trạm biến áp 1500KVA lấy điện từ đường dây trung thế của KCN Nam Sách để cấp điện cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt và chiếu sáng.

Cáp điện từ tủ phân phối hạ thế 0,4kV tại trạm biến áp tới các tủ điện phân phối tổng, phía ngoài nhà dùng cáp điện Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC lắp đặt trên các thang máng cáp. Cáp điện giao với đường ống nước phải đặt dưới đường ống nước đảm bảo khoảng cách giữa cáp và đường nước là 0,5m. Cáp đi ngang qua đường ô tô cần được luồn trong ống thép chịu lực hoặc ống HDPE đường kính D90-D160 và chôn ở độ sâu 1m. Trong nhà máy cáp điện từ tủ phân phối tới các phụ tải được cố định trên thang cáp, cáp điện được luồn trong ống nhựa đi ngầm tường, trên panel, trần hoặc đi trên trần giả.

Sử dụng công tắc ngầm tường để âm chống cháy loại có dòng định mức 15A.

Ổ cắm sử dụng trong công trình là loại ổ cắm có tiếp điểm nối với hệ thống tiếp đất an toàn.

Sử dụng áp to mát trong các tủ điện để bảo vệ mạch điện.

Sử dụng dây dẫn lõi đồng có cách điện bằng vỏ PVC.

5.2. Danh mục máy móc thiết bị của dự án

Dự án tăng quy mô dự án từ khoảng 5.000 tấn sản phẩm các loại/năm thành 7.000 tấn sản phẩm các loại/năm. Dự án bổ sung thêm máy móc thiết bị của hệ thống bọc nhựa và đan sợi thép. Danh mục máy móc, thiết bị cụ thể như sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hình ảnh
A	Máy móc thiết bị hiện tại					
I	Kéo sợi khô					
1.	Máy kéo sợi khô	cái	3	2015	Trung Quốc	
2.	Máy hàn dây nguyên liệu	cái	2	2015	Trung Quốc	
3.	Máy nước vôi	cái	3	2015	Trung Quốc	
4.	Máy sấy khô dây	cái	3	2015	Trung Quốc	
II	Ủ nhiệt					
1.	Lò ủ nhiệt	Bộ	6	2015	Hàn Quốc	
III	Kéo sợi ướt					

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hình ảnh
1.	Máy kéo sợi ướt	cái	60	2015	Trung Quốc	
IV	Mạ					
1.	Bể rửa, làm mát	Bể	4	2015	Trung Quốc	
2.	Lò ủ liên tục	Lò	4	2015	Trung Quốc	
3.	Bể muối	Bể	4	2015	Trung Quốc	
4.	Lò mạ	Lò	4	2015	Trung Quốc	
5.	Dàn máy hạ dây	Bộ	4	2015	Trung Quốc	
V	Quấn dây hợp sợi					

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hình ảnh
1.	Máy hợp sợi	Bộ	29	2015-2017	Trung Quốc	
2.	Máy quấn dây 90kg	Bộ	14	2018-2020	Trung Quốc	
3.	Máy quấn dây 20 dây	Bộ	4	2018-2019	Trung Quốc	
VI Máy móc thiết bị khác						
1.	Máy nén khí	Bộ	3	2015-2018	Hàn Quốc	
2.	Máy biến áp	Bộ	2	2015-2018	Việt Nam	
3.	Máy phát điện 150KVA	Máy	1	2018	Hàn Quốc	
4.	Máy bơm nước sinh hoạt	Máy	2	2015	Trung Quốc	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hình ảnh
5.	Máy bơm nước vệ sinh	Máy	2	2015	Trung Quốc	
6.	Máy bơm dầu sợi ướt	Máy	4	2015	Trung Quốc	
7.	Bơm cứu hỏa	Cái	2	2015	Trung Quốc	
8.	Máy bơm nước sợi khô	Cái	2	2015	Trung Quốc	
9.	Tháp làm mát dầu sợi ướt	Bộ	1	2017	Trung Quốc	
10.	Tháp làm mát nước	Bộ	2	2016	Trung Quốc	
11.	Máy sửa dies	Máy	2	2016	Trung Quốc	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hình ảnh
12.	Máy đánh bóng dies	Máy	10	2017	Trung Quốc	
13.	Điều hòa	Cái	6	2015-2018	Việt Nam Hàn Quốc	
14.	Máy hút ẩm	Cái	6	2018	Trung Quốc	
15.	Xe nâng	Xe	2	2019	Trung Quốc	
16.	Cầu trục	Cái	2	2015	Hàn Quốc	
A Máy móc thiết bị đầu tư bổ sung mới phục vụ nâng công suất						
17.	Lò mạ	Lò	2	2024	Trung Quốc	
18.	Lò ủ liên tục	Lò	1	2015	Trung Quốc	
19.	Bể muối	Bể	1	2015	Trung Quốc	
20.	Bể rửa làm mát	Bể	1	2015	Trung Quốc	
21.	Dàn máy hạ dây	Bộ	1	2015	Trung Quốc	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hình ảnh
22.	Máy bọc dây nhựa PVC	Bộ	1	2015	Trung Quốc	
			3	2026		
23.	Máy đan lưới hình lục giác	Bộ	10	2024	Trung Quốc	

(Nguồn: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina)

Nguyên lý hoạt động của các máy móc thiết bị chính:

**/ Nguyên lý hoạt động của máy kéo sợi khô.*

Nguyên liệu đầu vào là dây thép phi 5.5, đi qua hệ thống các con lăn được bố trí theo nhiều hướng khác nhau, mục đích để làm bong các lớp han gỉ trên bề mặt của dây thép, sau đó được đưa vào máy nước vôi để xử lý bề mặt, tạo một lớp màng bảo vệ trên bề mặt, sau đó, dây được sấy khô thông qua máy sấy khí hoạt động bằng điện. Sau khi qua máy sấy khô, dây thép sẽ được các motor kéo qua các khuôn có kích thước khác nhau, và nhỏ dần, để có được đầu ra của công đoạn này là kích thước 1.6mm. Tại mỗi vị trí khuôn kéo có bố trí nước làm mát cho khuôn kéo, và vôi bộ để bôi trơn.

**/ Nguyên lý hoạt động của lò ủ nhiệt POT.*

Sau khi dây được rút làm nhỏ đến 1.6 mm tại công đoạn máy sợi khô, cơ tính của vật liệu bị thay đổi, dây thép sẽ nên cứng hơn. Để có thể tiếp tục rút nhỏ hơn nữa cần phải trải qua quá trình ủ phục hồi cơ tính của vật liệu. Dây thép sẽ được chứa trong các giá đỡ khoảng 1 tấn và đưa vào các lò ủ. Lò ủ được gia nhiệt bằng điện thông qua điện trở và hệ thống tủ điện điều khiển. Quá trình ủ bao gồm 3 giai đoạn. Giai đoạn tăng nhiệt độ của lò đến nhiệt độ cài đặt (tùy theo tiêu chuẩn sản phẩm, thông thường khoảng 700 độ C), diễn ra trong khoảng 5 tiếng. Giai đoạn duy trì nhiệt độ của lò ở mức nhiệt độ cài đặt để dây thép có đủ thời gian phục hồi (thời gian 5 tiếng). Giai đoạn làm nguội, lò được làm nguội một cách tự nhiên, giảm dần nhiệt độ từ 700 độ xuống 400 độ, do trao đổi vs môi trường xung quanh (thời gian khoảng 33 tiếng). Khi nhiệt độ lò giảm xuống 400 độ, dây thép sẽ được đưa ra ngoài và tiếp tục được làm nguội tự nhiên và chuyển sang công đoạn kéo sợi ướt.

Trong quá trình ủ lò, khi Nitơ luôn được cung cấp vào trong lò nhằm mục đích đẩy hết toàn bộ khí oxy ra ngoài nhằm tránh gây oxy hóa bề mặt thép, và khí nito có tác dụng làm mềm, phục hồi lại cơ tính cho sợi thép.

**/ Nguyên lý máy kéo ướ́t.*

Dây thép sau khi ủ đã được phục hồi, tiếp tục được đưa vào máy sợi ướ́t để rút nhỏ tới các kích thước theo tiêu chuẩn của khách hàng. Dây được đưa qua các khuôn kéo có kích thước nhỏ dần thông qua hệ thống mô tơ truyền động các bánh răng và các con lăn, và khuôn được ngâm trong nước có pha thêm dầu nhằm mục đích bôi trơn và làm mát, dung dịch này được bơm tuần hoàn từ bể chứa tới các máy rồi quay lại bể. Dây sau khi được rút nhỏ sẽ quấn vào các bobin thép và chuyển sang công đoạn mạ.

**/ Nguyên lý công đoạn mạ*

Dây thép từ công đoạn kéo sợi ướ́t đưa sang, qua bể rửa bằng nước (mục đích là nhằm loại bỏ cặn bẩn bám trên bề mặt. Sau đó đi qua lò ủ liên tục (được gia nhiệt bằng điện thông qua các thanh điện trở đốt nóng, duy trì nhiệt độ ở khoảng 700 độ C) để làm phục hồi cơ tính của sợi thép. Hỗn hợp khí N_2 , H_2 được phân tách từ khí NH_3 được đưa vào lò để loại bỏ khí oxy, phục hồi sợi thép. Sau khi qua lò ủ, dây thép sẽ được đi qua bể nước muối NH_4Cl , để xử lý bề mặt, giúp dây thép sau khi mạ được sáng bóng, đẹp hơn.

Dây thép sau khi qua bể muối sẽ tiếp tục đi qua bể mạ chì kẽm và sẽ được chạy qua các trống quấn dây và đưa vào các kerya để chuyển sang các công đoạn thành phẩm.

**/ Nguyên lý máy hợp sợi, quấn bobin*

Dây thép sau khi được mạ, sẽ được quấn vào quả bobin với kích thước và chủng loại khác nhau tùy theo từng yêu cầu của khách hàng. Máy hoạt động dựa vào các cơ cấu truyền động của mô tơ quấn dây vào bobin, và các bộ đếm giúp phát hiện được chính xác khối lượng của sản phẩm theo yêu cầu.

**/ Nguyên lý máy đan lưới*

Dây sau khi được mạ hoặc bọc nhựa sẽ được chuyển sang máy đan lưới

Máy hoạt động bằng điện, khi mô tơ quay truyền động đến các bánh răng và cơ cấu trục cam, làm các sợi dây thép xoắn với nhau thành hình lục giác có các kích thước tùy theo thiết kế của máy, lưới thành phẩm được quấn thành các cuộn có độ dài từ 25 đến 1000 mét tùy theo yêu cầu của khách hàng

**/ Nguyên lý hoạt động của máy bọc dây nhựa PVC.*

Dây thép sau khi qua công đoạn sợi ướ́t sẽ chuyển sang công đoạn bọc nhựa. Tại đây, các hạ nhựa PVC sẽ được gia nhiệt nóng chảy ở nhiệt độ khoảng 150 độ C, thông qua trục vít, nhựa sẽ được đẩy vào khuôn và bọc bên ngoài của dây thép. Sau đó qua

bể nước làm mát tuần hoàn và được quấn vào các bobin. Sản phẩm sẽ được chuyển sang máy lưới để đan thành lưới nhựa hoặc đóng gói xuất khẩu cho khách hàng.

5.3. Tổng vốn đầu tư

Dự án có tổng mức đầu tư là 117.530.600.210 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, năm trăm ba mươi triệu, sáu trăm nghìn, hai trăm mười đồng). Trong đó:

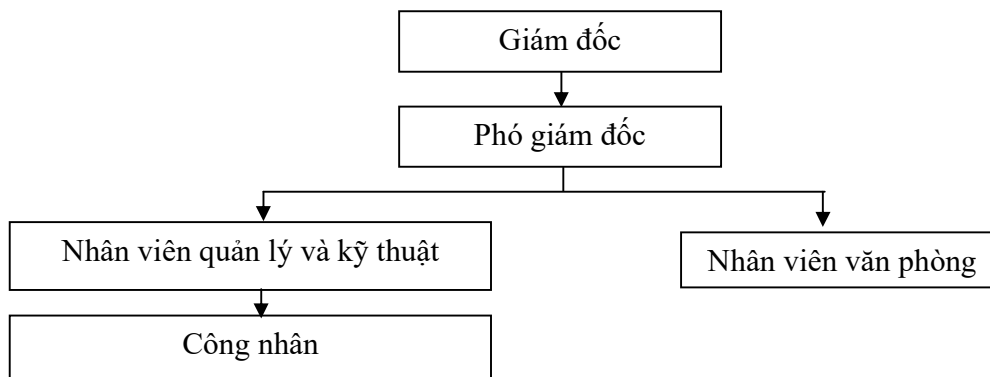
Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 67.920.000.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng).

Vốn huy động là 49.610.600.210 đồng (Bốn mươi chín tỷ, sáu trăm mười triệu, sáu trăm nghìn hai trăm mười đồng).

5.4. Nhu cầu về lao động và chế độ làm việc

5.4.1. Tổ chức bộ máy điều hành

Tổ chức bộ máy điều hành Công ty bao gồm:



Hình 1.7. Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của dự án

5.4.2. Nhu cầu lao động của dự án như sau:

Quản lý dự án: Theo hình thức Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

Tổng số cán bộ, nhân viên dự kiến lớn nhất của dự án: khoảng 170 người.

Chế độ làm việc được xác định trên cơ sở Luật lao động và điều kiện thực tế.

Số ngày làm việc trong năm là: 312 ngày; Số ca làm việc trong ngày: 3 ca; Số giờ làm việc trong 1 ca: 8 tiếng.

Công ty thực hiện việc tuyển dụng lao động làm việc tại Dự án về độ tuổi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; việc thực hiện chế độ chính sách cho người lao động (tiền lương, BHXH, phụ cấp, ...) theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc quy định về việc sử dụng lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo đúng quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của chính phủ; Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2022 của Bộ Lao động-TB&XH.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:*

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có nêu mục tiêu tổng quát là chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã lắp đặt các HTXL khí thải; HTXL nước thải sinh hoạt, HTXL nước thải sản xuất; bố trí các phương tiện lưu chứa, kho chứa chất thải theo đúng quy định. Mặt khác loại hình sản xuất của Công ty thuộc loại hình thu hút đầu tư trong KCN, nên việc đầu tư dự án là phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- Về tính phù hợp với Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Theo chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 dự án có sự phù hợp với các nhiệm vụ của chiến lược như sau:

Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa theo hướng thân thiện với môi trường. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các cụm công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường.

Biện pháp bảo vệ môi trường: Dự án được quy hoạch đầy đủ hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung và quy hoạch đầy đủ vị trí xây dựng kho lưu trữ chất thải nguy hại, chất thải rắn...

Do đó, Dự án hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

** Sự phù hợp của dự án với quy hoạch phân vùng môi trường:*

Từ 1/7/2025, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương thực hiện hợp nhất thành thành phố Hải Phòng mới. Tuy nhiên, theo quy hoạch chung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì quy hoạch chung của Hải Phòng vẫn là các quy hoạch chung riêng rẽ của Hải Phòng và Hải Dương cũ.

Tại Hải Dương cũ, tháng 12/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 1639/QĐ - TTg ngày 19/12/2023 phê duyệt quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, đến năm 2030, Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, trung tâm động lực vùng đồng bằng sông Hồng. Năm 2050, Hải Dương đạt tiêu chí thành phố trực thuộc trung ương. Phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ) như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: được phân thành 02 tiểu vùng, gồm:

+ Tiểu vùng bảo tồn: khu bảo vệ cảnh quan Côn Sơn - Kiếp Bạc, khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, khu di tích An Phụ - Kính Chủ - Nhâm Dương, Văn miếu Mao Điền, Cụm di tích đền Xưa - chùa Giám - đền Bia, Đền thờ Chu Văn An và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

+ Tiểu vùng bảo vệ có kiểm soát: nội thành, nội thị của các đô thị loại I, II, III; phân khu dịch vụ hành chính thuộc khu bảo vệ cảnh quan Côn Sơn - Kiếp Bạc, vườn thực vật An Phụ và vườn thực vật Côn Sơn.

- Vùng hạn chế phát thải: vùng đệm các khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ thiên nhiên, vùng đệm khu bảo vệ cảnh quan Côn Sơn - Kiếp Bạc; khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng (đền Chu Văn An, khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, đền Cao - Chí Linh, đảo Cò Chi Lãng Nam); khu vực đất ngập nước quan trọng (ngã ba sông Kinh Thầy và Kinh Môn, khu vực bãi bồi ven sông Thái Bình có bãi rươi cáy, các hồ chứa nước); khu vực bảo vệ II di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia; hành lang đa dạng sinh học núi; rừng phòng hộ đầu nguồn; nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; ngoại thành, ngoại thị của các đô thị loại I, II, III; vùng trồng lúa nước hai vụ; vùng nuôi trồng thủy sản; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

Dự án sản xuất sợi thép của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina được thực tại Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như không nằm trong vùng hạn chế phát thải theo Quy hoạch của tỉnh đã được duyệt.

** Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác:*

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 04/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Dương đến năm 2040.

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023. Cụ thể: Dự án thuộc Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (Mục II.2, phần II, Phụ lục XX kèm theo Quyết định 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ). Trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bố trí khoảng 390 ha đất dành cho an ninh, tăng 144 ha so với hiện tại (Mục I.2, Phụ lục XVI).

Đối chiếu với những ngành nghề thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2024 –2030 theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương thì dự án đầu tư của của Công ty không nằm trong danh mục các dự án hạn chế đầu tư giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

Cơ sở nằm trong KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 08/QĐ-TN&MT ngày 11/03/2004 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê chuẩn. Ngày 17/05/2012 KCN Nam Sách được cấp Giấy xác nhận số 58/GXN-STNMT việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

Năm 2018, KCN đã thực hiện nâng công suất trạm XLNT từ 3.000m³/ngày đêm lên 3.600m³/ngày đêm và được UBND tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 4/5/2018 về việc phê duyệt báo cáo ĐTM cho dự án. Sau khi xây dựng hoàn thiện dự án được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận số 204/GXN-STNMT ngày 24/7/2020 về việc thực hiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường. Nước thải sau xử lý của hệ thống xả ra môi trường đã được UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước vào công trình thủy lợi số 107/GP-UBND ngày 9/1/2019 với lưu lượng xả lớn nhất là 3.600m³/ngày đêm

Tính chất của khu công nghiệp theo quy hoạch và ĐTM đã được phê duyệt là khu công nghiệp: Công nghệ dệt may; Sản xuất giày dép xuất khẩu, sản phẩm da cao cấp; Công nghiệp giấy: Chủ yếu các nhà máy sản xuất giấy cao cấp; Chế biến nông - lâm sản; Các nhà máy sản xuất gốm - sứ - thủy tinh cao cấp; Thu gom vận chuyển lưu giữ và xử lý chất thải; Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ Polyethylene; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ nhựa và cao su; Sản xuất gia công các sản phẩm từ sắt và nhôm; Sản xuất bao bì; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Như vậy loại hình sản xuất của Công ty được thực hiện tại KCN Nam Sách là loại hình công nghiệp sản xuất gia công các sản phẩm từ sắt hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của KCN.

- Dự án nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn 2030 theo Nghị quyết số 31/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phù hợp với Quyết định 3130/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phù hợp với Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 3/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Dương (hiện nay đã sát nhập với thành phố Hải Phòng) đến năm 2040.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải, tuân theo văn bản pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Đối với môi trường nước: Quá trình hoạt động của dự án phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong nhà máy với lưu lượng khoảng 7,65 m³/ngày đêm được đưa qua bể tự hoại để xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó sẽ đầu nối nước thải của nhà máy với KCN. Nước thải sản xuất phát sinh từ bể muối, bể rửa và làm mát, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bẩn của bể...

Về khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải của KCN Nam Sách: KCN Nam Sách đã được Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý là 3.600m³/ngày đêm. Hiện tại, trạm xử lý đã tiếp nhận xử lý nước thải của các đơn vị trong KCN Nam Sách với lưu lượng khoảng 2.000 m³/ngày đêm. Do vậy, với lượng nước thải lớn nhất của dự án là 7,65 m³/ngày đêm (nước thải sinh hoạt), trạm xử lý nước thải của KCN hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận xử lý nước thải phát sinh của công ty

Nội dung về đầu nối, xử lý nước thải thể hiện tại hợp đồng thuê lại đất số 217-2014/HĐTD-NS ngày 21/7/2014 giữa Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang.

- Đối với môi trường không khí: Khi dự án đi vào hoạt động phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sản xuất. Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; đối với các hoạt động sản xuất Công ty sẽ lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải nhằm xử lý triệt để khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

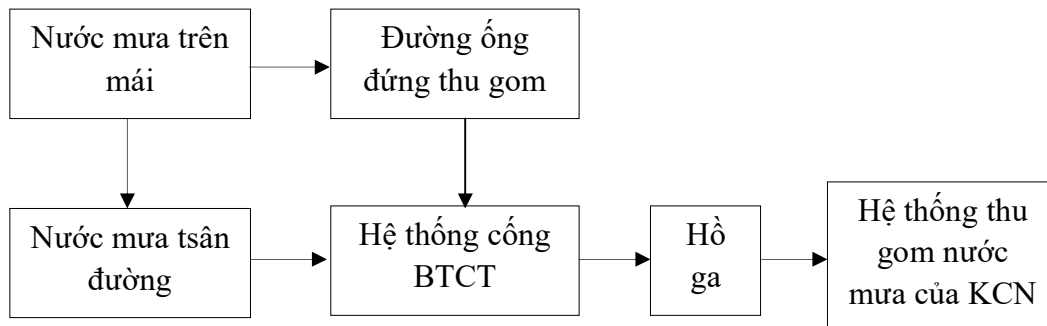
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa

Phương án thu gom, thoát nước mưa không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp (báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương cũ Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép” tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA). Cụ thể như sau:

a. Thu gom, thoát nước mưa

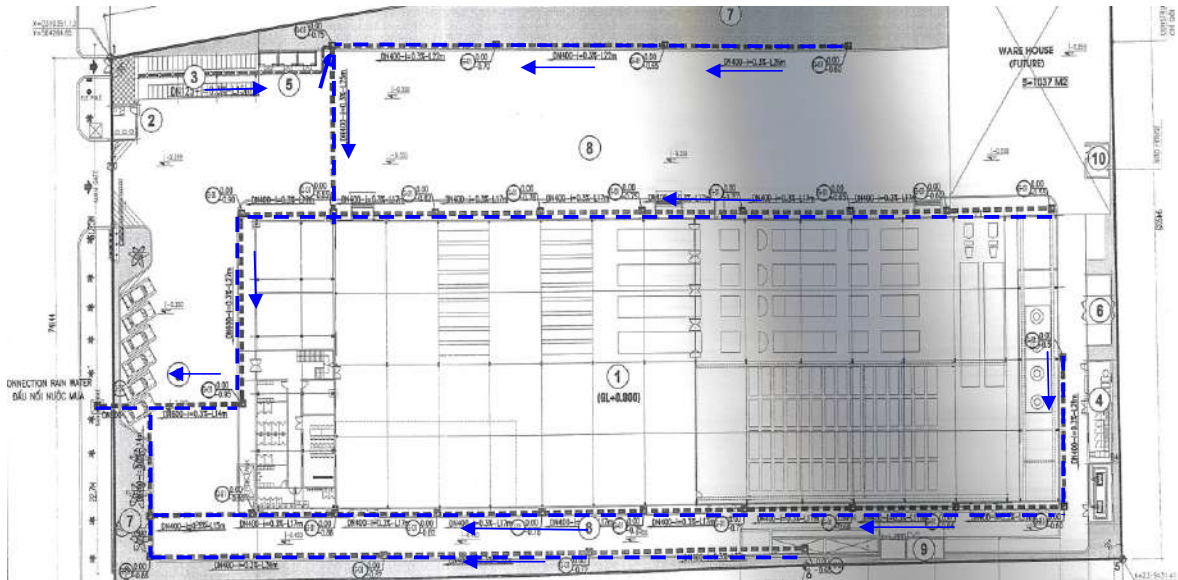
Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Phương án thu gom như sau:



Hình 3.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa trên mái: Nước mưa trên mái công trình, nhà xưởng được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D100 và ống tôn chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt dưới chân công trình.

- Hệ thống thoát nước bề mặt: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu nhà máy được thu gom bằng cống thoát nước nước mặt BTCT DN400, DN 600, DN 800, độ dốc 0,3%, chạy dọc quanh nhà máy rồi dẫn xả vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN tại 01 điểm xả tại phía Tây nhà máy.



Hình 3.2. Tổng mặt bằng thoát nước mưa tại cơ sở

Trên tuyến cống thoát nước mưa bố trí các hố ga để lắng cặn với số lượng 31 hố.

- Tọa độ điểm xả: X = 2319333; Y= 564263 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

Bảng 3.1. Thống kê thống số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống thoát nước mái PVC D100	m	182
2	Ống tôn thoát nước	m	400
3	Cống thoát nước BTCT DN 400	m	501
4	Cống thoát nước BTCT DN 600	m	41
5	Cống thoát nước BTCT DN 800	m	10
6	Hố ga	Hố	31
7	Điểm xả nước mưa ra hệ thống thu gom nước mưa KCN		01

(Nguồn: Bản vẽ thu gom, thoát nước thải)

- Các biện pháp giảm thiểu, kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm:

+ Toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của nhà máy tách biệt hoàn toàn với nước thải do đó không bị ô nhiễm của nước thải;

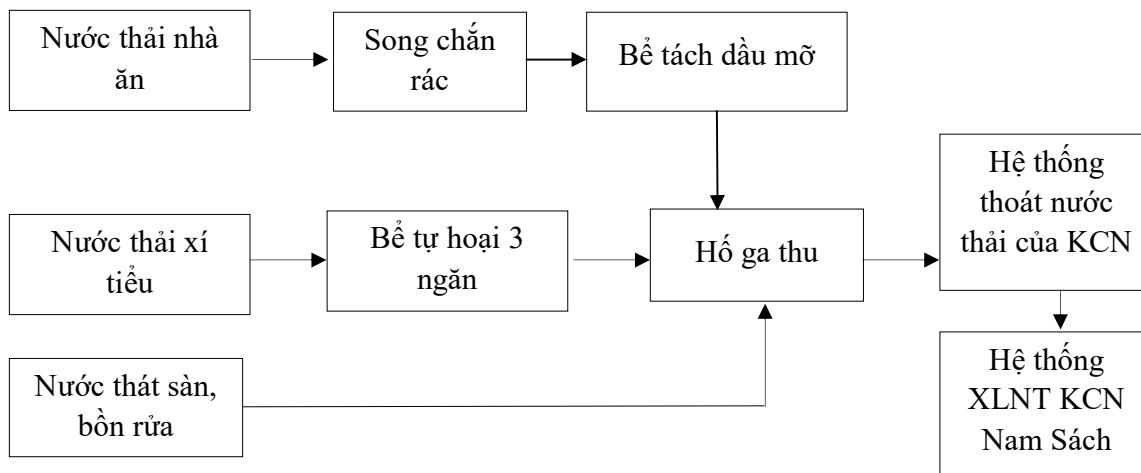
+ Chủ cơ sở thường xuyên nạo vét tuyến cống thu gom định kỳ 3 tháng/lần, gia tăng vào mùa mưa để tránh gây tắc nghẽn ngập úng. Bùn cặn được hợp đồng với đơn

vị có chức năng đến nạo vét thu gom, không lưu chứa tại nhà máy;

1.2. Thu gom, thoát nước thải

**/ Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt*

- Thành phần ô nhiễm trong nước thải: nước thải phát sinh từ quá trình nấu ăn và nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật. Nước thải phát sinh đều được xử lý bằng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ trước khi chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.



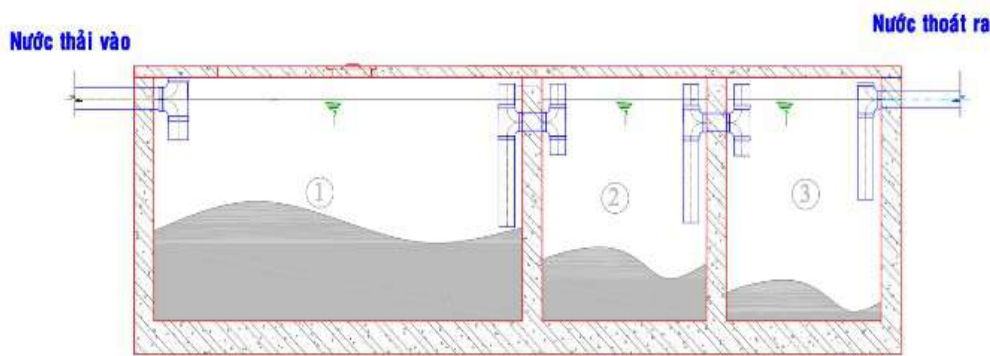
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại dự án

- Phương án thu gom:

+ Nước thải đen (nước xí tiều) phát sinh từ khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D60 xuống bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm (số lượng 3 bể) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống D200, độ dốc 0.3% chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

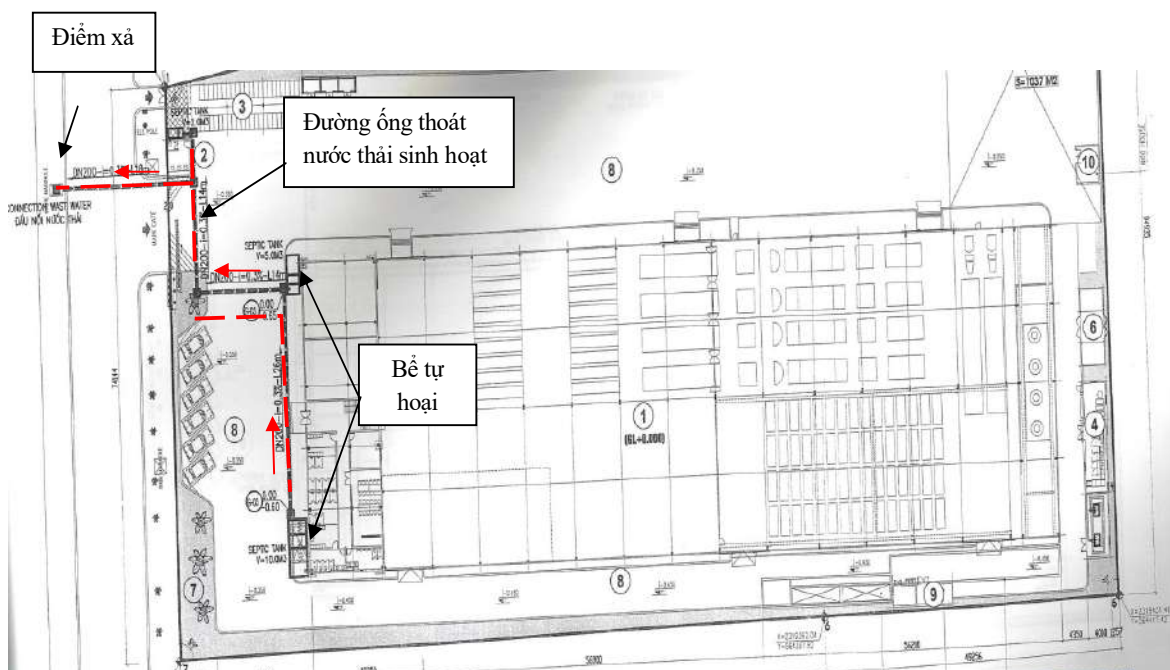
+ Nước thải xám (nước thoát sàn, bồn rửa) phát sinh từ khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D60, độ dốc 0.3%, chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

Công ty đã xây dựng hoàn thiện 3 bể tự hoại 3 ngăn dung tích dung tích 2m^3 , 5m^3 và 10m^3 để xử lý nước thải.



Hình 3.4. Sơ đồ minh họa xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn

- Chức năng: Xử lý sơ bộ nước thải xí tiểu phát sinh tại cơ sở
 - Công nghệ: Nước thải được lưu giữ trong bể tự hoại và dưới tác động của vi khuẩn yếm khí để phân hủy các chất hữu cơ.
 - Cấu tạo: Bể tự hoại 3 ngăn gồm ngăn chứa cặn, ngăn lắng 1, ngăn lắng 2 với tỷ lệ giữa các bể là 2:1:1.
 - Quy trình xử lý:
 - + Ngăn chứa cặn: Đây là nơi chứa các chất thải từ sinh hoạt. Khi xả nước, chất thải theo đường ống trôi xuống ngăn chứa, đợi các vi sinh vật phân hủy thành bùn.
 - + Ngăn lắng 1: Ngăn này có chức năng lắng các chất thải lơ lửng sau khi phân hủy ở ngăn chứa cặn.
 - + Ngăn lắng 2: Thực hiện lắng các chất thải không thể phân hủy được ở ngăn chứa cặn, chẳng hạn như kim loại, tóc, vật cứng...
 - Kết cấu bể tự hoại: BTCT.
- Nước thải phát sinh đảm bảo xử lý sơ bộ theo giá trị C của tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Nam Sách (thông tin chi tiết tại Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải đính kèm phụ lục báo cáo).
- Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24/24h.
 - Phương thức xả thải: Tự chảy ra hệ thống thoát nước thải KCN, chảy về Hệ thống XLNT KCN Nam Sách.
 - Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống XLNT KCN Nam Sách công suất 3.600m³/ngày đêm.
 - Tọa độ điểm xả: X = 2319333; Y=564263(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°)



Hình 3.5. Mặt bằng đường ống xả thải

Cửa xả nước thải: Đường ống thoát nước thải PVC D200.

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước thải sinh hoạt

TT	Hệ thống thoát nước thải	Đơn vị	Số lượng
1	Đường ống PVC D60	m	100
2	Đường ống PVC D110	m	30
3	Đường ống PVC D200	m	54
4	Hố ga (kích thước 1000*1000)	cái	5

(Nguồn: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina)

*/. Thu gom, xử lý nước thải sản xuất

- Nước thải công nghiệp không phát sinh. Toàn bộ nước từ hoạt động rửa và làm mát của cơ sở được tuần hoàn tái sử dụng, không phát sinh ra ngoài môi trường. Cụ thể:

+ Nước từ hoạt động rửa và làm mát sản phẩm trước khi mạ kẽm

Tại công đoạn trước khi mạ kẽm, dây thép được đưa qua bể rửa và làm mát dung tích 2m³/bể (số lượng 4 bể) có cấu trúc bằng inox). Lượng nước cấp bù cho thất thoát bay hơi khoảng 10% dung tích bể.

Định kỳ 3 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bẩn của bể, nước trong trên bề mặt được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

+ Nước từ bể muối

Trước khi mạ sẽ cho dây thép đã định hình chạy qua bể khử muối để làm sạch bề mặt trước khi mạ. Tại đây không phát sinh nước thải, lượng nước cấp bù cho thất thoát bay hơi khoảng 10% dung tích bể.

Định kỳ 4 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bẩn của bể, nước trong trên bề mặt được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông

Để hạn chế tác động của nguồn thải này Công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp sau:

- Toàn bộ khu vực đường nội bộ đều được bê tông hóa và vệ sinh sạch sẽ hàng ngày.
- Xây dựng chế độ điều tiết xe vận tải chờ nguyên, nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng ùn tắc giao thông tại tuyến đường ra vào Công ty.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Đối với các phương tiện của cán bộ công nhân Công ty yêu cầu dừng xe khi đến cổng Công ty và dắt xe vào khu để xe tập trung đúng quy định.

- Không cho xe nổ máy trong khi đang giao, nhận hàng.

- Các phương tiện khi đi vào đường nội bộ của Công ty đi với tốc độ tối đa 5km/h.

- Xe chờ đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

- Chỉ sử dụng phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

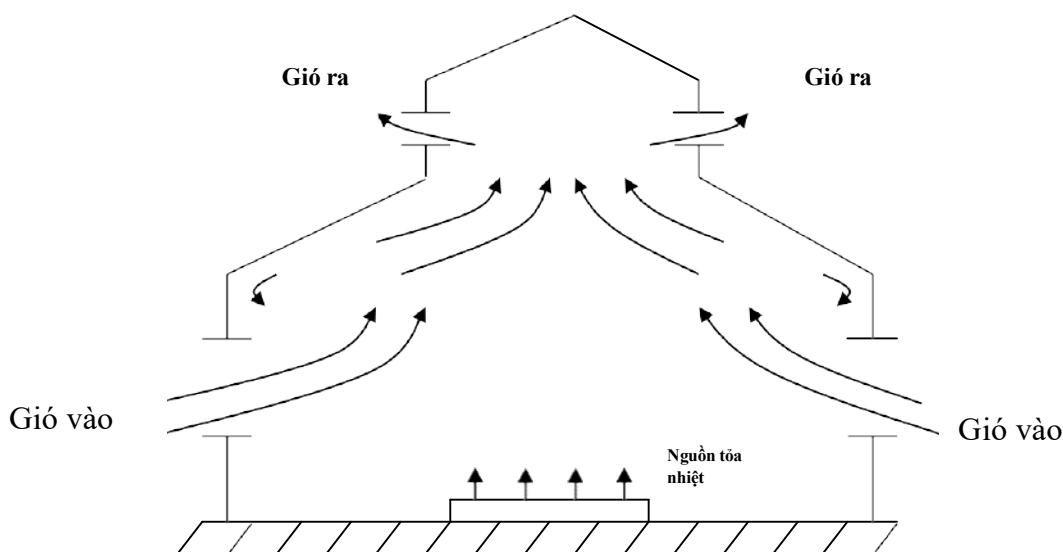
2.2. Đối với bụi, khí thải và nhiệt độ dư thừa từ khu vực nhà xưởng:

- Nhà xưởng được thiết kế xây dựng thoáng mát sạch sẽ, đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết cho quy trình lao động của công nhân (ánh sáng, thông khí,...).

- Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại các nhà xưởng sản xuất:

Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Sử dụng hệ thống làm mát không khí để cấp không khí mát vào khu vực có nhiệt độ cao. Trong xưởng sản xuất, không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thông gió và thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

Nhà xưởng lắp đặt quạt thông gió và hệ thống điều hòa không khí, cửa sổ thông gió tự nhiên, để thuận tiện cho việc trao đổi không khí bên trong nhà xưởng và bên ngoài.



Hình 3.6. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên

Công ty bố trí 14 quạt công nghiệp tại khu vực nhà xưởng với công suất quạt như sau:

Quạt hút công suất $1.000\text{m}^3/\text{h}$: 2 chiếc.

Quạt hút 3 chiều, công suất $1.200\text{m}^3/\text{h}$: 4 chiếc.

Quạt hút công suất $546\text{ m}^3/\text{h}$: 3 chiếc.

Quạt hút công suất $300\text{ m}^3/\text{h}$: 5 chiếc.

Lắp đặt quạt điều hòa tại khu vực sản xuất, làm việc, cụ thể:

Tại tầng 1 nhà xưởng bố trí 04 máy điều hòa tổng công suất 100.000BTU.

Tại tầng 2 bố trí 4 máy điều hòa tổng công suất 35.000 BTU, 4 máy điều hòa tổng công suất 12.000 BTU.

2.3. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn trong dây chuyền sản xuất.

2.3.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ công đoạn mạ

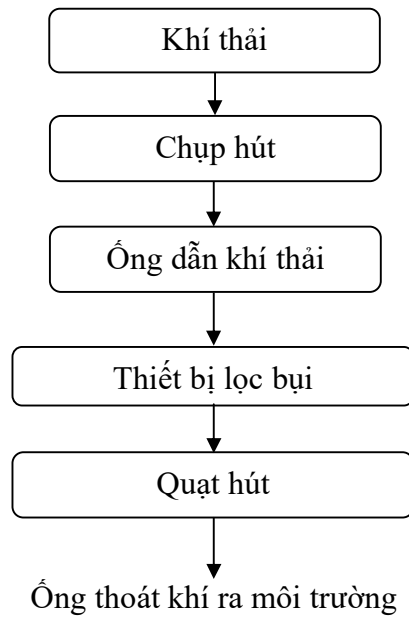
Trong quá trình hoạt động của bể kẽm nhúng nóng sẽ phát sinh hơi chì, kẽm và khí thải cần xử lý. Công ty đã thực hiện lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải cho khu vực lò mạ số 1, 2, 3, 4 tại xưởng sản xuất số 1 năm 2015 và lắp đặt mới 01 hệ thống xử lý khí thải cho khu vực lò mạ số 5A, 5B tại nhà xưởng số 7 như sau:

+ 02 hệ thống xử lý tại khu nhà xưởng số 01 công suất $12.000\text{m}^3/\text{h}$ /hệ thống (đã lắp đặt).

+ 01 hệ thống xử lý tại khu nhà xưởng số 7 công suất $12.000\text{m}^3/\text{h}$ /hệ thống (lắp mới).

- Phương pháp xử lý: Sử dụng phương pháp lọc bụi tại các vị trí lò mạ.

- Sơ đồ công nghệ



Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý khí thải bằng phương pháp lọc bụi

- Thuyết minh công nghệ:

Quá trình mạ của Nhà máy được thực hiện khép kín tại mỗi bể mạ có một ống dẫn hút bụi Ø 200 rồi đầu thu gom chung vào cùng đường ống Ø 300-400 rồi ra thiết bị thu gom xử lý bụi. Hệ thống máy hút gồm 03 máy với công suất 7,5kW được xử lý qua màng lọc (mỗi máy hút có 1 màng lọc bụi dày 50mm, hút lọc bụi cho 2 lò mạ. Hệ thống gồm 03 máy sau khi bụi được thu gom xử lý qua màng lọc sẽ được thoát ra với 03 có ống thoát là Ø 300 ra ngoài môi trường.

Tính công suất quạt hút tại nhà xưởng 1 (bể mạ 1, 2)

- Tổng số chụp hút là 2 chụp hút.

- Kích thước chụp hút khí thải kích thước : L*B*H = 2000*2000*500, sau đó thu vào ống D200.

- Thể tích khí hút vào 2 chụp hút là $V1 = \frac{0,5}{3} \times (2 \times 2 + \sqrt{2 \times 2 \times 3,14 \times 0,1^2} + 3,14 \times 0,1^2) \times 2 = 1,46 \text{ m}^3$.

- Đường ống gom nhánh D200, tổng độ dài 8m.

- Thể tích khí trong đường ống nhánh $V2 = 3,14 \times 0,1^2 \times 8 = 0,25 \text{ m}^3$.

- Đường ống gom chính D400, tổng độ dài 35 m.

- Thể tích khí trong đường ống chính $V3 = 3,14 \times 0,2^2 \times 35 = 4,4 \text{ m}^3$.

- Vận tốc quạt hút thiết kế cần đạt 0,2 – 0,4 m/s. Chọn vận tốc $v = 0,4 \text{ m/s}$.

- Công suất quạt hút $Q = (V1+V2+V3) \times v = (1,46 + 0,25 + 4,4) \times 0,4 = 2,844$
 $m^3/s = 10.238 m^3/h$.

Như vậy chọn quạt hút xử lý có thông số:

Quạt ly tâm trực tiếp ATD

Động cơ: 7,5kw

Điện áp: 380V

Lưu lượng: 9.000-12.000 m^3/h

Vật liệu: Thép SS400

Tính công suất quạt hút tại nhà xưởng 1 (bể mạ 3, 4)

- Tổng số chụp hút là 2 chụp hút.

- Kích thước chụp hút khí thải kích thước : $L*B*H = 2000*2000*500$, sau đó thu vào ống D200.

- Thể tích khí hút vào 2 chụp hút là $V1 = \frac{0,5}{3} \times (2 \times 2 + \sqrt{2 \times 2 \times 3,14 \times 0,1^2} + 3,14 \times 0,1^2) \times 2 = 1,46 m^3$.

- Đường ống gom nhánh D200, tổng độ dài 8m.

- Thể tích khí trong đường ống nhánh $V2 = 3,14 \times 0,1^2 \times 8 = 0,25 m^3$.

- Đường ống gom chính D400, tổng độ dài 18 m.

- Thể tích khí trong đường ống chính $V3 = 3,14 \times 0,2^2 \times 18 = 2,26 m^3$.

- Vận tốc quạt hút thiết kế cần đạt 0,2 – 0,4 m/s. Chọn vận tốc $v = 0,4 m/s$.

- Công suất quạt hút $Q = (V1+V2+V3) \times v = (1,46 + 0,25 + 2,26) \times 0,4 = 2,754$
 $m^3/s = 9.914 m^3/h$.

Như vậy chọn quạt hút xử lý có thông số:

Quạt ly tâm trực tiếp ATD

Động cơ: 7,5kw

Điện áp: 380V

Lưu lượng: 9.000-12.000 m^3/h

Vật liệu: Thép SS400

Tính công suất quạt hút tại nhà xưởng 7 (bể mạ 5A, 5B)

- Tổng số chụp hút là 2 chụp hút.

- Kích thước chụp hút khí thải kích thước : $L*B*H = 1300*1300*500$, sau đó thu vào ống D200.

- Thể tích khí hút vào 2 chụp hút là $V1 = \frac{0,5}{3} \times (1,3 \times 1,3 + \sqrt{1,3 \times 1,3 \times 3,14 \times 0,1^2} + 3,14 \times 0,1^2) \times 2 = 0,65 \text{ m}^3$.

- Đường ống gom nhánh D200, tổng độ dài 4m.

- Thể tích khí trong đường ống nhánh $V2 = 3,14 \times 0,1^2 \times 4 = 0,13 \text{ m}^3$.

- Đường ống gom chính D400, tổng độ dài 7 m.

- Thể tích khí trong đường ống chính $V3 = 3,14 \times 0,2^2 \times 7 = 0,88 \text{ m}^3$.

- Vận tốc quạt hút thiết kế cần đạt 0,2 – 0,4 m/s. Chọn vận tốc $v = 0,4 \text{ m/s}$.

- Công suất quạt hút $Q = (V1+V2+V3) \times v = (0,65 + 0,13 + 0,88) \times 0,4 = 2,704 \text{ m}^3/\text{s} = 9.374 \text{ m}^3/\text{h}$.

Như vậy chọn quạt hút xử lý có thông số:

Quạt ly tâm trực tiếp ATD

Động cơ: 7,5kw

Điện áp: 380V

Lưu lượng: 9.000-12.000 m^3/h

Vật liệu: Thép SS400

Định kỳ 02 tuần/lần màng lọc sẽ được thay thế để đảm bảo hiệu quả.

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải công đoạn mạ

TT	Hạng mục – Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	Hệ thống xử lý khí thải lò mạ số 1, 2 (tại xưởng 1 - đã lắp đặt)			
1	Chụp hút (Tôn mạ kẽm) Kích thước: L*B*H = 2000*2000*500mm	Việt Nam	Cái	2
2	Ống gió chính D200	Việt Nam	m	8
3	Ống gió chính D400	Việt Nam	m	35
4	Bộ lọc bụi (kích thước (1.200mmx400mmx50mm))	Việt Nam	Bộ	1
5	Quạt ly tâm trực tiếp ATD Động cơ: 7,5kw Điện áp: 380V Lưu lượng: 9.000-12.000 m^3/h Vật liệu: Thép SS400	Việt Nam	Cái	1
6	Ống phóng không D300 Tôn mạ kẽm Zz08o, dày 0.58mm	Việt Nam	m	3

TT	Hạng mục – Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
	Số lượng 1 ống			
II	Hệ thống xử lý khí thải lò mạ số 3, 4 (tại xưởng 1 - đã lắp đặt)			
1	Chụp hút (Tôn mạ kẽm) Kích thước: L*B*H = 2000*2000*500mm	Việt Nam	Cái	2
2	Ống gió chính D200	Việt Nam	m	8
3	Ống gió chính D400	Việt Nam	m	18
4	Bộ lọc bụi (kích thước (1.200mmx400mmx50mm))	Việt Nam	Bộ	1
5	Quạt ly tâm trực tiếp ATD Động cơ: 7,5kw Điện áp: 380V Lưu lượng: 9.000-12.000 m ³ /h Vật liệu: Thép SS400	Việt Nam	Cái	1
6	Ống phóng không D300 Tôn mạ kẽm Zz08o, dày 0.58mm Số lượng 1 ống	Việt Nam	m	3
III	Hệ thống xử lý khí thải lò mạ số 5A, 5B (tại xưởng 7 - Lắp mới)			
1	Chụp hút (Tôn mạ kẽm) Kích thước: L*B*H = 1300*1300*300mm	Việt Nam	Cái	2
2	Ống gió chính D200	Việt Nam	m	4
3	Ống gió chính D400	Việt Nam	m	7
4	Bộ lọc bụi (kích thước (1.200mmx400mmx50mm))	Việt Nam	Bộ	1
5	Quạt ly tâm trực tiếp ATD Động cơ: 7,5kw Điện áp: 380V Lưu lượng: 9.000-12.000 m ³ /h Vật liệu: Thép SS400	Việt Nam	Cái	1
6	Ống phóng không D300 Tôn mạ kẽm Zz08o, dày 0.58mm Số lượng 1 ống	Việt Nam	m	3

Một số hình ảnh hệ thống xử lý khí thải đã lắp đặt tại nhà máy



Hình 3.8. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải hiện trạng của nhà máy

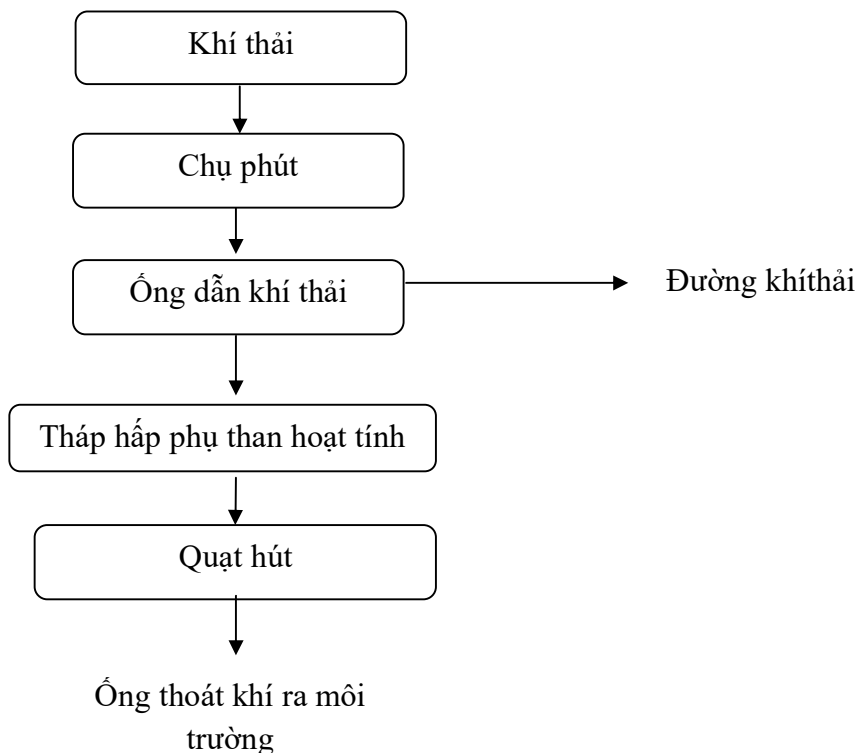
2.3.2. Khí thải từ công đoạn bọc nhựa

Tại đây máy móc, thiết bị được lắp đặt đồng bộ, khép kín, piston trong máy được làm nóng bằng điện ở 150°C để làm nóng khuôn bọc nóng lên ở nhiệt độ 150°C dùng trực vít truyền động đưa nhựa ra ngoài, hoạt động này diễn ra rất nhanh ngoài không khí không kịp tiếp xúc với O_2 nên không phát sinh khí và mùi ra bên ngoài môi trường, do đó lượng khí thải phát sinh ra ngoài là không đáng kể; Nhựa được dùng trong quá trình sản xuất là các nhựa nguyên chất và bọc ở nhiệt độ thấp không làm biến chất của nhựa từ dạng này sang dạng khác nên lượng mùi, khí thải phát sinh trong quá trình bọc nhựa hoàn toàn không đáng kể. Nhưng về lâu về dài trong quá trình sản xuất sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân, Công ty sẽ trang bị các thiết bị bảo hộ như khẩu trang, găng tay,... để phục vụ cho quá trình lao động sản xuất của công nhân làm việc tại khu

vực này của dự án. Công ty thực hiện lắp đặt mới hệ thống xử lý khí thải cho khu vực bọc nhựa tại xưởng 7 như sau:

- Hệ thống XLKT lắp đặt: 01 hệ thống xử lý khí thải tại khu vực bọc nhựa công suất $12.000\text{m}^3/\text{giờ}$ (tại xưởng 7 - lắp mới)

- Phương pháp xử lý: sử dụng than hoạt tính tại các vị trí máy bọc nhựa PVC



Hình 3.9. Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý khí thải sử dụng than hoạt tính hấp phụ

- Thuyết minh công nghệ:

Khí thải phát sinh từ công đoạn bọc nhựa của nhà máy được thu hồi bằng hệ thống chụp hút. Nhờ hệ thống chụp hút được bố trí ngay tại vị trí phát sinh nên khí thải được thoát ra dưới tác dụng của áp suất âm gây ra bởi quạt hút sẽ theo hệ thống đường ống tới tháp hấp phụ. Hấp phụ là quá trình phân ly khí dựa trên ái lực của một số chất rắn đối với một số loại chất có mặt trong hỗn hợp khí nói chung và trong khí thải nói riêng, trong quá trình đó, các phân tử chất ô nhiễm trong khí thải bị giữ lại trên bề mặt vật liệu rắn. Quá trình hấp phụ được sử dụng rộng rãi để khử ẩm không khí, khử khí độc hại và mùi trong khí thải, thu hồi hơi/khí có giá trị. Than hoạt tính là vật liệu hấp phụ tương đối phổ biến, có các đặc trưng sau: khối lượng đơn vị đồ đồng là $380 - 600 \text{ Kg/m}^3$, đường kính lỗ rỗng là $(20 - 40).10^{-10} \text{ m}$, thể tích lỗ rỗng tổng cộng là $0,6 - 0,8 \text{ cm}^3/\text{g}$, bề mặt lỗ rỗng là $500 - 1500 \text{ m}^2/\text{g}$. Hiệu suất hấp phụ có thể đạt $99 - 100\%$. Định kỳ khoảng 3-4 tháng 1 lần sẽ tiến hành thay thế. Cuối cùng, khí thải được hút ra ngoài môi trường thông qua quạt hút khí thải và ống thoát khí.

Khí thải sau khi đi qua tháp hấp phụ than hoạt tính đảm bảo được tiêu chuẩn xả thải và được quạt hút hút thải ra ngoài môi trường theo đường ống khí.

Chất lượng khí thải đầu ra: Theo QCVN 19:2024/BTNMT Cột B.

Tính công suất quạt hút tại nhà xưởng 7 (khu vực bọc nhựa)

- Tổng số chụp hút là 4 chụp hút.

- Kích thước chụp hút khí thải kích thước : $L*B*H = 1.300*1.300*500$, sau đó thu vào ống D200.

- Thể tích khí hút vào 4 chụp hút là $V1 = \frac{0,5}{3} \times (2 \times 2 + \sqrt{1,3 \times 1,3 \times 3,14 \times 0,1^2} + 3,14 \times 0,1^2) \times 4 = 2,92 \text{ m}^3$.

- Đường ống gom nhánh D200, tổng độ dài 18m.

- Thể tích khí trong đường ống nhánh $V2 = 3,14 \times 0,1^2 \times 18 = 0,57 \text{ m}^3$.

- Đường ống gom chính D400, tổng độ dài 34 m.

- Thể tích khí trong đường ống chính $V3 = 3,14 \times 0,2^2 \times 34 = 4,27 \text{ m}^3$.

- Vận tốc quạt hút thiết kế cần đạt 0,2 – 0,4 m/s. Chọn vận tốc $v = 0,4 \text{ m/s}$.

- Công suất quạt hút $Q = (V1+V2+V3) \times v = (2,92 + 0,57 + 4,27) \times 0,4 = 3,104 \text{ m}^3/\text{s} = 11.174 \text{ m}^3/\text{h}$.

Như vậy chọn quạt hút xử lý có thông số:

Quạt ly tâm trực tiếp ATD

Động cơ: 7,5kw

Điện áp: 380V

Lưu lượng: 9.000-12.000 m^3/h

Vật liệu: Thép SS400

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải công đoạn bọc nhựa

TT	Hạng mục – Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	Chụp hút (Tôn mạ kẽm) Kích thước: $L*B*H = 1.300*1.300*500\text{mm}$	Việt Nam	Cái	4
2	Ống gió chính D300	Việt Nam	m	18
3	Ống gió chính D400	Việt Nam	m	34
4	Tháp hấp phụ cac bon (02 khay)	Việt Nam	Cái	1
5	Than hoạt tính (Quy cách: viên nén)	Việt Nam	Kg	70
6	Quạt ly tâm trực tiếp ATD Động cơ: 7,5kw Điện áp: 380V Lưu lượng: 9.000-12.000 m^3/h	Việt Nam	Cái	2

TT	Hạng mục – Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
	Vật liệu: Thép SS400			
7	Ống phóng không D350 Tôn mạ kẽm Zz08o, dày 0.58mm Số lượng 1 ống	Việt Nam	m	12

Tần suất thay than hoạt tính: 2 lần/năm, khối lượng than sử dụng: 140kg/năm.

2.3.3. Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất

Do dự án sử dụng thiết bị tiên tiến, làm việc theo chu trình kín và có độ tự động hóa cao nên lượng bụi trong quá trình hoạt động sản xuất là rất ít. Tuy nhiên, công ty vẫn áp dụng một số biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng phát sinh nguồn thải này như sau:

- Giao trách nhiệm cho Quản đốc xưởng sản xuất theo dõi và lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo định kỳ để giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố thiết bị. Vì khi xảy ra sự cố tại bộ phận cân định lượng và đóng gói xảy ra bụi sẽ phát sinh rất nhiều.

- Lập nội qui bảo hộ lao động để cán bộ, công nhân làm việc luôn trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Công ty sẽ đầu tư đầy đủ trang thiết bị bảo hộ như quần áo, mắt kính, găng tay, giày, khẩu trang bảo hộ cho công nhân viên ngay trước khi dự án đi vào chạy thử.

2.3.4. Mùi hôi từ khu tập kết rác thải, nhà vệ sinh

Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy trong kho chất thải, tách biệt với các khu vực như khu văn phòng, nhà xưởng, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

Khu nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh tập trung của Công ty thường xuyên được dọn rửa và khử mùi nên hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí. Trong quá trình hoạt động Công ty sẽ chú trọng đến nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên nhằm giữ gìn vệ sinh chung của Công ty.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

*/ Nguồn phát sinh:

- + Chất thải hữu cơ từ thực phẩm: Bao gồm các thức ăn thừa và dầu mỡ phát thải trong nhà ăn. Chúng dễ phân hủy sinh học nên dễ gây phát sinh mùi hôi thối và nước rỉ rác.

- + Chất thải rắn vô cơ: Giấy, bao bì nhựa, chai lọ bằng nhựa.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của cơ sở năm 2024 khoảng 50.970 kg/năm.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của cơ sở khi nâng công suất khoảng: 56.120 kg/năm.

*/ Công ty thực hiện các biện pháp sau:

+ Thu gom, phân loại từ đầu nguồn và lưu trữ vào từng thùng chứa khác nhau.

+ Bố trí các thùng rác 50 lít, 100 lít tại khu nhà văn phòng, nhà bếp, hành lang để thu gom rác thải sinh hoạt. Cuối ngày sẽ được nhân viên vệ sinh của Công ty thu gom, lưu trữ về các xe đẩy rác 500 lít có nắp đậy, lưu chứa tại kho chứa rác.

+ Bố trí 01 kho chứa diện tích 6m² (kích thước LxB= 3,0x2,0m). Kết cấu: Bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn. Vị trí đặt cạnh khu vực nhà để xe.

- Ngoài ra, bùn thải nạo vét từ hố ga, bể tách dầu mỡ, bể tự hoại được định kỳ nạo vét, thu gom và vận chuyển theo đúng quy định.

Hiện tại công ty thực hiện hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ tại: Khu 1, xã Kê Sặt, thành phố Hải Phòng) theo hợp đồng số 01/HĐ2024/MP -DUSCO ngày 11/7/2024.

Tần suất thu gom chất thải sinh hoạt: Hàng ngày.

3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh: Giấy thải, bìa các tông rách hỏng, nilon rách hỏng, pallet hỏng, giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại.... Lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy được thống kê tại bảng dưới đây:

Bảng 3.5. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)		Mã chất thải
			Hiện tại	Khi tăng công suất	
1	Giấy thải, bìa các tông rách hỏng	Rắn	300	420	18 01 05
2	Nilon rách hỏng	Rắn	250	350	11 02 04
3	Hộp mực và mực in thải từ khu vực văn phòng	Rắn	10	14	08 02 06
4	Pallet hỏng	Rắn	5.714	8.000	11 02 02
5	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	300	420	18 02 02
6	Bùn thải từ hệ thống bể phốt; bùn thải nạo vét cống rãnh (hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt)	Bùn	16.703	23.384	12 06 13
7	Bavia kim loại, sản phẩm lỗi, hỏng	Rắn	279.000	390.600	-

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)		Mã chất thải
			Hiện tại	Khi tăng công suất	
8	Khuôn kéo sợi thép bở	Rắn	6	10	
9	Bavia sản phẩm nhựa lõi hồng	Rắn		425.000	-
	Tổng		296.669	848.198	

(Nguồn: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina)

- Biện pháp thu gom, lưu trữ:

+ Thu gom vào các thùng chứa dung tích 200 lít lưu chứa tại các nhà xưởng.

+ Bố trí công nhân làm công tác vệ sinh thu gom vận chuyển về kho chứa CTR diện tích 6m² (kích thước LxB=3,0x2,0m), vị trí đặt cạnh nhà để xe. Kết cấu: bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn.

Hiện tại công ty thực hiện hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp thông thường với Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ tại: Khu 1, xã Kê Sặt, thành phố Hải Phòng) theo hợp đồng số 01/HĐ2024/MP - DUSCO ngày 11/7/2024.

Tần suất thu gom chất thải công nghiệp thông thường: Sau khi Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina thông báo trước cho bên Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc xanh 02 ngày.

4. Đối với chất thải nguy hại

- Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy như sau:

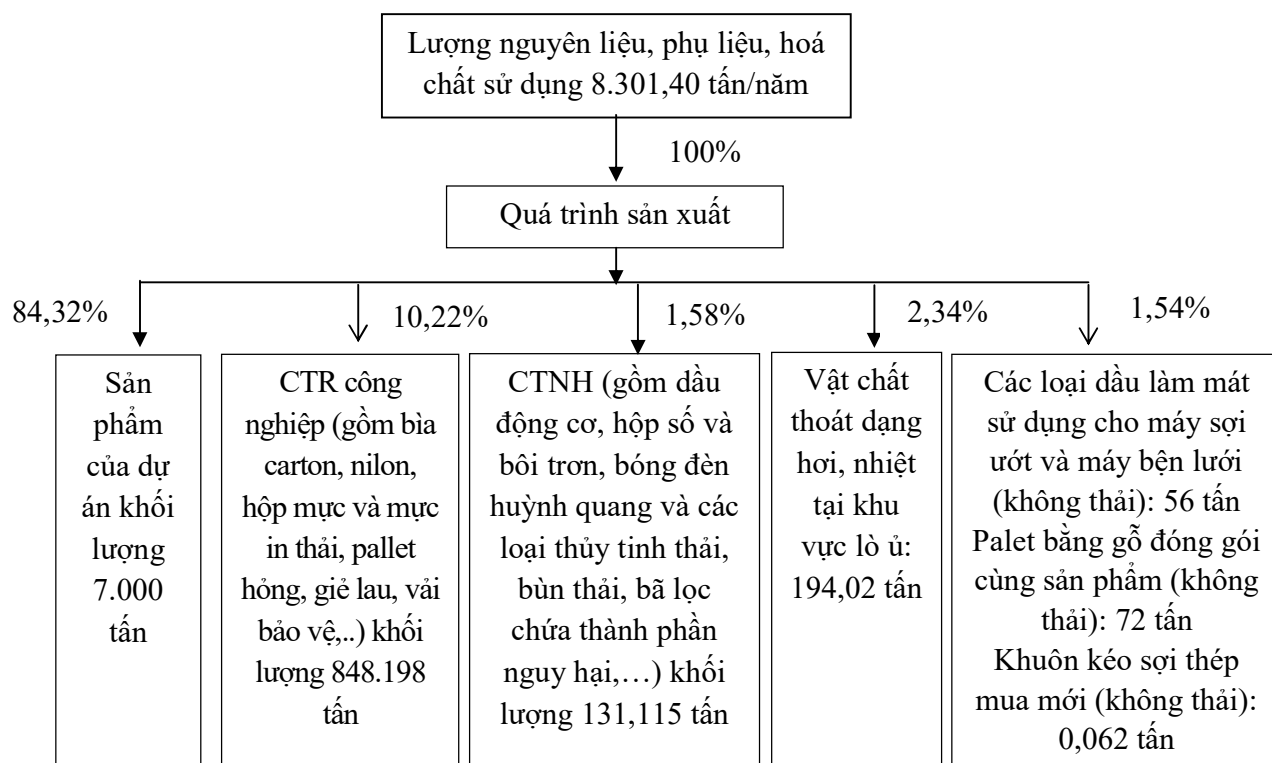
Bảng 3.6. Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)		Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
			Hiện tại	Khi tăng công suất		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	24	33,6	16 01 06	NH
2	Bùn thải, bã lọc có các thành phần nguy hại	Bùn/rắn	3.688,9	5.164,5	07 01 05	NH
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH thải)	Rắn	100	140	18 01 01	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	116	162,4	18 01 03	KS
5	Ắc quy chì thải	Rắn	5	7	19 06 01	NH

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)		Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
			Hiện tại	Khi tăng công suất		
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bảng mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	Rắn	50	70	16 01 13	NH
7	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ (Xi kềm cứng, xi chì thải)	Rắn	55.477,9	77.669,1	19 12 01	KS
8	Nhũ tương và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình (Nước thải lẫn dầu)	Lỏng	2.301	3.222	07 03 04	NH
9	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các loại nêu tại nhóm mã 02, 13, 14 và 15) (Vôi bột)	Rắn/lỏng	2.960,4	4.144,5	19 05 03	KS
10	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Mạt sắt dính nhiễm TPH)	Rắn, bùn	20.881,1	29.233,5	07 03 11	KS
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, gang tay dính dầu, vật liệu lọc)	Rắn	1.808	2.532	18 02 01	KS
12	Nước thải từ quá trình mạ điện (Nước bể muối thải)	Lỏng	4.672,5	6.541,5	07 02 03	KS
13	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1.346,8	1.885,5	17 02 03	NH
14	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	68,4	109,44	18 01 02	KS
15	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	200	200	12 01 04	NH
	Tổng		82.096,8	131.115,04		

(Nguồn: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina)

Tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu, sản phẩm và chất thải của dự án, ta có sơ đồ cân bằng vật chất như sau:



Hình 3.10. Sơ đồ cân bằng vật chất của dự án

- Biện pháp thu gom, xử lý:

+ Phân loại chất thải nguy hại tại nguồn: Trang bị 12 thùng chứa bằng nhựa dung tích 200 lít/thùng bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

+ Bố trí khu vực lưu chứa CTNH diện tích 6m² (kích thước LxB=3,0x2,0m), đặt cạnh khu vực nhà để xe. Kết cấu: bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn. Xây dựng gờ chắn chống tràn, bên ngoài cửa mỗi khu vực được dán các biển dấu hiệu chất thải nguy hại; bố trí thiết bị PCCC (bao gồm: bình PCCC, cát, xẻng)

Hiện tại công ty thực hiện hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ tại: Khu 1, xã Kê Sặt, thành phố Hải Phòng) theo hợp đồng số 01/HĐ2024/MP -DUSCO ngày 11/7/2024.

Tần suất thu gom chất thải nguy hại: Sau khi Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina thông báo trước cho bên Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc 02 ngày.



Hình 3.11. Hình ảnh kho chứa chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt của công ty



Hình 3.12. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại của công ty

Bảng 3.7. Dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại tại kho chứa

Ý nghĩa	Vị trí cảnh báo	Loại biển
Cảnh báo về khu vực có chất thải nguy hại	- Tại kho chứa chất thải nguy hại của Công ty	
Cảnh báo chung về sự nguy hiểm của chất thải nguy hại	- Tại kho chứa chất thải nguy hại của Công ty	 Chất thải nguy hại
Cảnh báo chất thải là chất lỏng dễ cháy	- Tại các khu chứa dầu thải - Trên thùng chứa dầu thải	 Chất lỏng dễ cháy
Cảnh báo chất thải là chất rắn dễ cháy	- Tại khu chứa cặn dầu, mỡ bôi trơn thải, giẻ lau dính dầu	 Chất rắn dễ cháy
Cảnh báo về các chất có chứa thành phần gây độc hại cho hệ sinh thái	- Tại các khu vực chứa các chất thải nguy hại của Nhà máy - Thùng chứa chất thải nguy hại	 Độc cho hệ sinh thái

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 03 tháng/lần.

Ngoài ra, Công ty tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài Nhà máy.

- Đối với khu vực trạm xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; máy thổi khí được kê bằng tám đệm cao su giảm rung và bố trí ống giảm thanh để giảm thiểu tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải

**** Các sự cố thường gặp đối với hệ thống xử lý khí thải***

Sự cố, hỏng hóc của hệ thống xử lý khí thải có thể do nhiều nguyên nhân, như thiết kế không phù hợp, lắp đặt không chính xác, vận hành không đúng quy trình, bảo trì không định kỳ, thiếu vật tư, hóa chất, linh kiện thay thế, nhân viên không có kỹ năng, kinh nghiệm, tác động của môi trường, khí thải đầu vào có thành phần thay đổi, ...

**** Biện pháp phòng tránh:***

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

**** Biện pháp khắc phục:***

- Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

- Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

- Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

- Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

- Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

- Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

- Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

6.2. Biện pháp phòng cháy chữa cháy

Công ty đã trang bị các phương tiện, phương án PCCC như sau:

- Phương tiện PCCC và CNCH:

- + Bể dự trữ nước chữa cháy có thể tích theo tiêu chuẩn PCCC được xây dựng trên khu đất có diện tích là 240 m² tại vị trí giáp tường bao phía Tây Nam dự án.

- + Trạm bơm cấp nước chữa cháy: Bao gồm 2 máy bơm điện có lưu lượng 45m³/h cung cấp cho các trụ nước chữa cháy với các lăng vòi đầy đủ theo quy định. Trong đó, máy bơm chạy bằng điện luôn trong trạng thái sẵn sàng bơm cấp nước cho hệ thống khi cần thiết và máy bơm chạy bằng dầu để dự phòng.

- + Mạng lưới cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Được thiết kế theo kiểu mạng vòng. Tuyến ống chính được làm bằng ống thép mạ kẽm có đường kính D100. Trên mạng lưới có lắp đặt 04 trụ nước chữa cháy để cung cấp nước cho công tác chữa cháy ngoài nhà.

- + Phương tiện chữa cháy tại chỗ gồm: 04 bình chữa cháy loại MFZL4, 05 bình chữa cháy loại MFZL8, 02 bình chữa cháy CO₂ loại MT3. Kiểm tra thực tế các bình chữa cháy được bố trí đúng vị trí được thẩm duyệt và đảm bảo dễ thấy, thuận tiện sử dụng.

- + Dụng cụ chữa cháy gồm: 01 thang tre, 05 cuốc, 05 xẻng.

- + Trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở theo quy định tại thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ công an gồm: 05 bộ quần áo, 05 mũ, 05 đôi gang tay, 05 đôi ủng, 05 búa 05kg, 20 búa nhỏ, 04 xà beng, 01 kìm cộng lực, 02 đèn pin, 02 hộp cứu thương.

- + Hệ thống điện: Có trạm biến áp riêng, công suất 2x1500kVA, bảo vệ bằng cầu dao, aptomat cho từng khu vực, từng máy móc, thiết bị.

6.3. Giải pháp đảm bảo an toàn lao động

- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.

- Lập bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc. Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi sản xuất, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc để ngăn ngừa tai nạn.
- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.
- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị máy móc.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.
- 100% cán bộ, công nhân trong cơ sở được mua bảo hiểm y tế. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 lần/năm.
- Đối với các kết cấu nặng như cầu trục, khi lắp đặt, bàn giao phải tuân thủ các quy trình lắp đặt và các nguyên tắc an toàn:
 - + Cầu trục phải được thiết kế, chế tạo, lắp đặt và nghiệm thu theo tiêu chuẩn an toàn quốc gia.
 - + Các bộ phận quan trọng của cầu trục như: dầm chính, dầm biên, khung, bánh xe, ray, cáp, móc, pa lăng, hệ thống điện, hệ thống phanh,...phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi vận hành.
 - + Cầu trục phải được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn như: hệ thống giới hạn hành trình, hệ thống cảnh báo nguy hiểm, hệ thống chống va chạm...
 - + Cầu trục phải được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ theo quy định của nhà sản xuất và cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động.
 - Đối với bình áp lực chứa khí nén, cần kiểm tra thường xuyên, tuân thủ nguyên tắc an toàn.
 - + Kiểm tra trước khi vận hành: Kiểm tra van an toàn, áp kế, rơ le áp suất; đảm bảo không có rò rỉ khí hoặc vết nứt trên thân bình; đọc lại nhật ký bảo trì để kiểm tra thời gian bảo dưỡng gần nhất.
 - + Kiểm tra khi vận hành: Theo dõi áp suất, nhiệt độ và lưu lượng khí; Nếu phát hiện bất thường, cần dừng máy và báo cáo ngay; Định kỳ xả nước đọng hoặc dầu tích tụ trong bình.
 - + Kiểm tra sau ca làm việc: Tắt máy đúng quy trình, xả khí và kiểm tra áp suất bình; Ghi chép lại tình trạng thiết bị để theo dõi; Vệ sinh lưới lọc và kiểm tra hệ thống làm mát của máy nén khí.
 - + Các hành vi bị nghiêm cấm khi làm việc với bình chứa khí nén: Hàn, sửa chữa bình khi đang còn áp suất; Chặn van an toàn hoặc gia tăng áp suất ngoài giới hạn cho phép; Sử dụng bình chứa khí nén quá thời hạn kiểm định; Vận hành khi van an toàn, áp kế hoặc rơ le không hoạt động chính xác.
 - + Dừng sử dụng bình chứa khí nén nếu phát hiện bất kỳ dấu hiệu nào dưới đây, người vận hành phải dừng sử dụng bình ngay lập tức và báo cáo cấp trên: Áp suất tăng quá mức dù các điều kiện vận hành khác bình thường; Van an toàn hoặc hệ thống kiểm

soát áp suất không hoạt động; Bình có dấu hiệu rò rỉ khí, nứt vỡ hoặc phồng rộp trên bề mặt; Cháy hoặc hỏa hoạn xảy ra gần bình chứa khí nén; Hồng áp kế và không thể đo được áp suất bằng thiết bị khác.

*** *Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố mất an toàn lao động:***

- Ngừng ngay hoạt động của máy, thiết bị và các hoạt động tại nơi có sự cố.
- Tạm dừng hoạt động khi các nguy hiểm chưa được khắc phục.
- Thực hiện các biện pháp để cứu người và tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Gọi cấp cứu y tế (115) nếu có người bị tai nạn.
- Kịp thời thông báo với chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố.

6.4. Giải pháp an toàn giao thông

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa theo giờ. Hạn chế vận chuyển vào các giờ cao điểm như 7-8h sáng, 11h trưa, 16-17h chiều.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe nhằm phòng tránh tai nạn giao thông, rò rỉ nhiên liệu và cháy nổ thùng xe.
- Nghiêm cấm vận tải vượt quá tải trọng của xe quy định.
- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục lái xe về tuân thủ các quy định an toàn giao thông.

6.5. Các biện pháp phòng chống và ứng phó mất an toàn vệ sinh thực phẩm

- *Kế hoạch phòng chống:*

- + Xây dựng kế hoạch cấp cứu khi có dịch và ngộ độc thực phẩm.
- + Phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế tổ chức cấp cứu khi có ngộ độc.

- *Kế hoạch ứng phó khi xảy ra sự cố:*

- + Sơ cứu đối với trường hợp ngộ độc nặng, bị mất kiểm soát cơ thể.
- + Đưa những người bị ngộ độc tới cơ sở y tế gần nhất.
- + Cảnh báo những người có nguy cơ bị ngộ độc nhằm theo dõi sức khỏe bản thân để có ứng cứu kịp thời.
- + Điều tra, làm rõ nguyên nhân gây ngộ độc và có biện pháp xử lý, phòng tránh.
- + Phát hiện và báo cáo cho cơ sở y tế địa phương về dịch bệnh.
- + Cách ly người bệnh với cán bộ công nhân viên bằng cách đưa tới trạm y tế hoặc đưa bệnh nhân về nhà (nếu được sự đồng ý của cơ quan y tế địa phương).

6.6. Biện pháp ngăn ngừa sự cố rò rỉ, tràn hóa chất

*** *Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hoá chất:***

- Kho hóa chất được bố trí tại Phòng phụ trợ. Kho chứa hóa chất tuân thủ quy chuẩn về kho chứa hóa chất cũng như các giải pháp an toàn trong hoạt động hóa chất. Cụ thể căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm và Nghị định 113/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hóa chất như sau:

+ Kho chứa hóa chất nguy hiểm thực hiện theo quy định tại QCVN 06: 2020/BXD; TCVN 4604: 2012 và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

+ Đường, lối thoát nạn của kho chứa hóa chất phải được thiết kế, xây dựng theo quy định tại QCVN 06: 2020/BXD và các quy định hiện hành.

+ Hệ thống thông gió của kho chứa hóa chất nguy hiểm phải được lắp đặt để đảm bảo giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc quy định tại QCVN 26 : 2016/BYT.

+ Hệ thống chiếu sáng kho chứa hóa chất nguy hiểm phải đảm bảo mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc theo quy định tại QCVN 22: 2016/BYT.

+ Kho chứa hóa chất nguy hiểm có hệ thống thu lôi chống sét hoặc nằm trong khu vực được chống sét an toàn và được định kỳ kiểm tra theo các quy định hiện hành. Kho chứa hóa chất nguy hiểm được kiểm tra định kỳ hàng năm về an toàn và biện pháp đảm bảo an toàn trước mùa mưa bão. Biên bản kiểm tra phải được lưu giữ đến kỳ kiểm tra tiếp theo. Sàn kho chứa hóa chất chịu được tải trọng, chịu được ăn mòn hóa chất, không trơn trượt. Kho chứa có hóa chất nguy hiểm có ít nhất 2 lối ra, vào. Các lối ra, vào, cửa thoát nạn, lối đi cho người đi bộ không bị cản trở. Kho chứa hóa chất nguy hiểm phải lắp đặt thiết bị rửa mắt khẩn cấp và tắm khẩn cấp đảm bảo khoảng cách từ khu vực có thao tác tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm đến thiết bị rửa mắt, tắm khẩn cấp trong phạm vi bán kính 10 m, nhưng không gần hơn 2 m. Kho chứa hóa chất nguy hiểm phải được bố trí, phân chia khu vực sắp xếp theo tính chất của từng loại, nhóm hóa chất. Các hóa chất có đặc tính không tương thích phải được bảo quản bằng cách phân lập khu vực theo khoảng cách an toàn hoặc cách ly trong các khu vực riêng biệt bằng tường chắn để đảm bảo không tiếp xúc với nhau kể cả khi xảy ra sự cố.

+ Khi xếp hóa chất trong kho phải đảm bảo yêu cầu an toàn cho người lao động và hàng hóa như sau: Đối với hàng đóng bao phải xếp trên bục hoặc trên giá đỡ, cách tường ít nhất 0.5 m, hóa chất có khả năng phản ứng với nước phải xếp trên bục cao tối thiểu 0,12 m; Các thiết bị chứa hóa chất không được xếp sát trần kho và không cao quá 2 m nếu không có kệ chứa; Lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 m. Lập kế hoạch kiểm tra giám sát các điểm nguy cơ xảy ra sự cố tại nhà xưởng, kho chứa hóa chất nguy hiểm.

+ Sắp xếp hóa chất trên các kệ, giá đỡ, tủ,... chứa hóa chất đảm bảo an toàn tải trọng thiết kế và tải trọng cho phép của sàn.

+ Kho chứa hóa chất nguy hiểm dạng lồng phải có hệ thống bờ, rãnh thu gom để đảm bảo; hóa chất không thoát ra môi trường; hóa chất không tiếp xúc với các loại hóa chất có khả năng phản ứng trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất nguy hiểm khác.

+ Khu vực lưu chứa hóa chất tràn đổ, hóa chất thải bỏ, bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng, các hóa chất hết hạn sử dụng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải nguy hại.

+ Bao bì chứa hoá chất phải kín; vật chứa, bao bì chứa đựng hoá chất

+ Trang bị bộ dụng cụ chống tràn hoá chất gồm vật liệu hấp thụ như vải không dệt, polymer; băng cản hay miếng đệm; găng tay bảo vệ; mặt nạ và kính bảo hộ; thùng chứa rác thải; xẻng, chổi...

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vấn đề an toàn trong sản xuất; nâng cao kiến thức và kỹ năng của cán bộ công nhân viên tại Dự án về hóa chất và đối với các tình huống sự cố hóa chất tại Dự án cũng như cách ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Mở lớp tập huấn về an toàn lao động, hóa chất hàng năm. Nội dung tập huấn/ đào tạo về an toàn hóa chất như sau:

+ Các mối nguy hiểm khi làm việc với hóa chất tại Dự án.

+ Các yêu cầu và quy định bắt buộc khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất. Trách nhiệm của người lao động đối với công tác an toàn.

+ Hướng dẫn: các phương pháp bảo quản, vận chuyển, sử dụng hóa chất nguy hiểm, biện pháp sơ cứu, biện pháp xử lý tình huống khi xảy ra sự cố... Ngoài phần lý thuyết, người lao động sẽ được hướng dẫn thực hành tại chỗ.

+ Cách thức sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

+ Giảng giải chi tiết về kế hoạch ứng phó với sự cố hóa chất. Các học viên phải nắm rõ nội dung của kế hoạch ứng phó khi có sự cố hóa chất xảy ra (vai trò của mỗi bộ phận, tình huống xảy ra và hành động ứng phó phù hợp).

+ Cách thức kiểm tra, giám sát, lập báo cáo.

*** Lắp đặt các biển báo, biển cảnh báo, bảng thông tin hoá chất, sơ đồ thoát hiểm, bảng thông tin liên hệ khi có sự cố khẩn cấp.**

- Bố trí các biển cảnh báo, các hình đồ cảnh báo về an toàn hóa chất theo đúng quy định tại Thông tư 32/2017/TT-BCT: Hiện đã bố trí biển báo tại các khu vực nguy hiểm, hình đồ cảnh báo, thông tin hóa chất tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát.

- Bố trí bảng hướng dẫn sơ đồ thoát hiểm trong trường hợp xảy ra sự cố tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát. Có hệ thống đèn chiếu sáng khẩn cấp để chỉ đường dưới dạng các mũi tên để chỉ dẫn lối thoát hiểm khi mất điện hoặc có sự cố.

- Nội quy ra/vào các khu vực sản xuất, các kho hóa chất và các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố trong dây chuyền sản xuất.

- Bố trí các bảng hướng dẫn nội quy PCCC tại các vị trí tủ cứu hỏa, vị trí bố trí sẵn các bình chữa cháy mini.

- Tại từng khu vực, đặc biệt là kho hóa chất và khu lưu giữ chất thải thì bảng thông tin về những người phụ trách khu vực và số điện thoại để liên lạc trong trường hợp khẩn cấp được dán ngay tại cửa ra vào.

- Công ty cam kết đào tạo an toàn hoá chất cho người lao động theo quy định trước khi dự án đi vào hoạt động.

*** Phương án ứng phó sự cố hoá chất**

- Đối với sự cố rò rỉ hóa chất:

- + Cách ly khu vực bị rò rỉ ngay lập tức và thông báo cho các cơ quan liên quan.

- + Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) như găng tay, kính bảo hộ, và mặt nạ phòng độc.

- + Thu gom và xử lý hóa chất rò rỉ bằng cách sử dụng các vật liệu hút chất lỏng như cát, đất, hoặc các vật liệu hấp phụ chuyên dụng.

- + Vệ sinh và làm sạch khu vực bị ảnh hưởng để loại bỏ hoàn toàn hóa chất còn sót lại.

- Đối với sự cố tiếp xúc:

- + Rửa sạch ngay lập tức bằng nước sạch và xà phòng nếu hóa chất tiếp xúc với da hoặc mắt. Đối với tiếp xúc mắt, cần rửa với nước sạch trong ít nhất 15 phút và tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

- + Thay và loại bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất và làm sạch da nếu cần.

- + Theo dõi sức khỏe và báo cáo sự cố cho bộ phận y tế hoặc an toàn lao động để được hỗ trợ và xử lý hoặc chuyển đến cơ sở y tế gần nhất nếu bị nặng.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Căn cứ theo tiến độ thực hiện dự án, hiện tại Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina đã thực hiện lắp đặt các hạng mục bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Các hạng mục bảo vệ môi trường tương ứng tại khu vực dự án không có nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án sản xuất sợi thép của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina tại KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng số 4539/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng*).

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

- Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt sau đó thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Sách theo quy định của Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang; nước thải sản xuất tuần hoàn tái sử dụng và không thải ra ngoài môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 1, 2 (tại nhà xưởng số 1).

+ Nguồn số 02: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 3, 4 (tại nhà xưởng số 1).

+ Nguồn số 03: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5A, 5B (tại nhà xưởng số 7).

+ Nguồn số 04: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của khu vực bọc nhựa (tại nhà xưởng số 7).

- **Lưu lượng xả khí thải tối đa:** 48.000 m³/h.

- **Dòng khí thải:**

+ Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): 01 ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 1, 2 (tại nhà xưởng số 1), lưu lượng xả thải 12.000 m³/h.

+ Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): 01 ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 3, 4 (tại nhà xưởng số 1), lưu lượng xả thải 12.000 m³/h.

+ Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 03): 01 ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5A, 5B (tại nhà xưởng số 7), lưu lượng xả thải 12.000 m³/h,

+ Dòng khí thải số 04 (tương ứng với nguồn số 04): 01 ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải của khu vực bọc nhựa (tại nhà xưởng số 7), lưu lượng xả thải 12.000 m³/h.

- **Vị trí xả khí thải:** Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3⁰):

+ Nguồn số 01: X (m) = 2319366; Y (m) = 564224

+ Nguồn số 02: X (m) = 2319343; Y (m) = 564205

+ Nguồn số 03: X (m) = 2319245; Y (m) = 564234

+ Nguồn số 04: X (m) = 2319421; Y (m) = 564304

- **Phương thức xả khí thải:** Cường bức bằng các quạt hút; xả thải theo ca làm việc.

- **Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường** đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN19:2024/BTNMT), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. giới hạn các chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2024/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Nguồn số 01, 02, 03				
1	Lưu lượng	m ³ /h	≤ 12.000	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
3	CO	mg/Nm ³	≤ 400		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
6	Pb và hợp chất Pb (tính theo Pb)	mg/Nm ³	≤ 1		
7	Zn và hợp chất Pb (tính theo Pb)	mg/Nm ³	≤ 7		
II	Nguồn số 01, 02, 04				
1	Lưu lượng	m ³ /h	≤ 12.000	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
3	CO	mg/Nm ³	≤ 400		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
6	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
7	Benzene	mg/Nm ³	≤ 5		
8	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
9	Vinyl clorua	mg/Nm ³	≤ 20		
10	HCl	mg/Nm ³	≤ 15		

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- **Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

+ Nguồn số 01: Khu vực lò mạ số 1, 2 (tại nhà xưởng số 1).

+ Nguồn số 02: Khu vực lò mạ số 3, 4 (tại nhà xưởng số 1).

- + Nguồn số 03: Khu vực lò mạ số 5A, 5B (tại nhà xưởng số 7).
- + Nguồn số 04: Khu vực bọc nhựa (tại nhà xưởng số 7).
- + Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 1, 2 (tại nhà xưởng số 1).
- + Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 3, 4 (tại nhà xưởng số 1).
- + Nguồn số 07: Khu vực hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5A, 5B (tại nhà xưởng số 7).
- + Nguồn số 08: Khu vực hệ thống xử lý khí thải của khu vực bọc nhựa (tại nhà xưởng số 7).

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp theo quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.2. Giới hạn đối với các thông số đối với tiếng ồn và độ rung

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép			Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
			Từ 6 giờ đến trước 18 giờ	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	65	60	QCVN 26:2025/BNNMT
2	Độ rung	dB	75	75	70	QCVN 27:2025/BNNMT

4. Đối với chất thải rắn

4.1. Chất thải rắn thông thường

Bảng 4.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy thải, bìa các tông rách hỏng	Rắn	420	18 01 05
2	Nilon rách hỏng	Rắn	350	11 02 04
3	Hộp mực và mực in thải từ khu vực văn phòng	Rắn	14	08 02 06
4	Pallet hỏng	Rắn	8.000	11 02 02
5	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	420	18 02 02
6	Bùn thải từ hệ thống bể phốt; bùn thải nạo vét cống rãnh (hệ thống thoát nước mưa, thoát	Bùn	23.384	12 06 13

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
	nước thải sinh hoạt)			
7	Bavia kim loại, sản phẩm lỗi, hỏng	Rắn	390.600	-
8	Khuôn kéo sợi thép bô	Rắn	10	
9	Bavia sản phẩm nhựa lỗi hỏng	Rắn	425.000	-
	Tổng		848.198	

4.2. Chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn vệ sinh khuôn viên phát sinh (ước tính): 17,19 tấn/năm.

4.3. Đối với chất thải nguy hại

Bảng 4.4. Khối lượng chất thải nguy hại

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	33,6	16 01 06	NH
2	Bùn thải, bã lọc có các thành phần nguy hại	Bùn/rắn	5.164,5	07 01 05	NH
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH thải)	Rắn	140	18 01 01	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	162,4	18 01 03	KS
5	Ắc quy chì thải	Rắn	7	19 06 01	NH
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bảng mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	Rắn	70	16 01 13	NH
7	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ (Xi kềm cứng, xi chì thải)	Rắn	77.669,1	19 12 01	KS
8	Nhũ tương và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình (Nước thải lẫn dầu)	Lỏng	3.222	07 03 04	NH

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
9	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các loại nêu tại nhóm mã 02, 13, 14 và 15) (Vôi bột)	Rắn/lỏng	4.144,5	19 05 03	KS
10	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Mạt sắt dính nhiễm TPNH)	Rắn, bùn	29.233,5	07 03 11	KS
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, gang tay dính dầu, vật liệu lọc)	Rắn	2.532	18 02 01	KS
12	Nước thải từ quá trình mạ điện (Nước bể muối thải)	Lỏng	6.541,5	07 02 03	KS
13	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1.885,5	17 02 03	NH
14	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	109,44	18 01 02	KS
15	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	200	12 01 04	NH
	Tổng		131.115,04		

4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

** Thiết bị lưu chứa*

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 12 thùng chứa bằng nhựa dung tích 200 lít/thùng bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

** Kho lưu chứa*

- Khu vực lưu chứa CTNH: Bố trí khu vực lưu chứa CTNH diện tích 6m² (kích thước LxB=3,0x2,0m), đặt cạnh khu vực nhà để xe. Kết cấu: bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn. Xây dựng gờ chắn chống tràn, bên ngoài cửa mỗi khu vực được dán các biển dấu hiệu chất thải nguy hại; bố trí thiết bị PCCC (bao gồm: bình PCCC, cát, xẻng).

- Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ tại: Khu 1, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng) theo hợp đồng số 01/HĐ2024/MP - DUSCO ngày 11/7/2024 định kỳ tới thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định của Nhà nước.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

** Thiết bị lưu chứa*

- Trang bị các thùng chứa, mỗi thùng có dung tích 200 lít, làm bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín đặt tại các nhà xưởng.

** Kho lưu chứa*

- Bố trí công nhân làm công tác vệ sinh thu gom vận chuyển về kho chứa CTR diện tích 6m² (kích thước LxB=3,0x2,0m), vị trí đặt cạnh nhà để xe. Kết cấu: bê tông, tường xây gạch, láng nền bên trong, mái lợp tôn.

- Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ tại: Khu 1, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng) theo hợp đồng số 01/HĐ2024/MP - DUSCO ngày 11/7/2024 định kỳ tới thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định của Nhà nước.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Bố trí các thùng rác 50 lít, 100 lít tại khu nhà văn phòng, nhà bếp, hành lang để thu gom rác thải sinh hoạt. Cuối ngày sẽ được nhân viên vệ sinh của Công ty thu gom, lưu trữ về các xe đẩy rác 500 lít có nắp đậy, lưu chứa tại kho chứa rác

- Bố trí 01 kho chứa diện tích 6m² (kích thước LxB= 3,0x2,0m). Kết cấu: Bê tông, tường xây gạch, láng nền bên trong, mái lợp tôn. Vị trí đặt cạnh khu vực nhà để xe.

- Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Minh Phúc định kỳ tới thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, tần suất 1 ngày/lần.

- Ngoài ra, bùn thải nạo vét từ hố ga, bể tách dầu mỡ, bể tự hoại được định kỳ nạo vét, thu gom và vận chuyển theo đúng quy định.

- Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (địa chỉ tại: Khu 1, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng) theo hợp đồng số 01/HĐ2024/MP - DUSCO ngày 11/7/2024 định kỳ tới thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định của Nhà nước.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Đối với công trình xử lý nước thải: Công trình xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Đối với các công trình xử lý khí thải: Tại thời điểm Công ty xin cấp lại giấy phép môi trường thì 02 hệ thống xử lý khí thải bể mạ 1, 2, 3, 4 tại nhà xưởng số 1 đã được cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại giấy xác nhận số 128/GXN-STNMT ngày 29/10/2015 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (cũ) cấp.

- Do vậy giai đoạn này Công ty chỉ vận hành 02 hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng số 7, công suất mỗi hệ thống 12.000 m³/h.

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Hạng mục công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm	Công suất hoạt động của dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5A, 5B (tại nhà xưởng số 7), lưu lượng xả thải 12.000 m ³ /h.	Tối đa 06 tháng (Khoảng từ tháng 4/2026 đến tháng 9/2026)	50% tổng công suất của dự án
2	Hệ thống xử lý khí thải của khu vực bọc nhựa (tại nhà xưởng số 7), lưu lượng xả thải 12.000 m ³ /h.		

1.2. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 5.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Thông số	Tần suất	Thời gian
1	Hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5A, 5B (tại nhà xưởng số 7), lưu lượng xả thải 12.000 m ³ /h.	OK1	Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , Pb và hợp chất Pb (tính theo Pb), Zn và hợp chất Pb (tính theo Pb)	01 ngày/lần lấy 03 ngày liên tiếp	Tối đa 06 tháng (Khoảng từ tháng 4/2026 đến tháng 9/2026)
2	Hệ thống xử lý khí thải của khu vực bọc nhựa (tại nhà xưởng số 7), lưu lượng xả thải 12.000 m ³ /h.	OK2	Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , xylen, Benzene, Toluen, Vinyl clorua, HCl	01 ngày/lần lấy 03 ngày liên tiếp	

1.2.2. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

- Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam.

- Địa chỉ: Biệt thự số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam đã được cấp giấy phép đủ điều kiện hoạt động theo nghị định 127/NĐ-CP ngày 31/12/2014 Quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số VIMCERT 288 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và khoản 46, 47 điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục nước thải và khí thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

- Kinh phí dự kiến cho việc quan trắc môi trường định kỳ: Không có

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty cam kết:

* Cam kết toàn bộ các thông tin, thông số nêu trong bản Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường nêu trên là hoàn toàn chính xác, trung thực, nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

* Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Thực hiện thông thoáng nhà xưởng bằng các quạt công nghiệp, quạt thông gió, cải thiện vi khí hậu trong nhà xưởng.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và xử lý theo quy định.
- Thu gom, lưu giữ, bảo quản và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
- Xây dựng hệ thống PCCC hoàn chỉnh theo đúng các quy định về PCCC.
- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng khu vực Nhà máy.
- Trồng cây xanh tại những chỗ trống để tạo cảnh quan.

* Cam kết trong quá trình hoạt động, Nhà máy đảm bảo đạt các quy chuẩn Việt Nam về môi trường bao gồm:

- *Môi trường không khí*: Các chất ô nhiễm trong khí thải của Nhà máy khi thải ra môi trường bảo đảm đạt các tiêu chuẩn sau:

+ QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về việc áp dụng 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc.

- *Tiếng ồn, độ rung*: Đảm bảo độ ồn, độ rung sinh ra từ quá trình hoạt động của Nhà máy sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

+ QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- *Nước thải*: Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Nam Sách.

- *Chất thải rắn và chất thải nguy hại*: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

* Cam kết khác:

- Tuân thủ quy định đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, PCCC, quy định khác của pháp luật có liên quan và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai dự án thực hiện dự án đầu tư.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.

- Cam kết vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định; thực hiện trách nhiệm của chủ dự án theo quy định sau khi được UBND tỉnh cấp GPMT.

- Cam kết chỉ đưa dự án đi vào vận hành chính thức sau khi có thông báo xác nhận hoàn thành việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án theo quy định sau khi được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp giấy phép môi trường.

- Thực hiện thu gom, thuê xử lý đối với các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định, không được thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng máy móc; thiết bị dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Cam kết đảm bảo thu gom, lưu chứa và xử lý các loại chất thải phát sinh đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường tương ứng cho phép.

PHỤ LỤC HỒ SƠ PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0801092901 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 02/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/12/2019.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: số 6511256519 do UBND tỉnh Hải Dương – Ban quản lý các khu công nghiệp cấp chứng nhận lần đầu ngày 02/07/2014; chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 19/6/2025.

3. Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA.

4. Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 128/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 29/10/2015 của Dự án sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

5. Hợp đồng thuê đất số 217.2014/HDTD-NS ngày 21/7/2014 giữa Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang và Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

6. Văn bản chấp thuận tổng mặt bằng chi tiết xây dựng nhà máy điều chỉnh lần 1 số 1053/KCN-QH ngày 22/9/2016 của Ban quản lý các KCN.

7. Chứng chỉ quy hoạch số 129/CCQH ngày 04/8/2014 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp.

8. Văn bản chấp thuận tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép số 745/KCN-QHXD ngày 11/5/2018.

9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty.

10. Giấy phép xây dựng số 120-KCN/GPXD ngày 09/10/2014.

11. Giấy phép xây dựng số 257-KCN/GPXD ngày 05/01/2018.

12. Giấy phép xây dựng số 196-KCN/GPXD ngày 07/10/2016.

13. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 30.0000417.T do Chi cục bảo vệ môi trường cấp lần đầu ngày 08/05/2015.

14. Hợp đồng thu gom chất thải số 01/HDD/MP-DUSCO ngày 11/7/2024.

15. Phụ lục hợp đồng xử lý nước thải số 15/2015.

16. Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC và các biên bản nghiệm thu PCCC

17. Văn bản số 341/KCN-QH ngày 14/4/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp về xây dựng công trình của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

18. Văn bản số 778/KCN-QHXD ngày 21/5/2018 về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng nhà kho và hạ tầng kỹ thuật.

PHỤ LỤC BẢN VẼ

1. Các bản vẽ thiết kế mặt bằng hiện trạng của nhà máy
2. Bản vẽ hoàn công mặt bằng sau khi điều chỉnh của nhà máy
3. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải đã lắp đặt của nhà máy

PHỤ LỤC HỒ SƠ PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0801092901 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 02/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19/7/2024.
2. Giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-DUSCO VINA ngày 20/12/2023.
3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: số 6511256519 do UBND tỉnh Hải Dương – Ban quản lý các khu công nghiệp cấp chứng nhận lần đầu ngày 02/07/2014; chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 19/6/2025.
4. Hợp đồng thuê đất số 217.2014/HDTD-NS ngày 21/7/2014 giữa Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang và Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty.
6. Văn bản chấp thuận tổng mặt bằng chi tiết xây dựng nhà máy điều chỉnh lần 1 số 1053/KCN-QH ngày 22/9/2016 của Ban quản lý các KCN.
7. Văn bản chấp thuận tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép số 745/KCN-QHXD ngày 11/5/2018.
8. Chứng chỉ quy hoạch số 129/CCQH ngày 04/8/2014 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp.
9. Giấy phép xây dựng số 120-KCN/GPXD ngày 09/10/2014.
10. Giấy phép xây dựng số 257-KCN/GPXD ngày 05/01/2018.
11. Giấy phép xây dựng số 196-KCN/GPXD ngày 07/10/2016.
12. Văn bản số 341/KCN-QH ngày 14/4/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp về xây dựng công trình của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.
13. Văn bản số 778/KCN-QHXD ngày 21/5/2018 về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng nhà kho và hạ tầng kỹ thuật.
14. Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA.
15. Quyết định số 4593/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất sợi thép của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina tại KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.
16. Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 128/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 29/10/2015 của Dự án sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.
17. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 30.0000417.T do Chi cục bảo vệ môi trường cấp lần đầu ngày 08/05/2015.
18. Hợp đồng thu gom chất thải số 01/HDD/MP-DUSCO ngày 11/7/2024.
19. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 06/2024/HĐXLNT ngày 01/01/2024.
20. Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC và các biên bản nghiệm thu PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0801092901

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 07 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 19 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUSCO VINA STEEL WIRE CO., LTD

Tên công ty viết tắt: DUSCO VINA

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 15, KCN Nam Sách, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02203751001

Fax: 02203751003

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 161.840.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng

Trương đương bảy triệu đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH DONGNAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 139-81-36033

Ngày cấp: 12/04/2012 Nơi cấp: Cục Thuế Cheonan, Chungcheongnam-do

Địa chỉ trụ sở chính: 481-41, Daeheung-ri, Seongnam-Myeon, Dongnam-gu, Cheonsi, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM SEONG HO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1969 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M054H2395

Ngày cấp: 17/12/2023 Nơi cấp: BỘ NGOẠI GIAO HÀN QUỐC

Địa chỉ thường trú: 104 Dong, 401 Ho, 60, Biryu-daero 232 beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: số 9 Đường Ngô Hoán, , Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG



TRƯỜNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Số: 01/2023/UQ-DUSCO VINA

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở chính Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina, địa chỉ: Lô 15 khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chúng tôi gồm có:

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Họ tên: KIM SEONG HO Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/08/1969

Địa chỉ nơi cư trú: 104 Dong, 401 Ho, 60, Biryu-daero 232 beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon, Hàn Quốc

Chức vụ: Tổng Giám đốc –Đại diện theo Pháp luật của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

Số hộ chiếu: M054H2395 do Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp ngày 17/12/2023

Quốc tịch: Hàn Quốc

Và

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Họ tên: LEE SUNG WOO Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/08/1968

Chức vụ: Trưởng phòng sản xuất Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina

Số hộ chiếu: M895B5995 do Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp ngày 12/05/2022

Quốc tịch: Hàn Quốc

Điều 1: Nội dung ủy quyền

Bằng giấy ủy quyền này Bên nhận ủy quyền được quyền thay mặt Bên ủy quyền toàn quyền thực hiện quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Bên nhận ủy quyền được thay mặt và nhân danh Bên ủy quyền thực hiện các công việc sau:

1.1. Đàm phán, ký kết hợp đồng, giao dịch với đối tác, khách hàng; đại diện công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

1.2. Ký các hóa đơn, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật; ký và phát hành báo cáo tài chính của công ty;

1.3. Tổ chức triển khai, thực hiện các hợp đồng giao dịch do Bên nhận ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền giao kết.

1.4. Tham gia thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư của công ty;

1.5. Quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự của công ty. Được tham gia giải quyết, ký các văn bản, quyết định xử lý kỷ luật lao động đối với Người lao động của công ty (bao gồm tất cả các hình thức xử lý kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật); đồng thời được thay mặt công ty giải quyết, làm việc và ký các tài liệu liên quan đến thủ tục cấp mới, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài đang làm việc tại Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

1.6. Tham gia giải quyết các vụ án, tranh chấp phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành doanh nghiệp, kinh doanh thương mại, lao động và các vấn đề khác tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.7. Thực hiện các công việc quản lý khác thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của Bên ủy quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 2. Cam kết chung

2.1. Bên nhận ủy quyền có quyền ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Điều 1 Văn bản này. Việc ủy quyền lại phải được lập thành văn bản.

2.2. Bên ủy quyền cam đoan tự chịu trách nhiệm trước mọi hành vi do Bên nhận ủy quyền nhân danh Bên ủy quyền thực hiện theo nội dung, phạm vi ủy quyền nêu trên.

2.3. Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên;

2.4. Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

2.5. Việc ủy quyền này không có thù lao hoặc nghĩa vụ bồi thường.

Điều 3. Hiệu lực:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký. Giấy ủy quyền này có hiệu lực cho đến khi Bên nhận ủy quyền thực hiện xong các việc được ủy quyền nêu trên hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật hoặc có văn bản thay thế, bổ sung hoặc hủy bỏ.

Giấy ủy quyền trên được lập thành 03 (ba) bản, mỗi bên giữ (01) bản; (01) bản được lưu tại công ty để thực hiện./.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Chữ ký, họ tên)

LEE SUNG WOO

BÊN ỦY QUYỀN

(Chữ ký, họ tên)

KIM SEONG HO

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6511256519

Chứng nhận lần đầu: Ngày 02 tháng 7 năm 2014
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 04 tháng 7 năm 2014
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ bốn: Ngày 05 tháng 10 năm 2023
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương: Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6511256519, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014, điều chỉnh lần thứ bốn ngày 05 tháng 10 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801092901, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ sáu ngày 19 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina nộp ngày 17 tháng 6 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI THÉP; Mã số dự án: 6511256519, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014, điều chỉnh lần thứ bốn ngày 05 tháng 10 năm 2023,

Được đăng ký điều chỉnh:

- Thông tin người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư.
- Quy mô dự án.
- Tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

CÔNG TY TNHH DONGNAM; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 139-81-36033; Ngày cấp: ngày 12 tháng 4 năm 2012; Cơ quan cấp: Cục Thuế Cheonan, Hàn Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: 481-41, Daeheung-ri, Seongnam-Myeon, Dongnam-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc.

Điện thoại: 0415567482

Fax: 05074781230

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: KIM SEONG-HO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc; Ngày sinh: ngày 10 tháng 8 năm 1969; Quốc tịch: Hàn Quốc; Số hộ chiếu: M054H2395; Ngày cấp: ngày 17 tháng 12 năm 2023; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: 104 Dong, 401 Ho, 60, Biryu-daero 232 boen-gil, Yeonsu-gu, Incheon, Hàn Quốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801092901, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ sáu ngày 19 tháng 7 năm 2024; Mã số thuế: 0801092901.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI THÉP.
2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất, gia công sợi thép các loại.	3290

Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina cam kết xuất khẩu 100% sản

phẩm, đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án: Khoảng 7.000 tấn sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích đất sử dụng: 13.211m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án là 117.530.600.210 (Một trăm mười bảy tỷ, năm trăm ba mươi triệu, sáu trăm nghìn, hai trăm mười) đồng, tương đương 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ, bao gồm:

- Vốn đầu tư đăng ký lần đầu: 105.580.600.210 đồng, tương đương 5.000.000 đô la Mỹ.

- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung ngày 05/10/2023: 11.950.000.000 đồng, tương đương 500.000 đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 67.920.000.000 (Sáu mươi bảy tỷ, chín trăm hai mươi triệu) đồng, tương đương 3.000.000 (Ba triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 57,78% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	CÔNG TY TNHH DONGNAM	67.920.000.000	3.000.000	100	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ

Vốn huy động là 49.610.600.210 (Bốn mươi chín tỷ, sáu trăm mười triệu, sáu trăm nghìn, hai trăm mười) đồng, tương đương 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ; được huy động từ nhà đầu tư, thành viên, cổ đông, ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc các chủ thể khác.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến năm 2052.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn

- Vốn góp là 67.920.000.000 đồng, tương đương 3.000.000 đô la Mỹ; Nhà đầu tư đã góp đủ.

- Vốn huy động là 49.610.600.210 đồng, tương đương 2.500.000 đô la Mỹ; được huy động theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động

b.1) Đối với phần dự án đăng ký lần đầu:

- Hoàn thành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: Tháng 7/2014.
- Xây dựng văn phòng và nhà xưởng: Từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2014.
- Lắp đặt thiết bị và vận hành thử: Từ tháng 01/2015 đến tháng 3/2015.
- Sản xuất chính thức: Từ tháng 4/2015 đến tháng 10/2015.

b.2) Đối với quy mô dự án đăng ký điều chỉnh ngày 19/6/2025:

- Thực hiện thủ tục đầu tư, môi trường: Từ tháng 6/2025 đến tháng 11/2025.
- Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành thử: Tháng 11/2025.
- Đi vào hoạt động sản xuất chính thức: Từ tháng 12/2025.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Luật Đầu tư; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu: Luật Đầu tư; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Luật Đầu tư; Luật Đất đai; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác: Theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản, tài liệu gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.
3. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư (bao gồm phần dự án đăng ký lần đầu và các lần điều chỉnh có liên quan).
4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp, công nghệ xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.
5. Nhà đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đăng ký mã ngành theo VSIC tương ứng với các mục tiêu hoạt động của dự án.
6. Thực hiện đúng quy định về đầu tư trong khu công nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

7. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện về việc đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất; về việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về doanh nghiệp chế xuất.

8. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải bảo đảm những nội dung sau:

- Nguyên liệu dự án phải bảo đảm không sử dụng các chất bị cấm sử dụng và gây ảnh hưởng sức khỏe, ô nhiễm môi trường.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Các thiết bị máy móc phải đảm bảo chất lượng, phù hợp và đồng bộ với mục tiêu, quy mô công suất của dự án; trong đó, phải cụ thể từng thiết bị, máy móc về công suất sản xuất, thông số kỹ thuật và các điều kiện về an toàn của thiết bị, máy móc.

- Thực hiện đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho công nhân vận hành dây chuyền, thiết bị máy móc (nếu có).

- Thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có).

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án; báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6511256519, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014, điều chỉnh lần thứ bốn ngày 05 tháng 10 năm 2023.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trung Kiên

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các sửa đổi, bổ sung cùng các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định việc thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang số: 0403000282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 06 tháng 05 năm 2005;
- Căn cứ Quyết định số 1305/2003/QĐ-UB ngày 8 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Căn cứ Quyết định số 2039/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2005 về việc cho phép thay đổi pháp nhân làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Sách, tỉnh Hải Dương;;
- Căn cứ Biên bản thoả thuận số 01/2014/BBTT-NS ký giữa Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang, Công ty TNHH Vina Okamoto và Công ty TNHH Đông Nam – Chủ đầu tư của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina ;
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 42/HĐTLĐ-TT ký ngày 30 tháng 06 năm 2007 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang và Công ty TNHH Vina Okamoto (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng số 42/HĐTLĐ-TT”);
- Căn cứ Phụ lục số 03.2014/PLHĐPĐ-NQ.OKAMOTO ký giữa Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang và Công ty TNHH Vina Okamoto;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác do Chính phủ Việt Nam ban hành;

Hôm nay ngày 21 tháng 7 năm 2014 tại văn phòng Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. Bên cho thuê (Sau đây được gọi là Bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG

Địa chỉ : KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Đại diện : Ông Phạm Văn Hồng Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0320.3 752.001 Fax: 0320.3 752.001
Tài khoản số : (VND) 110 01 01 001120 4 (USD) 110 0137000067 6
Tại : MARITIME BANK – 44 Nguyễn Du, Hà Nội, Việt Nam

II/. Bên thuê (Sau đây được gọi là Bên B)

CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

Địa chỉ Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Đại diện: Ông LEE SOO HWAN

Chức vụ: Chủ tịch

Điện thoại:

Fax:

Hai Bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê lại đất (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH VÀ MỤC ĐÍCH KHU ĐẤT THUÊ LẠI:

- 1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại 13.211 m² (Mười ba nghìn hai trăm mười một mét vuông) đất tại Khu công nghiệp Nam Sách, tỉnh Hải Dương để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất theo dự án được cơ quan có thẩm quyền tỉnh Hải Dương phê duyệt.
- 1.2. Vị trí khu đất Bên B thuê lại được xác định trong bản đồ khu đất đính kèm theo Hợp đồng thuê lại đất này, cụ thể là Lô L15.

ĐIỀU 2: QUẢN LÝ XÂY DỰNG

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đầu tư do các cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên B và nội dung của Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết, cũng như tuân thủ đúng các quy định về quản lý xây dựng tại Khu công nghiệp Nam Sách tại Việt Nam.

ĐIỀU 3. THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT

Thời hạn thuê lại đất được tính từ ngày Bên A và Bên B ký Hợp đồng này và sẽ hết hạn vào ngày 15 tháng 02 năm 2052.

ĐIỀU 4: TIỀN THUÊ LẠI ĐẤT, PHÍ QUẢN LÝ KCN, TIỀN THUÊ ĐẤT THÔ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

4.1 Tiền thuê lại đất có cơ sở hạ tầng:

Công ty TNHH Vina Okamoto đã thanh toán cho Bên A toàn bộ tiền thuê lại đất có cơ sở hạ tầng 13.211m² đất và phí quản lý KCN đến hết năm 2014.

Bên B được chuyển giao toàn bộ số tiền thanh toán này (bao gồm tiền thuê lại đất có cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý KCN đến hết năm 2014) từ Công ty TNHH Vina Okamoto.

4.2 Phí quản lý KCN: Bên B thanh toán cho Bên A phí quản lý KCN (với đơn giá hiện tại tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 5.217 VND/m²/năm) theo đề nghị thanh toán của Bên A. Phí quản lý KCN sẽ được điều chỉnh hằng năm dựa trên các nguyên tắc sau (a) điều chỉnh theo chỉ số CPI do Chính phủ Việt Nam công bố hằng năm so với đơn giá đã áp dụng của năm

trước liền kề, và (b) Bên A thông báo trước cho Bên B bằng văn bản về mức điều chỉnh phí quản lý KCN..

- 4.3 Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A thuế sử dụng đất theo mức qui định hàng năm của tỉnh Hải Dương để Bên A thanh toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ưu đãi về miễn, giảm thuế sử dụng đất được áp dụng chung theo các qui định do UBND tỉnh Hải Dương và chính phủ Việt Nam ban hành.
- 4.4 Nếu Bên B vi phạm các nghĩa vụ thanh toán như qui định tại Hợp đồng này cho Bên A như: chậm thanh toán tiền thuế sử dụng đất, phí quản lý KCN, Bên B phải trả cho Bên A lãi suất chậm trả là 1,9%/tháng tính trên số tiền chậm thanh toán cho thời gian chậm thanh toán. Nếu quá thời hạn một tháng tính từ ngày qui định thanh toán mà Bên B vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho Bên A số tiền phải thanh toán (bao gồm cả lãi suất chậm trả), Bên A có quyền dừng cung cấp các dịch vụ hạ tầng cho Bên B.
- 4.5 Phương thức thanh toán:
Bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A tại **MARITIME BANK – 44, Nguyễn Du, Hà Nội.**
Chủ tài khoản: **Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang**
Số tài khoản: **VND: 110 01 01 001120 4 USD: 110 0137000067 6**
Ghi chú: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá bán ra của VIETCOMBANK áp dụng vào ngày chuyển tiền.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Tôn trọng quyền sở hữu các hạng mục công trình mà Bên B xây dựng trên Lô đất thuê với điều kiện là các công trình này do Bên B xây dựng theo quy định của luật xây dựng và các qui định về xây dựng áp dụng trong KCN Nam Sách.
- 5.2. Phối hợp với Đơn vị quản lý ngành điện của Nhà nước để cấp điện đến chân tường rào Lô đất thuê mà Bên B thuê lại. Bên B sẽ thanh toán tiền điện cho Đơn vị quản lý ngành điện mà Bên B trực tiếp ký Hợp đồng cung cấp điện.
- 5.3. Phối hợp với Đơn vị cấp nước sạch để đảm bảo cấp nước sạch và đồng hồ đo nước đến tường rào Lô đất thuê. Giá nước sạch được tính theo giá chung áp dụng trong KCN Nam Sách của Đơn vị cấp nước sạch. Bên B sẽ thanh toán phí sử dụng nước sạch hàng tháng cho Đơn vị cấp nước theo Hợp đồng cung ứng nước sạch do Bên B ký trực tiếp với Đơn vị cung cấp nước sạch. Khối lượng nước sạch Bên B sử dụng hàng tháng được tính theo đồng hồ đo nước.
- 5.4. Xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải từ quá trình sản xuất, sinh hoạt của Bên B thì Bên B phải tự xử lý sơ bộ đạt mức nước C theo TCVN 5945-2005 trước khi xả thải vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp Nam Sách. Bên A hoặc Công ty xử lý nước thải sẽ chịu trách nhiệm xử lý tiếp để đạt tiêu chuẩn yêu cầu theo qui định của Chính phủ Việt Nam. Bên B phải thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A hoặc Công ty xử lý nước thải được chỉ định

theo giá xử lý nước thải qui định tại Khu công nghiệp Nam Sách. Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch Bên B sử dụng mỗi tháng

- 5.5. Bên A chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng KCN Nam Sách để đảm bảo rằng hệ thống cơ sở hạ tầng có thể được sử dụng bình thường.
- 5.6. Bên A chịu trách nhiệm làm các thủ tục đổi tên người sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Công ty TNHH Vina Okamoto sang Bên B cho diện tích đất 13.211m² sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phí làm thủ tục, cụ thể số tiền là VND 211.200.000 (chưa VAT) cho Bên A. Số tiền nêu trên bên B đã thanh toán cho bên A trước khi ký hợp đồng này.
- 5.7. Yêu cầu Bên B thực hiện đúng và đủ nội dung qui định tại Hợp đồng này và;
- 5.8. Thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng này;

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1 Sử dụng Lô đất đúng mục đích, tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các qui định khác, đảm bảo không được làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.
- 6.2 Tuân thủ các qui định của Việt Nam và các qui định về quản lý của KCN Nam Sách.
- 6.3 Thanh toán cho Bên A hoặc các Bên khác đầy đủ các khoản tiền đã thoả thuận theo đúng Hợp đồng này như: phí quản lý Khu công nghiệp, phí xử lý nước thải, tiền điện, nước, tiền thuê đất thô, ... và các chi phí khác theo qui định của Hợp đồng.
- 6.4 Phối hợp với Bên A làm các thủ tục cần thiết để đổi tên người sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Công ty TNHH Vina Okamoto sang Bên B cho diện tích đất 13.211m².
- 6.5 Cam kết thực hiện đúng và đủ các nội dung thoả thuận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 7.1 Trường hợp một trong các bên bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản, chuyển giao các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thì hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác tạo nên pháp nhân mới thì Chủ đầu tư mới phải ký lại hợp đồng thuê lại đất, thanh toán các khoản nợ nếu có trên cơ sở kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ của bên chuyển nhượng, chuyển giao tại Hợp đồng này. Trường hợp Bên B thực hiện các công việc như đã nêu trên, Bên B chịu các chi phí liên quan theo qui định của pháp luật và phải thanh toán cho Bên A phí làm thủ tục chuyển nhượng.
- 7.2 Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - Hết thời hạn thuê lại đất theo qui định tại Điều 3 của Hợp đồng này;
 - Theo thoả thuận của hai Bên.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bên A và Bên B cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp, Bên A và Bên B sẽ cùng nhau hoà giải và giải quyết trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi. Trường hợp hoà giải không thành thì vụ việc sẽ được giải quyết tại Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền tỉnh Hải Dương. Chi phí giải quyết vụ kiện sẽ do Bên B thua kiện chịu.

Hợp đồng này được lập thành 8 bản bằng tiếng Anh và 8 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 2 bản để thực hiện. Các bản còn lại gửi các cơ quan liên quan.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.



ĐẠI DIỆN BÊN B

**TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE SOO HWAN**



ĐẠI DIỆN BÊN A

**GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hồng**



BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HẢI DƯƠNG

**TRƯỞNG BAN
Phạm Minh Phương**



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
HOÀNG ANH PHONG**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 0 1 0 6 7 2 1 4 0 0 0 2 2 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina

GCNĐT số: 042043000192, do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương cấp

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/7/2014

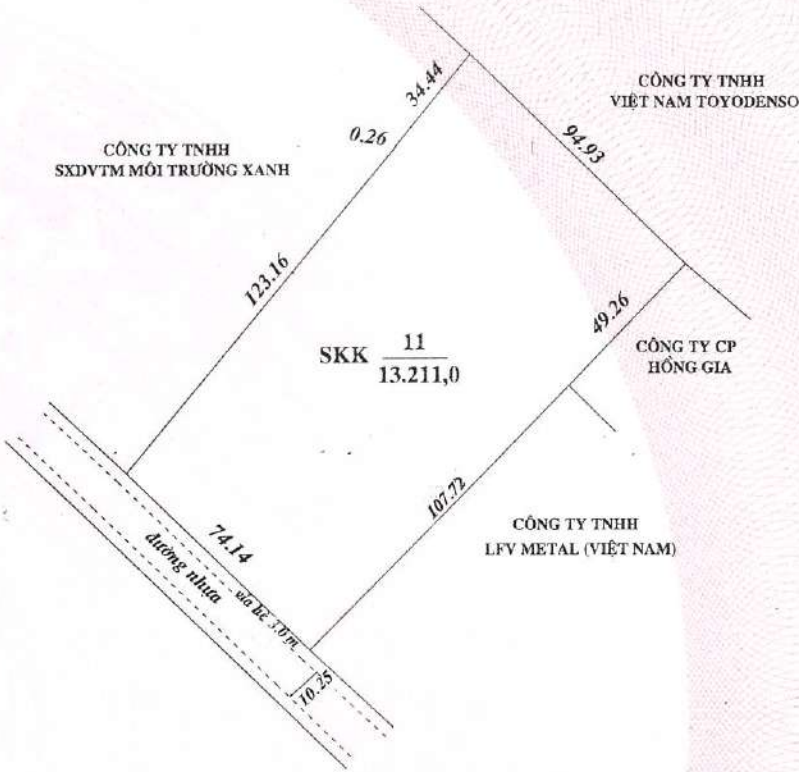
Địa chỉ trụ sở chính: Lô 15, Khu công nghiệp Nam Sách,
phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

BT 121700

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:
- a) Thửa đất số: 11 Tờ bản đồ số: 04
 - b) Địa chỉ: xã Nam Đồng - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương
 - c) Diện tích: 13.211,0 m² (bằng chữ: Mười ba nghìn, hai trăm mười một mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
 - e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/02/2052
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của Công ty CPĐT và PTHT Nam Quang
2. Công trình xây dựng khác: -/-
3. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Hải Dương, Ngày 15 tháng 12 năm 2014
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

Số vào sổ cấp GCN: CT 00224

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1053/KCN-QH

Hải Dương, ngày 22 tháng 9 năm 2016

V/v chấp thuận tổng mặt bằng chi tiết
xây dựng nhà máy điều chỉnh (lần 1)
Công ty TNHH chế xuất sợi thép
Dusco Vina

Kính gửi: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (Ban Quản lý) nhận được văn bản kèm theo bản vẽ tổng mặt bằng chi tiết xây dựng nhà máy điều chỉnh (lần 1) của Công ty xây dựng tại lô đất L15 của Chủ đầu tư thuê lại trong Khu công nghiệp Nam Sách.

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam về quy hoạch xây dựng và các quy định quản lý Quy hoạch, xây dựng và môi trường trong khu công nghiệp; Các tài liệu liên quan đến lô đất L15 hiện đang có hiệu lực. Căn cứ công văn số 2021/UBND-VP ngày 15/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Hải dương về việc bổ sung và đưa vào sử dụng hạng mục công trình phát sinh so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Ban Quản lý xác định và yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện những nội dung sau đây:

1. Tổng diện tích đất được lập tổng mặt bằng xây dựng nhà máy là 13.211m² thuộc lô đất L15 trong Quy hoạch chi tiết điều chỉnh khu công nghiệp Nam Sách được duyệt.

2. Các công trình trong tổng mặt bằng chi tiết xây dựng nhà máy phải thiết kế và thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCVN 01:2008/BXD), cụ thể với một số chỉ tiêu chính như sau: Tổng diện tích xây dựng 6.513,0m², mật độ xây dựng 49,29%, chiều cao công trình ≤13m; Diện tích cây xanh, thảm cỏ 2.642m² (tỷ lệ 20% diện tích lô đất); Hệ số sử dụng đất 0,52; diện tích đất giao thông nội bộ: 4.056m².

3. Chủ đầu tư khẩn trương nộp hồ sơ xây dựng hạng mục bổ sung tại Ban Quản lý để làm thủ tục về giấy phép xây dựng công trình theo quy định.

Ban Quản lý yêu cầu Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện những nội dung nêu trên, đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam. *TLH*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, QH(Ô.Quang)*nhc*



TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 745 /KCN-QHXD

Hải Dương, ngày 11 tháng 5 năm 2018

V/v chấp thuận tổng mặt bằng xây dựng
điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép

Kính gửi: Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương nhận được văn bản của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina với nội dung đề nghị chấp thuận Tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép tại lô đất 15, Khu công nghiệp Nam Sách, kèm theo bản vẽ tổng mặt bằng chi tiết xây dựng.

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch, xây dựng và các tài liệu liên quan đến lô đất 15, Khu công nghiệp Nam Sách, Ban Quản lý các khu công nghiệp có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận Tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh nhà máy sản xuất sợi thép tại lô đất 15 diện tích 13.211 m² trong Khu công nghiệp Nam Sách của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina với vị trí công trình và các chỉ tiêu xây dựng đúng trong bản vẽ. Các chỉ tiêu chính: Tổng diện tích xây dựng công trình 7.905 m²; mật độ xây dựng 59,84%; tỷ lệ đất trồng cây xanh: không nhỏ hơn 20%.

2. Chủ đầu tư khẩn trương nộp hồ sơ các hạng mục bổ sung tại các cơ quan liên quan để làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng theo quy định. /*Ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QHXD(Tuấn). /*h*



TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương

Hải Dương, ngày 04 tháng 8 năm 2014

CHỨNG CHỈ QUY HOẠCH

Số: 129/CCQH

1- Cấp cho: Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO Vina

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Sách- Ái Quốc - TP. Hải Dương.

Quốc tịch (Của nhà đầu tư): Hàn Quốc.

Điện thoại:

Fax:

2- Nội dung CCQH:

2.1-Tên lô đất: L15. Tổng diện tích: 13.211,0 m².

Trong KCN Nam Sách- Ái Quốc - TP. Hải Dương.

2.2- Quy hoạch và sử dụng đất đai (Sơ đồ kèm theo): Thiết kế quy hoạch

Nhà máy sản xuất sợi thép

- Chức năng khu đất: Xây dựng Nhà máy

- Loại công trình được xây dựng: Nhà xưởng+văn phòng, nhà để xe, nhà kho rác, trạm điện, trạm bơm, bể nước ngầm, phòng khí nén, nhà bảo vệ, cổng chính, tường rào, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, sân đường nội bộ, cây xanh và các công trình phụ trợ trong thiết kế.

Cấm xây dựng các công trình: Ngoài chấp thuận thiết kế của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ giới đường đỏ, lùi ra:

+ Phía Bắc : Giáp Công ty TNHH SXDV TM Môi trường xanh

+ Phía Nam : Giáp Công ty TNHH LFV Metal (Việt Nam) .

+ Phía Đông : Giáp Công ty TNHH Việt Nam ToyoDenso

+ Phía Tây : Cách mép Bloc đường nội bộ KCN (lộ giới 10,25m) 3m

- Cốt nền: +3,25 m so với mặt nước biển.

- Mật độ xây dựng (DT xây dựng công trình/DT lô đất) x 100%: Không lớn hơn 65%.

- Hệ số sử dụng đất: (Tổng DT sàn công trình/DT lô đất): Không nhỏ hơn 0.5
- Chiều cao tối đa: 13 m với công trình chính.
- Chiều cao tối thiểu: 3 m đối với các công trình phụ.
- Chỉ giới xây dựng:
 - + Khoảng lùi: không nhỏ hơn 4,5 m.
- Yêu cầu kiến trúc:
 - Màu sắc: Dùng màu sắc gây cảm giác dịu mát
 - Vật liệu: Thép CI - CII, Bê tông cốt thép 200#-300#, Gạch đặc 75#, ...

Mái: Tôn sóng mạ màu.

- Yêu cầu về cây xanh, môi trường: Diện tích cây xanh không nhỏ hơn 20% diện tích lô đất, Chủ đầu tư phải thẩm định và phê duyệt đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng nhà máy, đảm bảo vệ sinh môi trường trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất theo yêu cầu trong Quyết định phê duyệt ĐTM và quy định của Khu công nghiệp Nam Sách.

- Chỗ đỗ xe: Trong hàng rào công ty.

2.3 - Những điều lưu ý khác (Nguồn điện, nguồn nước, đường thải nước, yêu cầu xử lý chất thải): Theo quy hoạch điều chỉnh chi tiết Khu công nghiệp được phê duyệt và hợp đồng thuê lại đất. Xử lý chất thải theo nội dung phê duyệt ĐTM của cấp có thẩm quyền.

3 - Chú ý: Chứng chỉ quy hoạch này là căn cứ để lập thiết kế công trình, không có giá trị làm chứng từ về quyền sử dụng đất và không thay thế các giấy phép khác. Thời hạn có giá trị của Chứng chỉ là 1 năm kể từ ngày cấp. *W*



TRƯỞNG BAN

TRƯỞNG BAN
Phạm Minh Phương

Số: 120 - KCN /GPXD

Hải Dương, ngày 09 tháng 10 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình trong khu công nghiệp)

1. Cấp cho: Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO Vina
 - Địa chỉ: Lô L15, Khu công nghiệp Nam Sách,
 - Huyện (thành phố) Hải Dương Tỉnh: Hải Dương
 - Điện thoại: Fax:
2. Được phép xây dựng: Nhà xưởng, văn phòng và các hạng mục phụ trợ + hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo, thuộc Nhà máy sản xuất sợi thép DUSCO Vina.
(chi tiết các hạng mục trong phụ lục số 120-PL/GPXD)
 - Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình;
 - Do: Công ty TNHH Kiến trúc và xây dựng ARC - Hà Nội lập;
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng đô thị Hà Nội thực hiện.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Lô L15, Khu công nghiệp Nam Sách, Diện tích: 13.211,0 m²
 - + Cốt nền xây dựng công trình: +3,25m so với mực nước biển;
 - + Mật độ xây dựng: Tổng thể $\leq 65\%$, hệ số sử dụng đất: toàn bộ: $\geq 0,5$
 - + Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng: Theo chứng chỉ quy hoạch số 129/CCQH do Ban cấp và Quy hoạch chi tiết KCN Nam sách điều chỉnh được phê duyệt;
 - + Màu sắc công trình: Hải hòa, dịu mát;
 - + Diện tích xây dựng (tầng một): 5430,5m²
 - + Tổng diện tích sàn: 5.931,5m²
 - + Chiều cao tầng 1: tối đa 3,5m; Chiều sâu tối đa - 2,7m (đáy bể làm mát)
 - + Chiều cao công trình: tối đa 9,04m; Số tầng : 01,02
 - Những điều lưu ý khác (Nguồn điện, nguồn nước, đường thải nước, yêu cầu xử lý chất thải, bảo vệ môi trường): Theo quy hoạch chi tiết KCN Nam Sách điều chỉnh được phê duyệt, hồ sơ bảo vệ môi trường được duyệt, Chủ đầu tư phải có phương án phòng chống cháy nổ cho công trình theo quy định của Luật phòng cháy, chữa cháy Việt Nam
3. Giấy tờ về đất đai: Hợp đồng thuê lại đất số 217-2014/HDTD-NS lập ngày 21/7/2014 giữa Chủ đầu tư và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang.
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. *ML*

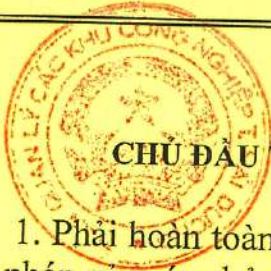
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: QH, XD&MT



TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương



(Trang 2)

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Hải Dương, ngày tháng năm.20
Ban QL các KCN Hải Dương

Số: 257/KCN - GPXD

Hải Dương, ngày 05 tháng 01 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình trong khu công nghiệp)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Sách.

- Thành phố: Hải Dương

Tỉnh: Hải Dương.

2. Được phép xây dựng hạng mục: Nhà kho (số 7) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

- Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

- Do: Công ty TNHH Kiến trúc và xây dựng ARC lập.

- Cơ quan thẩm định thiết kế: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (văn bản số 1747/KCN-QHXD ngày 30/11/2017).

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Lô đất 15, khu công nghiệp Nam Sách.

+ Diện tích lô đất: 13.211m²; Cốt nền xây dựng: +3,25 m so với mực nước biển

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo Tổng mặt bằng nhà máy điều chỉnh được chấp thuận và Quy hoạch chi tiết KCN Nam Sách điều chỉnh được phê duyệt.

+ Loại, cấp công trình: Công nghiệp, cấp 3; Màu sắc công trình: màu sáng, hài hòa;

+ Diện tích xây dựng (tầng 1): 1.488 m²; Tổng diện tích sàn XD: 1.488 m²;

+ Chiều cao công trình: 9,05 m; Số tầng: 01

+ Mật độ xây dựng tổng thể: 59,61% Hệ số sử dụng đất: >0,5

+ Mật độ cây xanh, thảm cỏ: >= 20% diện tích lô đất.

- Những điều lưu ý khác (Nguồn điện, nguồn nước, đường thải nước, yêu cầu xử lý chất thải, bảo vệ môi trường): Theo Quy hoạch chi tiết KCN Nam Sách điều chỉnh được phê duyệt, hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án được phê duyệt, Chủ đầu tư phải có phương án phòng chống cháy nổ cho công trình theo quy định của Luật phòng cháy, chữa cháy Việt Nam.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 121700 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/12/2014 cho Chủ đầu tư.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, QHXD(Tuần).



TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương



(Trang 2)

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm.....
Cơ quan cấp giấy phép xây dựng

Số: 196 - KCN /GPXD

Hải Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình trong khu công nghiệp)

1. Cấp cho: Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO Vina

- Địa chỉ: Lô L15, Khu công nghiệp Nam Sách,
- Huyện (thành phố) Hải Dương Tỉnh: Hải Dương
- Điện thoại: 03203.751.001 Fax:

2. Được phép xây dựng: Nhà kho và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo, thuộc Nhà máy sản xuất sợi thép DUSCO Vina.

- Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình;
- Do: Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập;
- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Huy Hoàng thực hiện.
- Gồm các nội dung sau:

- + Vị trí xây dựng: Lô L15, Khu công nghiệp Nam Sách, Diện tích: 13.211,0 m²
- + Cột nền xây dựng công trình: +3,25m so với mực nước biển;
- + Mật độ xây dựng: Tổng thể $\leq 65\%$. hệ số sử dụng đất: toàn bộ: $\geq 0,5$
- + Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng: Theo Tổng mặt bằng xây dựng nhà máy được Ban chấp thuận và Quy hoạch chi tiết KCN Nam sách điều chỉnh được phê duyệt;

- + Màu sắc công trình: Hải hòa, màu sáng;
- + Diện tích xây dựng (tầng một): 937,0m²; Tổng diện tích sàn: 937,0m²
- + Loại công trình: Công nghiệp Cấp công trình: cấp 4
- + Chiều cao tầng 1: tối đa 4,6m; Chiều sâu tối đa: -1,2m (đáy móng)
- + Chiều cao công trình: tối đa 6,5m; Số tầng : 01.

- Những điều lưu ý khác (Nguồn điện, nguồn nước, đường thải nước, yêu cầu xử lý chất thải, bảo vệ môi trường): Theo quy hoạch chi tiết KCN Nam Sách điều chỉnh được phê duyệt, hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án được duyệt, Chủ đầu tư phải có phương án phòng chống cháy nổ cho công trình theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 121700 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Chủ đầu tư ngày 15/12/2014.

4. Giấy phép này cấp cho Chủ đầu tư, sau khi được UBND tỉnh Hải Dương đồng ý theo công văn số: 2621/UBND-VP ngày 15/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương và thiết kế phòng cháy, chữa cháy của công trình được Công an tỉnh Hải Dương thẩm duyệt tại giấy chứng nhận số 193/TD-PCCC ngày 30/9/2016. *MP*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: QLXD (Ô Quang)



TRƯỞNG BAN

Phara Minh Phương



(Trang 2)

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn ~~chịu~~ trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Hải Dương, ngày tháng năm 20
Ban QL các KCN Hải Dương

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 341/KCN-QH

Hải Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2015

V/v Xây dựng công trình của Công ty
TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA

Kính gửi: Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA

Căn cứ:

- Các Nghị định của Chính phủ: số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Các Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương: số 03/2013/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; số 11/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 về việc phân cấp quản lý trong các lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Công văn ngày 26/3/2015 của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA về việc đề nghị xem xét hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình;

- Hồ sơ hoàn thành công trình nộp Ban Quản lý các khu công nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế xây dựng.

Sau khi Chủ đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ, Ban Quản lý các khu công nghiệp thông báo với chủ đầu tư các nội dung sau đây:

1. Chủ đầu tư và nhà thầu đã xây dựng hoàn thành các hạng mục của dự án xây dựng nhà máy tại Lô đất L15 KCN Nam Sách, tỉnh Hải Dương bao gồm: Nhà xưởng+văn phòng, trạm bơm+trạm điện, nhà để xe, nhà khí amoniac, kho rác, nhà bảo vệ, cổng tường rào và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

Kết quả kiểm tra thực tế, các hạng mục công trình: Nhà xưởng+văn phòng, nhà để xe, kho rác, nhà bảo vệ, cổng tường rào được xây dựng cơ bản đúng vị trí, diện tích trong quy hoạch được chấp thuận và giấy phép xây dựng được cấp; hạng mục trạm bơm+trạm điện, nhà khí amoniac được xây dựng cơ bản đúng diện tích được chấp thuận trong giấy phép xây dựng tuy nhiên chưa đúng vị trí trong quy hoạch.

Kiến trúc hạng mục đảm bảo sử dụng, mỹ quan, phù hợp với thiết kế và cảnh quan công trình trong khu công nghiệp; Kết cấu đáp ứng yêu cầu của thiết kế.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thi công cơ bản đúng quy hoạch được chấp thuận, đã đấu nối với hệ thống chung của nhà máy.

2. Về quản lý dự án công trình xây dựng của chủ đầu tư và nhà thầu:

2.1. Chủ đầu tư:

- Đã quản lý dự án theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý;
- Đã hợp đồng kinh tế theo hình thức hợp đồng thi công;
- Đã thực hiện đủ các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định gồm: Phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, kiểm tra điều kiện năng lực của nhà thầu, phê duyệt tiến độ thi công xây lắp công trình, kiểm tra nhà thầu trong quá trình xây lắp, theo dõi quá trình thi công, xác nhận nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng, lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình.

2.2. Nhà thầu xây dựng:

Nhà thầu là Công ty TNHH SREng:

- Có đủ năng lực theo quy định, có hợp đồng thi công công trình.
- Có hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện kiểm tra vật tư vật liệu trước khi đưa vào sử dụng.
- Thi công cơ bản đúng thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt, có hệ thống quản lý chất lượng theo quy định, đảm bảo quy trình lập và quản lý các hồ sơ tài liệu liên quan trong quá trình thi công xây dựng.

3. Các vấn đề khác:

Công ty lập hồ sơ xin điều chỉnh quy hoạch vị trí các hạng mục trạm bơm+trạm điện, nhà khí amoniac.

Công ty thực hiện đúng các yêu cầu đã nêu trong quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường đối với dự án trước khi đưa công trình vào hoạt động chính thức.

Hạng mục công trình: Nhà xưởng+văn phòng, trạm bơm+trạm điện, nhà để xe, nhà khí amoniac, kho rác, nhà bảo vệ, công tường rào và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA đã xây dựng hoàn thành. Chủ đầu tư cần thực hiện tốt chế độ bảo trì công trình theo qui định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng, thực hiện lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo đúng quy định, thực hiện thường xuyên quy trình bảo dưỡng, bảo trì thiết bị để đảm bảo an toàn cho sử dụng và an toàn vận hành nhà máy trong quá trình hoạt động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QH(Tuần) *neh*



TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương

**UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **778** /KCN-QHXD

Hải Dương, ngày **21** tháng 5 năm 2018

V/v thông báo kết quả kiểm tra
công tác nghiệm thu hoàn thành công trình
xây dựng nhà kho và hạ tầng kỹ thuật

Kính gửi: Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina

Căn cứ:

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Các Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương: Số 18/2016/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng số 01-DUSCO-BCHTCT ngày 24/02/2018 của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina (chủ đầu tư) về kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng Nhà kho (số 7) + hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo và kết quả kiểm tra của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

Sau khi chủ đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Chủ đầu tư và nhà thầu đã xây dựng hoàn thành hạng mục Nhà kho (số 7) của dự án xây dựng nhà máy sản xuất sợi thép tại lô đất 15, Khu công nghiệp Nam Sách, tỉnh Hải Dương và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

Kết quả kiểm tra thực tế, hạng mục công trình được xây dựng cơ bản đúng vị trí, diện tích trong tổng mặt bằng điều chỉnh được chấp thuận và giấy phép xây dựng được cấp.

Kiến trúc các hạng mục đảm bảo sử dụng, mỹ quan, phù hợp với thiết kế và cảnh quan công trình trong khu công nghiệp. Kết cấu đáp ứng yêu cầu của thiết kế và hồ sơ hoàn công có xác nhận của các bên liên quan.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật:

2.1. Chủ đầu tư:

- Đã quản lý dự án theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý;
- Đã hợp đồng kinh tế theo hình thức hợp đồng thi công;
- Đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định gồm: Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, kiểm tra điều kiện năng lực của nhà thầu, phê duyệt tiến độ thi công xây lắp công trình, kiểm tra các nhà thầu trong quá trình xây lắp, theo dõi quá trình thi công, xác nhận nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng, lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình.

2.2. Nhà thầu xây dựng là liên danh Công ty TNHH SN Engineering&Construction và Công ty xây dựng Quang Minh:

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực thi công công trình, có hợp đồng thi công công trình.
- Có hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện kiểm tra vật tư vật liệu trước khi đưa vào sử dụng.
- Thi công cơ bản đúng thiết kế và hồ sơ hoàn công được chủ đầu tư phê duyệt, có hệ thống quản lý chất lượng theo quy định, đảm bảo quy trình lập và quản lý các hồ sơ tài liệu liên quan trong quá trình thi công xây dựng.

3. Các yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Trồng đủ diện tích cây xanh đúng theo tổng mặt bằng điều chỉnh nhà máy được chấp thuận.
- Thực hiện tốt chế độ bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; thực hiện lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo đúng quy định; thực hiện thường xuyên quy trình bảo dưỡng, bảo trì thiết bị để đảm bảo an toàn cho sử dụng và an toàn vận hành nhà máy trong quá trình hoạt động.

4. Kết luận:

Chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình Nhà kho (số 7) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina tại lô đất 15, Khu công nghiệp Nam Sách. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QH XD (Tuần).



TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
Số: 65 / TD-PCCC (2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số: 08/CV... ngày 01.../...8.../...2014.

của: CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA
Người đại diện là ông/ bà: YANG DONG IL Chức danh GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI THÉP
Địa điểm: KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ AN TOÀN ĐÔNG ĐÔ
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Tổng mặt bằng công trình, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa của công trình, lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống điện và hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy tự động;
- Phương tiện chữa cháy ban đầu.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1. Lắp đặt bổ sung 01 đường ống dẫn nước từ trạm bơm chữa cháy tới mạng đường ống cấp nước chữa cháy chính; ống dẫn nước chữa cháy có đường kính tối thiểu DN125.
2. Thông báo cho Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ kiểm tra nghiệm thu công trình theo qui định.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina;
- Lưu PCCC&CNCH.

Hải Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2014

(4) TL: GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH



ĐẠI TÁ: Nguyễn Danh Thụ

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Số: 23 /GCN-PCCC(2015)

Hải Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2015

GIẤY CHỨNG NHẬN
NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHỐNG CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy 22/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

Sau khi xem xét các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, biên bản kiểm tra nghiệm thu PCCC ngày 13/3/2015.

Trưởng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hải Dương chứng nhận:

Công trình : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI THÉP

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

Xây dựng tại : KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Đã được nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy gồm:

- Khoảng cách an toàn PCCC; lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống chống sét; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và thoát hiểm
- Nội quy, tiêu lệnh PCCC; các bình chữa cháy ban đầu.

Yêu cầu:

- Đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của trang thiết bị và toàn bộ hệ thống phòng chống cháy đã lắp đặt.

- Việc sử dụng, vận hành và bảo dưỡng các hệ thống phòng chống cháy phải đúng quy trình quy định.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina;
- Lưu PCCC&CNCH.



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Nguyễn Danh Thụy

Số: 324/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 18/DSVN ngày 10/11/2017 của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina.

Người đại diện là ông: **Cho Hyeon Deok** Chức danh: **Tổng Giám đốc**

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN

Công trình: NHÀ KHO (NHÀ SỐ 7) THUỘC NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI THÉP

Địa điểm xây dựng: KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH MTV Cơ điện Phú Lương; Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng ARC.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Tổng mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa của công trình; lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; tường ngăn cháy;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống hút khói;
- Các bình chữa cháy ban đầu; hệ thống chống sét.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu Phòng CS. PCCC&CNCH.

Hải Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2017



Thượng tá Hà Tiến Dũng

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

Số: **44**/NT-PCCC
V/v nghiệm thu về PCCC

Hải Dương, ngày **02** tháng **02** năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina

Theo đề nghị tại văn bản số 01/CV-NT ngày 15/01/2018 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương lập ngày 29/01/2018, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina đối với công trình Nhà kho (nhà số 7) thuộc Nhà máy sản xuất sợi thép – Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina, xây dựng tại: KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo các nội dung sau:

- Tổng mặt bằng công trình, khoảng cách an toàn PCCC;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Tường ngăn cháy của nhà kho (nhà số 7) quay về phía nhà kho (nhà số 2);
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Các bình chữa cháy ban đầu; hệ thống hút khói.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho Nhà kho (nhà số 7) trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco Vina;
- Lưu PCCC&CNCH.



Thượng tá Hà Tiến Dũng

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Dự án sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố
Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vi Na

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vi Na thực hiện vào ngày 10 tháng 9 năm 2015;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vi Na đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án sản xuất sợi thép tại lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương sau đây:

- Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom, xử lý nước thải bao gồm: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn, nước thải; Công trình bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt với tổng thể tích 17 m³.

- Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải bao gồm: hệ thống chụp hút, quạt hút tại khu vực nhúng kẽm; hệ thống điều hòa nhiệt độ và quạt công nghiệp tại khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

- Công trình, thiết bị, biện pháp lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường bao gồm: thiết bị chuyên dụng, kho lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải thông thường.

- Các quy trình, kế hoạch, chương trình về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường; các biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

Điều 2. Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vi Na có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường và các cơ quan chức năng có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./. *B*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vi Na;
- Lưu: VT Sở, Chi cục BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tạ Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2407/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 02 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép tại Lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương” của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường, ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép tại Lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương” của Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA, họp ngày 10 tháng 9 năm 2014 tại phòng họp của Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 423/TTr-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất sợi thép tại Lô 15, khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương” (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Sản xuất 5.000 tấn sợi thép các loại/năm;

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Dự án phải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT,

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh QCVN 06:2009/BTNMT.

2.2. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải thu gom toàn bộ nước thải phát sinh, xử lý đạt giá trị thỏa thuận với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (Chủ đầu tư khu công nghiệp Nam Sách) và phải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Sách.

2.3. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT mức B trước khi thải ra môi trường xung quanh.

2.4. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

2.5. Thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.6. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và làm đẹp cảnh quan, đảm bảo tối thiểu 20% diện tích đất của Dự án.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Tuân thủ nghiêm những quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, xử lý sự cố môi trường và những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến hoạt động của Dự án.

3.2. Thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Thường xuyên kiểm tra và vận hành ổn định các công trình xử lý môi trường nhằm đảm bảo tất cả các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về môi trường khi có thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động của toàn bộ Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Phải đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm các biện pháp, giải pháp công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm và xử lý chất thải trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án.

3. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý và giám sát môi trường: chất thải với tần suất 03 tháng/lần, môi trường xung quanh với tần suất 06 tháng/lần;

định kỳ 06 tháng báo cáo kết quả kiểm soát và công tác bảo vệ môi trường với Chi cục Bảo vệ môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Dương để theo dõi.

4. Thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường qui định tại các khoản 2 và 3 Điều 1 của Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Thực hiện đúng những cam kết về bảo vệ môi trường như đã ghi trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

6. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký././

Nơi nhận:

- Công ty TNHH chế xuất sợi thép DUSCO VINA;
- Chủ tịch UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Lưu: VT. Ô.Đông (8b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4593 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án sản xuất sợi thép của Công ty TNHH Chế xuất sợi thép Dusco
Vina tại KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina tại Văn bản số 189/ĐNTĐ-DC ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất sợi thép;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 685/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất sợi thép (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường công khai trên cổng thông tin điện tử quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, bàn giao hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tiếp nhận hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án do Sở Nông nghiệp và Môi trường bàn giao; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân phường Ái Quốc và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *Phạm Anh Tuấn*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND TP (để báo cáo);
- PCT TT UBND TP Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- UBND phường Ái Quốc;
- Phòng NNMT;
- Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina;
- Lưu: VT, N.X.Thành. *NX*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI THÉP**
(Kèm theo Quyết định số 4593 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án sản xuất sợi thép.
- Địa điểm thực hiện: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích 13.211 m².
- Sản xuất, gia công sợi thép các loại khoảng 7.000 tấn/sản phẩm năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công đoạn 1 (công đoạn sản xuất gián đoạn):

Thép nguyên liệu (thép cuộn SWRM6 đường kính 5,5mm) → Máy kéo sợi khô (đường kính 1,6mm) → Máy cuộn sợi thép (tạo cuộn thép dạng lồng) → Lò ủ (dạng nổi) ủ thép sợi đường kính 1,6mm → Cuộn thép đường kính 1,6mm → chuyển sang công đoạn 2.

- Công đoạn 2 (công đoạn sản xuất liên tục):

Cuộn thép có đường kính 1,6mm → Máy kéo sợi ướt (đường kính 0,2 – 0,8mm) → Bể rửa, Lò ủ liên tục (ủ thép trong điều kiện môi trường khí N₂, H₂) → Bể nước muối → Mạ kẽm → Làm khô tự nhiên → Quấn dây, đan lưới, bọc PVC → Lưu kho.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình của dự án

- Công ty mở rộng quy mô dự án trên tổng diện tích 13.211 m². Cơ sở hạ tầng và các hạng mục công trình phục vụ hoạt động sản xuất tại khu vực này đã được xây dựng và bố trí đồng bộ, đơn vị chỉ thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà kho số 7 thành nhà xưởng sản xuất.

- Diện tích các hạng mục công trình: Văn phòng: 5.138 m²; nhà để xe: 114 m²; nhà bảo vệ: 20 m²; nhà xưởng số 7: 1.488 m²; nhà kho: 942 m²; kho chứa chất thải thông thường và CTNH: 18 m²; trạm bơm và trạm điện: 93 m²; phòng khí Amoniac: 40 m²; bể mặt bồn xử lý nhiệt: 24 m²; bể tự hoại: 16 m²; cây xanh: 2.676 m²; sân đường nội bộ: 2.660 m².

b) Các hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động cải tạo sửa chữa nhà kho số 7 thành nhà xưởng sản xuất, lắp đặt máy móc thiết bị các dây chuyền sản xuất.

- Hoạt động vận hành dự án: Hoạt động của phương tiện giao thông vận tải ra vào dự án; hoạt động sản xuất và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án này không bao gồm việc đánh giá các tác động từ các hiện tượng tự nhiên không liên quan đến dự án và tác động của chính sách đang được xây dựng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại cột 4 Phụ lục II (mục số II.10 - dự án có công đoạn mạ kim loại quy mô 6.500 tấn sản phẩm/năm) địa điểm tại phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng (đô thị loại I).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

Công ty chỉ thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà kho số 7 thành nhà xưởng sản xuất và lắp đặt các máy móc thiết bị phục vụ nâng công suất. Không có hoạt động thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành Dự án

Hoạt động của phương tiện giao thông vận tải ra vào dự án; hoạt động sản xuất và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

Các hoạt động trên phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt ảnh hưởng đến người lao động và các hoạt động sản xuất hiện tại của dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

Việc lắp đặt máy móc thiết bị được diễn ra trong khoảng thời gian ngắn (dự kiến thời gian khoảng 20 ngày), Công ty sử dụng trực tiếp công nhân kỹ thuật tại nhà máy để lắp đặt. Ước tính lượng chất thải phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc chủ yếu là: bao bì carton, nilon, đinh ốc vít thừa lỗi hỏng... khoảng 2kg/máy; tổng khối lượng phát sinh khoảng 108kg, toàn bộ các loại chất thải

này sẽ được thu gom, xử lý cùng với chất thải hiện tại của dự án. Trong phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này sẽ tập trung đánh giá cho giai đoạn hoạt động tổng thể của dự án.

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong nhà máy với lưu lượng khoảng 11,05 m³/ngày đêm, thành phần chủ yếu bao gồm chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform,...

- Nước thải sản xuất: phát sinh từ bể muối, bể rửa và làm mát, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bẩn của bể.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của bụi, khí thải

- Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu với thành phần chủ yếu là CO, NO_x, SO₂,...

- Công đoạn mạ phát sinh bụi kẽm: 0,87 mg/m³.

- Công đoạn bọc nhựa phát sinh hơi nhựa, VOCs: 0,0021 mg/m³.

- Nhiệt dư: Nguồn phát sinh nhiệt chủ yếu từ công nghệ sản xuất (quá trình gia nhiệt cho nhựa, từ các máy móc, thiết bị, các loại đèn chiếu sáng...)

- Mùi hôi từ khu tập kết rác thải, nhà vệ sinh

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng thành phần chủ yếu: bụi, CO, NO_x, SO₂...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 179,9 kg/ngày. Thành phần CTRSH phát sinh bao gồm: bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm giấy thải, bìa carton rách hỏng; nilon rách hỏng; hộp mực in và mực in thải; pallet hỏng; giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại; bùn thải từ hệ thống bể phốt; bùn thải nạo vét cống rãnh (hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt); bavia kim loại, sản phẩm lỗi, hỏng, khuôn kéo sợi thép bỏ; bavia sản phẩm nhựa lỗi hỏng. Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 848.198 kg/năm.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; bùn thải, bã lọc có các thành phần nguy hại; bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH thải); bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; ắc quy chì thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các



thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bảng mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); xỉ kẽm cứng, xỉ chì thải; nước thải lẫn dầu; vôi bột; mặt sắt dính nhiễm TPNH; giẻ lau, găng tay dính dầu, vật liệu lọc; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải. Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 131.115,04 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất các sản phẩm, hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải và các công trình xử lý nước thải là những hoạt động phát sinh tiếng ồn và độ rung. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ thống giao thông khu vực: Sự lưu thông phương tiện giao thông của công nhân ra vào dự án sẽ làm gia tăng áp lực cho hệ thống hạ tầng giao thông khu vực.

- Tác động từ nước mưa chảy tràn khu vực dự án có thể ảnh hưởng tới các thành phần môi trường tự nhiên gồm: Không khí, nước, đất, hệ sinh thái.

- Rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Phương án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải đen (nước xí tiểu) phát sinh từ khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D60 xuống bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm (số lượng 3 bể tự hoại) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống D200, độ dốc 0.3% chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

- + Nước thải xám (nước thoát sàn, bồn rửa) phát sinh từ khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D60, độ dốc 0.3%, chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

- + Nước thải nấu ăn tại khu nhà ăn đi qua song chắn rác để loại bỏ rác (rau củ, thực phẩm thừa,...) rồi theo đường ống PVC D110, chảy về bể tách dầu mỡ để xử lý, sau đó theo đường ống PVC D200 chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách

(theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 15/2015/XLNT/NQ-NS ngày 01/4/2015 ký với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang).

- Phương án thu gom, xử lý nước thải sản xuất:

+ Nước từ hoạt động rửa và làm mát sản phẩm trước khi mạ kẽm:

Tại công đoạn trước khi mạ kẽm, dây thép được đưa qua bể rửa và làm mát dung tích $2\text{m}^3/\text{bể}$ (số lượng 4 bể) vật liệu inox. Lượng nước cấp bù cho thất thoát bay hơi khoảng 10% dung tích bể.

Định kỳ 3 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bản của bể, nước trong trên bề mặt được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

+ Nước từ bể muối:

Trước khi mạ sẽ cho dây thép đã định hình chạy qua bể khử muối để làm sạch bề mặt trước khi mạ. Tại đây không phát sinh nước thải, lượng nước cấp bù cho thất thoát bay hơi khoảng 10% dung tích bể.

Định kỳ 4 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bản của bể, nước trong trên bề mặt được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Đối với hoạt động giao thông vận tải: Phun nước làm ẩm đường giao thông vào những ngày hanh khô và bố trí các phương tiện giao thông ra vào nhà máy hợp lý; Quy định xe di chuyển trong khu vực nhà máy về tốc độ, tải trọng; Trồng cây xanh chắn bụi và điều hòa không khí.

- Đối với khu vực nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, cao ráo, bố trí ô thoáng nhằm lợi dụng gió tươi từ ngoài vào; nhà xưởng hiện tại diện tích 5116m^2 bố trí 14 quạt hút công nghiệp công suất từ $300-1000\text{m}^3/\text{h}$; lắp đặt quạt công nghiệp công suất từ $300-1000\text{m}^3/\text{h}$ tại nhà kho số 7 (chuyển đổi công năng sang nhà xưởng sản xuất. Khu vực văn phòng lắp đặt các điều hòa không khí.

- Hệ thống XLKT đã lắp đặt tại xưởng số 01:

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 1 và 2 công suất $12.000\text{m}^3/\text{h}$.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 3 và 4 công suất $12.000\text{m}^3/\text{h}$.

- Hệ thống XLKT lắp mới tại nhà xưởng số 07:

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5 công suất $12.000\text{m}^3/\text{h}$.

+ 01 thống xử lý khí thải của máy bọc nhựa PVC, công suất $12.000\text{m}^3/\text{h}$.

- Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải:

+ Khí thải từ các khu vực bọc nhựa PVC → Chụp hút → Ống dẫn khí thải → Tháp hấp phụ than → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường

+ Khí thải từ các khu vực bể mạ → Chụp hút → Ống dẫn khí thải → Thiết bị lọc bụi → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.

- Chất lượng khí thải đầu ra: Theo QCVN 19:2024/BTNMT Cột B.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt:

+ Thu gom, phân loại từ đầu nguồn. Bố trí các thùng rác 50 lít, 100 lít tại khu nhà văn phòng, nhà bếp, hành lang để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó lưu tạm thời tại 01 kho chứa rác thải sinh hoạt diện tích 6m^2 (kích thước $\text{LxB}=3,0 \times 2,0\text{m}$). Kết cấu: Tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn. Vị trí đặt cạnh khu vực nhà để xe.

+ Bùn thải nạo vét từ hệ thống thu gom nước thải, hồ ga, bể tách dầu mỡ, bể tự hoại được định kỳ nạo vét, thu gom và lưu giữ theo đúng quy định.

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Rác thải công nghiệp thông thường: Thu gom vào các thùng chứa dung tích 200 lít lưu chứa tại các nhà xưởng. Sau đó lưu tạm thời tại kho chứa CTR diện tích 6m^2 (kích thước $\text{LxB}=3,0 \times 2,0\text{m}$), vị trí đặt cạnh nhà để xe. Kết cấu: tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án đều được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Rác thải nguy hại:

+ Phân loại chất thải nguy hại tại nguồn: Trang bị 12 thùng chứa bằng nhựa dung tích 200 lít/thùng bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo. Sau đó lưu tạm tại kho lưu chứa CTNH diện tích 6m^2 (kích thước $\text{LxB}=3,0 \times 2,0\text{m}$), đặt cạnh khu vực nhà để xe. Kết cấu: Tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn. Xây dựng gờ chắn chống tràn, bên ngoài cửa mỗi khu vực được dán các biển dấu hiệu chất thải nguy hại; bố trí thiết bị PCCC (bao gồm: bình PCCC, cát,

xứng). Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn đi vào vận hành đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công lắp đặt và vận hành Dự án.

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc thiết bị.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm để không làm ảnh hưởng tới sự nghỉ ngơi của nhân dân trong khu vực.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các bình chữa cháy, biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống. Trang bị dự phòng ống nước, van,... để phục vụ cho quá trình sửa chữa, thay thế kịp thời khi gặp hư hỏng, sự cố.



- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Tai nạn lao động: Lắp đặt hệ thống biển báo an toàn lao động, biển chỉ dẫn tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát, cấp thẻ an toàn cho công nhân vận hành. Tuân thủ các quy định về an toàn điện tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP và Luật Điện lực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường của dự án được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của Dự án nhằm kiểm soát ô nhiễm do các hoạt động của dự án và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động tương ứng.

5.2. Giám sát môi trường

- Giám sát chất thải rắn thông thường:

+ Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chương trình giám sát nước thải:

+ Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

+ Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Chương trình giám sát bụi, khí thải:

+ Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục.

+ Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án./.



Hải Dương, ngày 08 tháng 5 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 30.0000417.T
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: **CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA**

Địa chỉ văn phòng: **Lô 15, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương**

Điện thoại: **03203.751.001**

Fax: **03203.751.003**

Tài khoản số: **46010002624001**

Tại: **Ngân hàng BIDV**

Giấy chứng nhận đầu tư số: **042043000192** cấp lần đầu ngày 02/7/2014, cấp đổi lần thứ 2 ngày 28/01/2015.

Nơi cấp: **Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.**

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Thực hiện đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina;
- Lưu Chi cục BVMT.



CHI CỤC TRƯỞNG

Vũ Đình Hiền

Phụ lục

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 30.0000417.T
do Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH Chế xuất Sợi thép Dusco Vina

Địa chỉ: Lô 15, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.751.001

Fax: 03203.751.003

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ hộp số và tổng hợp thải	Lỏng	7.875	17 02 03
2	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	180	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	24	16 01 06
4	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	336	18 01 01 18 01 02 18 01 03
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn	5	19 06 01
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	19 06 01
7	Bùn thải phát sinh từ quá trình rửa bề mặt thép	Bùn	300	07 01 05
8	Xi kềm cứng, xỉ chì thải	Rắn	15.000	19 12 01
	Tổng		23.725	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

베트남 사회주의 공화국

독립 - 자유 - 행복

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG

계약서

Số: 01/HĐ2024/MP-DUSCO

“Thu gom vận chuyển, lưu giữ xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế”

“폐기물 수집, 운송, 저장, 유해폐기물, 산업폐기물 및 처리 및 재활용 가능한 스크랩 수집”

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự Số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;

2017 년 1 월 1 일부로 발효 된 베트남 사회주의 공화국 국 회의 민법 제 91/2015 호 / QH13 에 의거.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/06/2020 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

베트남 사회주의 공화국의 2020 년 6 월 17 일자 기업법 No. 59/2020/QH13 에 의거합니다.

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường Số: 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;

2022 년 1 월 1 일부터 베트남 사회주의 공화국 국회의 환경 보호법 No: 72/2020/QH14 에 따라 시행.

- Căn cứ vào Nghị định Số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

폐기물 및 폐기물관리를 규제하는 정부의 2022 년 1 월 1 일자 시행령 No.08/2022/NĐ – CP 에 의거.

- Căn cứ thông tư số: 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

천연 자원 및 환경부의 유해 폐기물 관리에 관한 회강장 No. 02/2022/TT- BTNMT(2022 년 1 월 10 일) 에 의거.

- Căn cứ giấy phép môi trường số: 431/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/12/2022.

2022 년 12 월 30 일 Minh Phúc 그린환경 주식회사 의 유해 폐기물 처리 용지 번호 431/GPMT-BTNMT 에 근거.

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Chế Xuất Sợi Thép DUSCO Vina và khả năng của Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc.

DUSCO Vina 회사의 필요성과 Minh Phúc 그린 환경 주식 회사 의 능력을 바탕으로 합니다.

Hôm nay, ngày 11 tháng 07 năm 2024 tại Công ty Cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm:

오늘, Minh Phúc 그린 환경 주식회사 에서 2024 년 07 월 11 일 우리는 다음을 포함합니다.

CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA (Gọi tắt là bên A)

(이하: “갑”)

Người đại diện/대표자: LEE SUNG WOO

Chức vụ/직위: Trưởng phòng sx/ 생산이사

(Giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-DUSCO VINA ký ngày 20/12/2023)

(2023 년 12 월 20 일 서명된 승인서 번호 01/2023/UQ-DUSCO VINA)

Địa chỉ/ 주소: Lô 15, KCN Nam Sách, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại/ 전화번호: 02203.751.001

Fax:

Mã số thuế/ 세금코드: 0801092901

Số tài khoản/ 계좌번호: 100302244061 – Ngân hàng Woori Bank Vietnam – Chi nhánh hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC (gọi tắt là bên B)

Minh Phuc 그린 환경 주식회사 (이하 “을”)

Người đại diện/대표자: LƯU QUANG VŨ

Chức vụ/직위: Tổng giám đốc/ 법인장

Địa chỉ/주소: Khu 1 - thị trấn Kẻ Sắt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương – Việt Nam

Điện thoại/전화번호: 02206.281919

Mã số thuế/세금코드: 0800533462

Tài khoản số/계좌번호: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng “Thu gom vận chuyển, lưu giữ xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế” với những điều khoản sau:

합의 사항을 논의한 후, 양 당사자는 다음과 같은 조건으로 유해 “폐기물 수집, 운송, 저장, 유해폐기물, 산업폐기물 및 처리 및 재활용 가능한 스크랩 수집” 계약에 서명하기로 합의했습니다.

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU

제 1 조: A 측이 B 측의 다음 용역을 임대한다

1. Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động, sản xuất của Công ty TNHH Chế Xuất Sợi Thép DUSCO Vina.

DUSCO Vina 회사에서 발생하는 폐기물의 운송 및 취급에는 다음과 같은 유형의 폐기물이 포함됩니다.

2. Vận chuyển và xử lý chất thải tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

베트남의 유해 폐기물 운송 및 처리 및 환경 보호에 관한 규정을 엄격히 준수하여 유해 폐기물 운송 및 처리.

3. Bên A sẽ bán lại cho bên B các loại phế liệu tái chế.

“갑”은 재활용 스크랩 “을” 에게 공급하고 을은 해당 스크랩 대급을 갑에게 지불한다.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

제 2 조: 위치, 시간, 양, 운송.

1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Kho lưu giữ chất thải của Công ty TNHH Chế Xuất Sợi Thép DUSCO Vina.

폐기물우송위치: DUSCO Vina 회사의 폐기물저장 창고.

Địa chỉ giao nhận chất thải/ 폐기물우송위치:

Lô 15, KCN Nam Sách, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

2. **Địa điểm lưu giữ, xử lý:** Công ty cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc tại khu 1 thị trấn Kè Sắt, Bình Giang, Hải Dương.

위치및 취급처리: Minh Phuc 그린 환경 주식회사.

3. **Thời gian phương thức giao nhận:** Chuyển giao khi có sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên.

시간 배송 방법: 양사 합의 후 결정.

4. **Phương thức xử lý chất thải:** Theo đúng như phương pháp xử lý được cấp phép trong giấy phép môi trường số: 431/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/12/2022.

환경 허가 번호에서 승인된 폐기 방법에 따름: 431/GPMT-BTNMT 의 Minh Phuc 그린 환경 주식회사 2022 년 12 월 30 일 천연자원환경부 발행.

5. **Danh mục chất thải và phế liệu/폐기물 및 스크랩 목록:**

5.1 **Danh mục chất thải phát sinh/발생 폐기물 목록:**

STT/ 순서	Diễn giải/설명	Mã CTNH/ 유해폐기물 코드	Đơn vị tính/ 단위	Ghi chú/ 비고
1.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải/ 엔진 오일, 기어 박스 및 합성 윤활유	17 02 03	Kg	
2.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại/ 유해폐기장갑, 보루, 흡작제 Mực in/잉크	18 02 01	Kg	
3.	Bóng đèn huỳnh quang thải/ 폐 형광등	16 01 06	Kg	
4.	Bao bì mềm thải/부드러운포장폐기물	18 01 01	Kg	
5.	Bao bì cứng thải bằng kim loại/금속포장	18 01 02	Kg	
6.	Bao bì cứng thải bằng nhựa/플 라스틱포장	18 01 03	Kg	
7.	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải/전자부품, 전기장비 폐기물	16 01 13	Kg	
8.	Ắc quy thải – 배터리및셀	19 06 01	Kg	
9.	Bùn thải phát sinh từ quá trình rửa bề mặt thép -	07 01 05	Kg	

	철강 표면을 세척하는 과정에서 슬러지가 발생			
10.	Xi kẽm cứng, xi chì thải – 아연재	19 12 01	Kg	
11.	Xi kẽm – 도로스(아연 덩어리)	19 12 01	Kg	
12.	Mạt sắt dính nhiễm thành phần nguy hại - 줄질한 철유해성분으로 오염된	18 02 01	Kg	
13.	Hóa chất vô cơ và chất oxi hóa thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại (vôi bột) - 유해성분으로 구성되거나 함유된 무기화학물질 및 폐산화제(석회가루)	19 05 03	Kg	
14.	Nước thải lẫn dầu -기름이 섞인 폐수	07 03 04	Kg	
15.	Rác thải sinh hoạt/sinh hoạt 폐기물	-----	Kg	
16.	Nhựa – 산업폐기물(플라스틱)	-----	Kg	

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh thêm chất thải thì hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung

계약 이행 중 폐기물이 추가로 발생하는 경우 양 당사자는 추가 계약 부록에 서명합니다.

5.2 Danh mục thu mua phế liệu tái chế/ 재활용 가능한 스크랩 수집목록:

STT/ 순서	Diễn giải/설명	Đơn vị tính/단위	Ghi chú/비고
1.	Dây thép mạ kẽm 0.3mm – 아연강선	Kg	
2.	Dây thép 0.3mm (rì) – 강철선(녹슨)	Kg	
3.	Đai thép (rì) – 강철벨트(녹슨)	Kg	
4.	Bìa carton – 종이박스	Kg	
5.	Nylon – 비닐	Kg	

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên A có phát sinh những loại phế liệu đặc biệt khác. Hai bên sẽ thống nhất đơn giá và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng và đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

계약을 이행하는 동안 추가 유형의 재활용 쓰레기가 발생할 경우 양 당사자는 추가 계약 부록에 서명합니다.

5.3 Số lượng/수량:

- Tùy theo lượng chất thải và phế liệu phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B .

폐기물양: “갑”에 의해 발생 된폐기물 양에 따라: “을”에 대한 적재 및 수송 능력에
펼리해야한다.

6. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe.

운송 수단: “을” 은 특수 운송 수단을 마련하고 차량에 물품을 배달하도록 사람들을 조정해야 합니다.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

제 3 조: 단위 가격 및 지불방법

1. Đơn giá vận chuyển - xử lý chất thải và thu mua phế liệu:

수거 및 운송 단가- 폐기물처리

- Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải và đơn giá thu mua phế liệu được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng và đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn giá có thể được điều chỉnh thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên.

- Đơn giá vận chuyển, xử lý chưa bao gồm thuế VAT.

부가가치세 및 운송, 처리비는 포함되어 있지 않습니다.

- Đơn giá thu mua phế liệu chưa bao gồm thuế VAT

- 스크랩구매단가는부가세별도입니다.

Chú ý: Mức thuế suất VAT sẽ được áp dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn.

참고: VAT 세율은 송장 발행 시 주 규정에 따라 적용됩니다.

2. Phương thức thanh toán /조단위 가격 및 지불 방법

2.1 Vận chuyển, xử lý chất thải/운송, 폐기물 처리

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận cho từng đợt chuyển giao chất thải

양 당사자는 지불 수락 및 부가 가치 송장 발행의 기초 역할을 하기 위해 각 폐기물 이동에 대한 배송 기록을 작성합니다.

Ngày cuối tháng (trừ ngày cuối tuần, ngày lễ tết) hai bên sẽ tổng hợp khối lượng chất thải (bao gồm đơn giá và số lượng cụ thể) để hai bên đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán.

월말 (주말, 공휴일 제외) 양측이 폐기물 처리량(단가, 구체적인 수량 포함)을 종합해 양측이 비교 확인해 결제 기준을 정한다.

- Bên A hoặc bên B sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên còn lại trong vòng 30 ngày sau khi nhận được giấy tờ thanh toán hợp lệ từ bên B (Hóa đơn, bảng tổng hợp khối lượng, đề nghị thanh toán)

A 또는 B 는 B 로부터 유효한 지불 서류 (송장, 수량 요약 시트, 지불 요청)를 받은 후 30 일 이내에 현금으로 지불하거나 상대방에게 돈을 이체합니다.

2.2 Thu mua phế liệu/ 스크랩구매:

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận cho từng đợt chuyển giao để làm căn cứ cho việc nghiệm thu thanh toán và xuất hóa đơn GTGT.

양 당사자는 지불 수락 및 부가 가치 송장 발행을 위한 기초 역할을 하기 위해 각 송금에 대한 배송 기록을 작성합니다.

- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi bên B chậm nhất là 15 ngày sau khi nhận được giấy tờ thanh toán hợp lệ từ bên A.

“을”은 스크랩구매에 대해, 갑으로부터 유효한 송장을 받은 후 15 일 이내에 갑에게 지급한다.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

제 4 조: 각 당사자의 책임

1. Trách nhiệm bên A/ “갑” 책임

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải và phế liệu, bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

각 유해 폐기물의 인도 전에, 당사자 “을”은 담당 인력을 배치하고 “갑”은 “을”이 운송 수단을 마련 할수 있도록 적어도 일주일 전에 “을”에게 통보해야한다.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải và phế liệu lên phương tiện vận chuyển phù hợp.

적절한 운송 수단에 유해 폐기물의 적재 및하역을 수행하기 위해 인력을 배치하고 운송인이 폐기물을 버릴수있는 유리한 조건을 조성합니다.

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu ghi rõ tên, số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao cho bên B các liên còn lại.

폐기물을 “을” 이전하고, 천연 자원 및 환경부의 유해 폐기물 관리에 관한 2022 년 1 월 10 일자 회랑장 명기하고, 승인 된 대리인은 인장을 찍고 서명하고, 첫번째 사본을 보유하고 남은 사본을당사자 “을” 에게넘깁니다.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, xử lý CTNH để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.

전문적인 활동을 수행하고 문제를 해결하며 유해 폐기물의 적재, 하역, 운송 및 처리 과정을 감독하여 작업이 원활하고 유익하고 합법적으로 진행되도록 기술 담당자 및 직원을 임명하여 B 측과 협력합니다.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

당사자 A 는 폐기물의 계량, 운송 및 처리 과정을 검사하고 감독할 권리가 있습니다. 단, 이러한 감독 및 검사는 당사자 B 의 생산 활동에 영향을 미치지 않아야 합니다.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên A nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

지불 청구서를받은 후에 계약 내용에 따라 “을” 에 다한 전액 지불 하여.

- Phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng bên B vận chuyển và xử lý những chất thải nói trên một cách an toàn, hiệu quả và triệt để. Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý CTNH theo quy định của nhà nước.

위의 폐기물을 안전하고 효과적이며 철저하게 운송하고 처리하기 위해 당사자 B 와 협력할 수 있는 모든 유리한 조건을 조정하고 조성하십시오. 정기적으로 국가 규정에 따라 유해 폐기물 관리를 시행하는 과정을 지역 국가 환경 관리 기관에 보고할 책임이 있습니다.

2. Trách nhiệm của bên B/ “을” 책임

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

폐기물 이송을 요청할 때 인력과 운송 수단을 신속히 할당 하고 “갑” 폐기물을 수령 할 시간을 알린다.

- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển, xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).

유해 폐기물의 적절한 양과 유형을 폐기물 원소유자에게서 소유자에게 운송하는 것. 운송 과정에서 발생하는 사고를 해결하고, “갑” 사건을 해결하기 위해 함께 일하도록 “갑” 부서에 즉시 알려야합니다.

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.

“갑” 을 동행을 철저히 처리하고 책임을진다.

- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.

세금계산서 문서 확인 및 책임 수행 후 “갑” 부가가치 증서 발행.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH.

위험 폐기물의 적재, 운송 및 취급과정에서 감독과 감독을 수행하기위한 전문적인 활동을 수행하기 위해 “갑” 과협조 할 직원 및 기술 직원 배치.

- Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

당사자 B 가 폐기물의 일부 또는 전체가 폐기물 프로파일과 일치하지 않음을 감지하는 경우, 양 당사자는 현행 규정에 따라 해당 폐기물 양을 처리하기로 공동으로 동의합니다. 상기에서 발생한 폐기물의 지속적인 처리는 현행 규정에 따라 양 당사자 간의 합의에 따라 이루어지며 모든 비용은 A 가 부담해야 한다.

- Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Thông tư 02/2022/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

당사자 B 는 당사자 A 의 폐기물이 천연 자원부의 시행령 02/2022/TT-BTNMT 를 포함하되 이에 국한되지 않는 법에 따라 분류, 포장 및 보관되지 않은 것으로 밝혀지면 폐기물 운송을 중단할 권리가 있습니다. 및 환경.

- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

“을”이 “갑” 에게 양도하고 부피를 확인할 사람이 없을 때 폐기물 운송을 거부할 권리가 있습니다.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

이행 과정에서 문제가 발생하면 당사국이 해결을 위해 함께 일하기 위한 서면 통지가 있어야 합니다.

- Làm thủ tục hải quan và chịu các chi phí có liên quan

통관및관련비용일체를부담한다.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên A

“갑”에계시간을충분히지급한다.

ĐIỀU 5. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

제 5 조: 계약해지

- Kết thúc thời hạn của hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin.

계약 기간이 끝나면 당사자는 지불 의무, 보상 의무(있는 경우) 및 정보 기밀 유지 의무를 포함한 모든 관련 의무를 이행합니다.

- Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- 당사자는 사전에 계약을 해지하기로 서면으로 동의합니다.

- Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam. Khi đó hai bên phải ký biên bản thanh lý hợp đồng.

어느 한 쪽 당사자가 해산, 파산 또는 운영이 중단됩니다. 이 경우 계약 해지 방법은 베트남 법률 규정에 따라 당사자가 합의합니다. 이때 양 당사자는 계약 청산 의사록에 서명해야 합니다.

- Một trong hai bên có thể đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

일방 당사자는 다음과 같은 경우 일방적으로 계약을 정지 또는 해지할 수 있습니다.

+ Khi bên A hoặc bên B lâm vào tình trạng bất khả kháng hoặc năng lực xử lý tạm thời bị hạn chế thì các bên chủ động thông báo bằng văn bản để thống nhất công việc.

“갑”을 또 “을”이 불가항력 상황에 처하거나 처리 능력이 일시적으로 제한되는 경우 당사자는 사전에 서면으로 통지하여 작업에 동의해야 합니다.

+ Bên A thanh toán không đúng thời hạn.

“갑”은 제 시간에 지불하지 않습니다

- Thủ tục đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng: hai bên gửi văn bản tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng cho bên còn lại.

일방적인 계약 정지 또는 해지 절차: 쌍방은 서면으로 계약 해지 또는 해지를 상대방에게 보냅니다.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

제 6 조: 계약의 시간 제한 및 효력

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 11 / 07 /2024 đến hết ngày 10/07/2025. Nếu 1 tháng (30 ngày) trước ngày hết hạn hợp đồng, hai bên không có sự thay đổi (được gửi bằng văn bản) thì Hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn cho các năm tiếp theo.

본 계약은 2024 년 07 월 11 일부터 2025 년 07 월 11 일까지 유효합니다. 계약만료일 1 개월(30 일)전까지 쌍방간에 변경사항이 없을 경우(서면발송) 본계약은 다음해 자동연장됩니다.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

제 7 조" 일괄 약정

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

양 당사자는 본 계약서에 서명 한 조건을 완전히 이행 할 것을 서약합니다.

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có)

당사자 A 는 사전 통지 없이 당사자 B 가 본 계약의 조항 및 베트남 환경 보호법을 위반한 것으로 판명될 경우 계약을 해지할 수 있으며 발생한 손해에 대한 배상을 청구할 수 있습니다.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

일방 당사자가 일방적으로 계약을 해지하고자 하는 경우에는 30 일 전에 서면으로 상대방에게 통지하고 계약 청산 절차를 완료해야 합니다.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Dương để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

계약 이행 과정에서 문제가 발생하면 신속하게 서로에게 통보하고 협상을 통해 문제를 해결할 방법을 찾고 쌍방의 이익을 보장하는 방법을 찾는다. 해결할 수 없는 분쟁이 있는 경우, 법에 따라 해당 경제 법원에 해결을 요청합니다. 잘못되 당사자는 완전한 책임과 관련 비용을 부담해야 합니다.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.

계약은 동일한 법적 가치를 지닌 베트남어와 한국어로 된 4 부분으로 이루어지며, 각 당사자는 시행을 위한 기초 자료로 02 부분을 보관합니다.

ĐẠI DIỆN BÊN A/대표



**TRƯỞNG PHÒNG SẢN XUẤT
LEE SUNG WOO**

ĐẠI DIỆN BÊN B/대표



**TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 06 /2024/HĐXLNT

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang, bởi và giữa các bên sau đây:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

Địa chỉ : Lô 15 KCN Nam Sách, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại :

Mã số thuế : 0801092901

Tài khoản số :

Đại diện : Ông Lee Sung Woo

Chức vụ : Trưởng phòng sản xuất

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2021/UQ - DUSCO VINA)

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

Và

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG

Địa chỉ : Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại : 03203.570.666

Mã số thuế : 0800274112

Tài khoản số : 11001010011204 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Sở giao dịch

Đại diện : (Ông) **Nguyễn Văn Đạt**

Chức vụ : Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền: Số 04/2023/GUQ ngày 03/01/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Bên A và Bên B trong Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này được gọi chung là "**Hai Bên**", "**Các Bên**" và gọi riêng là "**Bên**" tùy theo ngữ cảnh.

XÉT RẰNG:

- Bên A là pháp nhân được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và hiện là Nhà đầu tư thực hiện dự án tại Khu công nghiệp Nam Sách Bên A có nhu cầu sử dụng dịch vụ thu gom, xử lý nước thải của Bên B.
- Bên B là Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nam Sách, có địa chỉ tại Phường Ái Quốc, Tỉnh Hải Dương. Bên B đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình Bên A thực hiện dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Nam Sách



NAY, VÌ VẬY, Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này với những điều kiện và điều khoản như sau:

PHẦN I: CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hợp Đồng:** là hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này và toàn bộ các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm được Hai Bên ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.
2. **KCN:** là Khu công nghiệp Nam Sách, có địa chỉ tại Phường Ái Quốc, Tỉnh Hải Dương.
3. **Hệ Thống XLNT:** là hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của toàn KCN.
4. **Điểm Đầu Nối:** là vị trí hố ga mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên A được nối vào Hệ Thống XLNT.
5. **Bên Thứ Ba:** là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.
6. **Ngày:** là ngày dương lịch.
7. **Ngày Làm Việc:** là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết theo quy định của pháp luật.
8. **Pháp Luật:** Được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
9. **Cơ Quan Có Thẩm Quyền:** Được hiểu là một và/hoặc một số cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận, xác nhận hoặc ban hành các giấy tờ khác có liên quan và/hoặc có thẩm quyền phê duyệt đến phạm vi công việc theo Hợp Đồng.

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ

- 1.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải đáp ứng yêu cầu về chất lượng quy định tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này do Bên A xả vào Hệ Thống XLNT, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp Luật để xả thải vào nguồn nước tiếp nhận (sau đây gọi tắt là "**Dịch Vụ**").
- 1.2. Các Bên đồng ý rằng Bên B chỉ cung cấp Dịch Vụ đối với lượng nước thải phát sinh từ dự án đầu tư ("**Dự Án**") của Bên A trong phạm vi KCN. Bên B sẽ không thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải mà Bên A xả thải ra ngoài phạm vi KCN hoặc không xả thải vào Hệ Thống XLNT.
- 1.3. Các Bên đồng ý thời hạn Hợp Đồng này bắt đầu kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("**Thời Hạn Hợp Đồng**"). Thời Hạn Hợp Đồng được gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn thêm 01 năm, trừ trường hợp một Bên có thông báo gửi đến Bên còn lại về việc không tiếp tục gia hạn Hợp Đồng trước 30 ngày tính đến ngày chấm dứt Hợp Đồng. Việc gia hạn Hợp Đồng đảm bảo phù hợp với thời hạn Dự Án của Bên A và/hoặc quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI

- 2.1. Vị trí Điểm Đầu Nối sẽ do Bên B chỉ định theo thiết kế kỹ thuật để đảm bảo Hệ Thống XLNT vận hành an toàn và ổn định. Bên A có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Bên B liên quan đến việc đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom xử lý nước thải riêng của Bên A tới Hệ Thống XLNT.
- 2.2. Để làm rõ, toàn bộ chi phí liên quan tới việc đầu nối, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí đầu tư công trình xử lý nước thải sơ bộ của Bên A, tuyến ống thu gom và hạng mục, phụ kiện, phụ trợ khác sử dụng để vận chuyển nước thải từ nơi phát sinh đến Điểm Đầu Nối sẽ do Bên A tự chịu trách nhiệm thực hiện và chi trả.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN A XẢ VÀO HỆ THỐNG XLNT

3.1. Khối lượng nước thải:

- a. Đối với nước thải sinh hoạt: bằng 100% lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước hàng tháng của Bên A.
- b. Trường hợp có cả nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất: Khối lượng nước thải phải thu bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước hàng tháng của Bên A.

3.2. Chất lượng nước thải:

- a. Chất lượng nước thải của Bên A xả vào Hệ thống XLNT của Bên B sau khi đã được Bên A tự xử lý sơ bộ có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp được quy định chi tiết trong Phụ lục số 01 đính kèm Hợp Đồng này phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự Án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ("**Chỉ Tiêu**").
- b. Khi Bên A thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ: Bên B có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên A. Đồng thời, Bên A có nghĩa vụ cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường (bản có chữ ký đóng dấu của đơn vị phân tích) theo Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường đã được Cơ Quan Có Thẩm Quyền cấp cho Bên A để Bên B kiểm tra khi Bên B yêu cầu.

Khi Bên A không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ:

Tần suất kiểm tra, xác định chất lượng nước thải của Bên A: 06 tháng/lần, thực hiện bởi đơn vị chuyên môn có đủ chức năng phân tích xét nghiệm.

Bên A chủ động thuê đơn vị có đủ chức năng phân tích xét nghiệm mẫu nước thải, khi lấy mẫu phải có sự chứng kiến, giám sát của Bên B và lập biên bản lấy mẫu có sự xác nhận 03 Bên (Bên A, Bên B và đơn vị lấy mẫu xét nghiệm). Đồng thời, Bên A có nghĩa vụ cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường (bản có chữ ký đóng dấu của đơn vị phân tích).

Các thông số quan trắc chính: pH, độ màu, BOD5 (20oC), COD, TSS, Amoni, Tổng nito, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Coliform và một số thông số khác theo yêu cầu của Bên B khi Bên B thấy cần thiết phải kiểm tra.

- c. Trường hợp Bên B nghi ngờ Bên A xả nước thải vượt quá Chỉ Tiêu cho phép quy định tại điểm a Điều khoản này, Bên B có quyền lấy mẫu nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào để xác định chính xác chất lượng nước thải của Bên A. Việc lấy mẫu nước thải phải được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Các Bên và kết quả được lấy làm cơ sở tính Phí Dịch Vụ theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này.
- Trường hợp Bên A không hợp tác trong việc lấy mẫu nước thải, Bên B được quyền tự mình thực hiện việc lấy mẫu hoặc lấy mẫu với sự chứng kiến của Bên Thứ Ba do Bên B lựa chọn. Kết quả kiểm định, quan trắc, thí nghiệm nước thải do Bên B thực hiện trong trường hợp này được coi là kết quả chính thức và là căn cứ để xác định Phí Dịch Vụ áp dụng đối với Bên A theo Điều 4 Hợp Đồng này của kì tính phí cho tới khi có kết quả phân tích của mẫu nước thải mới.

ĐIỀU 4. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Đơn giá Dịch Vụ

a. Đơn giá Dịch Vụ:

- Đơn giá 13.000/m³: Nước thải có giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm lớn hơn giá trị quy định trong cột B và nhỏ hơn hoặc bằng cột C của Phụ lục số 01 kèm theo Hợp Đồng.
- Đơn giá 10.000/m³: Nước thải có giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm lớn hơn giá trị quy định trong cột A và nhỏ hơn hoặc bằng cột B của Phụ lục số 01 kèm theo Hợp Đồng.
- Đơn giá 4.500/m³: Nước thải có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định trong cột A của Phụ lục số 01 kèm theo Hợp Đồng.

b. **Cơ sở xác định Đơn giá Dịch Vụ:**

- Cơ sở xác định Đơn giá Dịch Vụ áp dụng được xác định dựa trên kết quả phân tích chất lượng nước thải trong Báo cáo kết quả quan trắc và phân tích môi trường kỳ gần nhất của Bên A và/hoặc kết quả xét nghiệm mẫu nước thải quy định tại điểm c khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.
- Khi Bên A làm quan trắc môi trường định kỳ phải có sự chứng kiến, giám sát của Bên B và Bên B ký vào biên bản lấy mẫu trong báo cáo kết quả quan trắc.
- Trường hợp kết quả xét nghiệm mẫu nước thải được lấy theo yêu cầu của Bên B, có sự chứng kiến xác nhận của Bên A và được 01 đơn vị chuyên môn có đủ chức năng phân tích xét nghiệm. Trường hợp Bên B mời Bên A chứng kiến lấy mẫu mà Bên A không hợp tác, Bên B có quyền mời người làm chứng hoặc chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận vào biên bản lấy mẫu. Kết quả này sẽ được lấy làm cơ sở để tính Phí Dịch Vụ theo nội dung của Hợp Đồng này.

- c. **Điều chỉnh Đơn giá Dịch Vụ:** Bên B được quyền điều chỉnh tăng Đơn giá Dịch Vụ căn cứ vào biến động giá cả thị trường (bao gồm nhưng không giới hạn điện, nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước, ...) theo chu kỳ hai năm một lần với mỗi lần điều chỉnh tăng không quá 15% Đơn giá Dịch vụ kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh Đơn giá Dịch Vụ Bên B sẽ thông báo cho Bên A Đơn giá Dịch Vụ điều chỉnh được áp dụng khi hai bên đã bàn bạc và thống nhất.

4.2. Phí Dịch Vụ trong trường hợp nước thải đảm bảo Chỉ Tiêu

Trường hợp nước thải của Bên A xả vào Hệ Thống XLNT đảm bảo Chỉ Tiêu nêu tại điểm a Khoản 3.2 Điều 3 Hợp Đồng này, Phí Dịch Vụ hàng tháng được tính căn cứ vào Đơn giá Dịch Vụ theo Khoản 4.1 và Khối lượng nước thải quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 Hợp Đồng này, như dưới đây:

[Phí Dịch Vụ hàng tháng] = (bằng) [Đơn giá Dịch Vụ] x (nhân với) [Khối lượng nước thải phát sinh trong tháng].

4.3. Phí Dịch Vụ trong các trường hợp nước thải vượt Chỉ Tiêu:

Trong quá trình Bên B kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện nghi vấn về chất lượng nước thải đầu ra của Bên A, thì Bên B sẽ lập biên bản lấy mẫu nước thải, gửi thông báo kết quả mẫu nước cho Bên A. Trường hợp nước thải của Bên A xả vào Hệ Thống XLNT vượt cao hơn Chỉ Tiêu nêu tại Điểm a Khoản 3.2 Điều 3 Hợp Đồng này thì Bên A chịu trách nhiệm thanh toán Phí Dịch Vụ theo đơn giá gấp ba (03) lần đơn giá mức C đối với Khối lượng nước thải phát sinh trong tháng đó của Bên A. Bên A có trách nhiệm xử lý, khắc phục nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định đã thỏa thuận với Bên B nhưng tối đa không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên B lập Biên Bản Thông Báo Vi Phạm của Bên A. Quá thời hạn trên Bên B sẽ ngừng cung cấp Dịch Vụ.

- 4.4.** Phí Dịch Vụ tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3 Điều này chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT). Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền thuế VAT theo đúng quy định của pháp luật trong từng kỳ thanh toán tương ứng với số tiền Phí Dịch Vụ.

4.5. Phương thức thanh toán

- a. Bên A sẽ thanh toán Phí Dịch Vụ và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên B tại phần đầu Hợp Đồng này hoặc vào một tài khoản khác do Bên B chỉ định bằng văn bản (nếu có). Phí Dịch Vụ sẽ được Bên A thanh toán theo định kỳ một tháng một lần.
- b. Bên A sẽ thanh toán Phí Dịch Vụ căn cứ theo thông báo thanh toán Phí Dịch Vụ hàng tháng ("**Thông báo lần 1**") trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A nhận được Thông báo lần 1. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên A vẫn chưa thanh toán Phí Dịch Vụ cho Bên B, Bên B sẽ tiếp tục gửi thông báo thanh toán Phí Dịch Vụ cho Bên A ("**Thông báo lần 2**"), trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được Thông báo lần 2 của Bên B mà Bên A vẫn chưa thanh toán thì Bên B sẽ tạm ngưng cung cấp Dịch Vụ cho đến khi Bên A thanh toán đầy đủ Phí Dịch Vụ theo Thông báo lần 2. Đồng thời, Bên A chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- c. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A thanh toán đầy đủ Phí Dịch Vụ, Bên B



sẽ tiếp tục cung cấp Dịch Vụ theo quy định của Hợp Đồng. Toàn bộ chi phí phát sinh từ việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước, và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Được Bên B cung cấp Dịch Vụ theo đúng quy định tại Hợp Đồng này;
- 5.2. Có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn Phí Dịch Vụ theo quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này;
- 5.3. Có trách nhiệm lấy mẫu nước thải đột xuất và phối hợp với Bên B theo quy định của Pháp Luật hiện hành và quy định của Hợp Đồng này, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải của Bên A.
- 5.4. Thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản trong các trường hợp: Thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy...
- 5.5. Cung cấp cho Bên B sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy và/hoặc công trình xây dựng khác của Bên A để Bên B kiểm tra giám sát. Bên A có trách nhiệm xây dựng tách biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thoát nước thải và không được để Bên Thứ Ba đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên A.
- 5.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, quy định của KCN, quy định của Hợp Đồng này về chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải.
- 5.7. Chỉ xả nước thải vào vị trí theo chỉ định của Bên B. Trường hợp Bên A xả nước thải vào các vị trí khác ngoài vị trí do Bên B chỉ định thì Bên A được coi là vi phạm Hợp Đồng. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ hành vi vi phạm của Bên A.
- 5.8. Có trách nhiệm nạo vét bể phốt, hố ga lấy mẫu nước thải định kì hàng năm và gửi giấy tờ liên quan đến việc nạo vét này cho bên B.
- 5.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Bảo đảm duy trì các giấy phép cần thiết để thực hiện Dịch Vụ theo quy định của Pháp Luật.
- 6.2. Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng Dịch Vụ cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.3. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp Luật, quy định của KCN về công tác bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ Thống XLNT.
- 6.4. Yêu cầu Bên A thanh toán Phí Dịch Vụ đầy đủ và đúng hạn. Đối với các khoản thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này mà chưa quy định thời hạn thanh toán, Bên A sẽ thanh toán trong thời hạn theo thông báo của Bên B.
- 6.5. Bên B có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả thải nước thải của Bên A vào Hệ

Thống XLNT và yêu cầu Bên A xả nước thải đảm bảo Chỉ Tiêu vào hệ Thống XLNT của KCN.

- 6.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

7.1. Quyền tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ của Bên B

Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Trường hợp nước thải của Bên A không đáp ứng được các Chỉ Tiêu quy định tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này, Bên B sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên A chấm dứt, khắc phục vi phạm trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo. Nếu quá thời hạn này Bên A không chấm dứt vi phạm và/hoặc hoàn thành việc khắc phục vi phạm để nước thải của Bên A đảm bảo đúng Chỉ Tiêu thì Bên B được quyền tạm ngừng cung cấp nước sạch và Dịch Vụ cho Bên A và chấm dứt Hợp Đồng với Bên A.
- b. Khi Bên A vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và Hệ Thống XLNT, Bên B tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên A không chấp hành yêu cầu của Bên B, Bên B được ngừng cung cấp Dịch Vụ cho Bên A và chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, tùy theo quyết định của mình, Bên B được quyền ngừng cung cấp các dịch vụ liên quan theo các Hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký giữa Hai Bên (nếu có).
- c. Trường hợp Bên A vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng cho bên B thì tùy theo mức độ còn có thể bị truy cứu trách nhiệm bổ sung theo quy định của pháp luật.
- d. Bên A không thanh toán đầy đủ và/hoặc đúng hạn chi phí phân tích mẫu nước thải, Phí Dịch Vụ, phí xử lý nước thải bổ sung hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác trong thời hạn quy định tại Hợp Đồng này.
- e. Bên B tiến hành sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và bảo hành, bảo dưỡng Hệ Thống XLNT. Trường hợp này, Bên B sẽ có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời gian thực hiện. Đồng thời, Bên B sẽ có biện pháp phù hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên A và môi trường.
- f. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10 Hợp Đồng này.

7.2. Khôi phục việc cung cấp Dịch Vụ:

- a. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A chấm dứt vi phạm, khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra và/hoặc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và/hoặc hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng này, Pháp Luật và/hoặc Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10 Hợp Đồng này chấm dứt, Bên B sẽ tiếp tục cung cấp Dịch Vụ cho Bên A.
- b. Trừ trường hợp tại điểm e Điều 7.1 Hợp Đồng này, Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước, các vật

tư phát sinh sử dụng trong quá trình này (nếu có) để tiếp tục cung cấp Dịch Vụ cho Bên A, theo bảng tính do Bên B lập và trong thời hạn do Bên B yêu cầu.

- c. Bên A chịu mọi trách nhiệm phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn ở nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hành chính, tiền bồi thường thiệt hại, ...) trước Cơ Quan Có Thẩm Quyền, Bên Thứ Ba (nếu có) liên quan đến khối lượng nước thải của Bên A phát sinh trong thời gian Bên B tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ theo quy định tại Điều 7.1 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1.** Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào theo quy định tại Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn Phí Dịch Vụ, phí xử lý nước thải bổ sung, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, ...), Bên A phải trả lãi chậm trả với lãi suất là 0,05%/ngày cho số tiền chậm thanh toán và trong khoảng thời gian tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên A đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền đó. Việc Bên A thanh toán tiền lãi chậm trả không ảnh hưởng đến quyền của Bên B được áp dụng các biện pháp xử lý, khắc phục được quy định tại các điều khoản khác của Hợp Đồng này.
- 8.2.** Trừ các trường hợp được quy định tại Hợp Đồng này, không Bên nào được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này trước hạn. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước hạn trái quy định tại Hợp Đồng này, Bên đó phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng Phí Dịch Vụ tương ứng với Thời Hạn Hợp Đồng còn lại, tính từ thời điểm Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt trái quy định, và được tính trên cơ sở mức Phí Dịch Vụ của tháng có Phí Dịch Vụ cao nhất trong thời gian Hợp Đồng đã được thực hiện trước đó và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh.
- 8.3.** Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, nếu Bên A và/hoặc bất kỳ nhân viên của Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong Hợp Đồng, Bên A sẽ chịu phạt số tiền tương đương 08% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên B.
- 8.4.** Trong trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp Đồng này ("**Bên Vi Phạm**") mà không khắc phục trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên không vi phạm, Bên Vi Phạm sẽ bồi thường mọi tổn thất, thiệt hại thực tế mà Bên không vi phạm phải gánh chịu phát sinh do vi phạm Hợp Đồng này của Bên Vi Phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 9.1.** Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được Các Bên ký kết hợp lệ và chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
- a. Hết Thời Hạn Hợp Đồng mà không được gia hạn;
- b. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng;
- c. Trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp Đồng này mà không khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông

báo chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản cho Bên A và Hợp Đồng sẽ chấm dứt kể từ ngày theo thông báo của Bên B;

- d. Xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10.3 Hợp Đồng này.
- e. Khi một Bên bị giải thể, phá sản và/hoặc bị buộc chấm dứt hoạt động theo quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền và/hoặc quy định của Pháp Luật.

9.2. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

- a. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm a, điểm b Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo thỏa thuận của Các Bên;
- b. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm c Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện như sau:
 - i. Bên A chịu lãi chậm trả (nếu có), phạt vi phạm và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Điều 8 Hợp Đồng này;
 - ii. Bên A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán tính đến ngày Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực.
- c. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm d Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 10.3 Hợp Đồng này;
- d. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm e Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;
- e. Các Bên đồng ý rằng trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp Đồng này:
 - i. Bên B ngừng cung cấp Dịch Vụ cho Bên A tại ngày Hợp Đồng chấm dứt.
 - ii. Bên A có trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ Phí Dịch Vụ phát sinh chưa được Bên A thanh toán, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên A (nếu có) trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B hoặc thời hạn khác theo thông báo của Bên B.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên bao gồm nhưng không giới hạn bởi: động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, dịch bệnh, chiến tranh, phong tỏa hoặc cấm vận theo quyết định của của Cơ Quan Có Thẩm Quyền hay xuất hiện sự thay đổi trong chính sách, pháp luật của Nhà nước mà mặc dù Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã cố gắng hết sức trong khả năng có thể nhưng không thể ngăn cản, hạn chế được sự ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng, là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới việc không thể tiếp tục thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng ("**Sự Kiện Bất Khả Kháng**").

Để làm rõ, mọi khó khăn về tài chính đơn thuần phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào dẫn đến việc Bên A không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên B đều không được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng.

10.2. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng phải:

- a. Thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất nhưng không trễ hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng để Các Bên cùng bàn bạc và thống nhất cách giải quyết và khắc phục hậu quả;
 - b. Sử dụng mọi nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tác động của sự trì hoãn hay cản trở đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng; và
 - c. Phục hồi việc thực hiện các nghĩa vụ của mình ngay khi lý do trì hoãn hay cản trở gây ra bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng được loại bỏ.
- 10.3 Nếu các Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 (ba mươi) ngày và một Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó thì Các Bên có thể thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng. Theo đó, hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng sẽ do Các Bên thỏa thuận.

ĐIỀU 11. PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN

- 11.1. Hai Bên cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho mỗi Bên hoặc được mỗi Bên chỉ định (sau đây gọi tắt là “**Người Của Bên A**” và “**Người Của Bên B**”) sẽ không có những hành vi hoặc hứa hẹn, đòi hỏi những hành vi giảm giá, trích thưởng, đưa tiền/tài sản hiện vật/lợi ích không minh bạch đối với bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại trong việc thực hiện Hợp đồng (các hành vi nói trên, sau đây được gọi tắt chung là “**Gian Lận**”), nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký kết Hợp đồng một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, và/hoặc đạt được các lợi ích không công bằng khác.
- 11.2. Các hành vi Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên A nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên B nào có biểu hiện, hành vi Gian Lận thì Bên A có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên B theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.
- 11.3. Trường hợp Bên B phát hiện bất kỳ bằng chứng, tài liệu nào thể hiện việc Người Của Bên A có hành vi Gian Lận, thì Bên B có toàn quyền nhưng không có nghĩa vụ chấm dứt Hợp Đồng này ngay lập tức sau khi gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên A và không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên B có quyền hưởng theo Hợp Đồng này hoặc pháp luật có liên quan. Đồng thời, Bên A có trách nhiệm: (i) thanh toán cho Bên B một khoản tiền có giá trị bằng 10 (mười) lần số tiền Gian Lận do Bên B xác định, hoặc 30% (ba mươi phần trăm) Giá trị Hợp Đồng này; và (ii) bồi thường cho Bên B tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc Bên A vi phạm các nghĩa vụ đã đề cập ở trên và từ việc chấm dứt Hợp Đồng này, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Gian Lận của Bên A. Bên có hành vi Gian Lận sẽ miễn trừ cho Bên còn lại mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Gian Lận của Bên có hành vi Gian Lận vi phạm pháp luật Việt Nam.

- 11.4. Việc một Bên thanh toán cho Bên còn lại các khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện/không thực hiện các quy định tại Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức một khoản thanh toán riêng biệt so với các khoản thanh toán khác giữa Hai Bên theo Hợp Đồng này, và/hoặc dưới hình thức đối trừ công nợ giữa Hai Bên phát sinh từ Hợp Đồng này, và/hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên, tùy theo quyết định, thông báo bằng văn bản của Bên B.

ĐIỀU 12. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1. Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi Pháp Luật Việt Nam.
- 12.2. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, Hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng trên tinh thần hợp tác để cùng nhau tìm ra hướng giải quyết có lợi cho cả Hai Bên.
- 12.3. Nếu có bất kỳ tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Trong trường hợp Hai Bên không đạt được sự thỏa thuận chung thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.
- 12.4. Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

- 13.1. Mọi thông báo, thỏa thuận, yêu cầu, và các liên lạc khác ("**Thông Báo**") cần thiết theo Hợp Đồng này sẽ được làm thành văn bản và phải được (i) gửi trực tiếp, hoặc (ii) gửi qua hệ thống bưu điện, hoặc (iii) chuyển bằng thư bảo đảm có báo phát, hoặc (iv) gửi bằng thư điện tử vào địa chỉ nhận thông báo của Bên còn lại; với điều kiện bản gốc phải được gửi cho Bên nhận bằng một trong các phương pháp tại mục (ii) và (iii) nêu trên trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc.
- 13.2. Thời điểm mà một Thông Báo hợp lệ như trên được coi là đã được nhận là:
- a. Ngày mà người nhận ký xác nhận, trong trường hợp gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
 - b. Ngày được ghi trong báo phát, trong trường hợp thư bảo đảm; hoặc
 - c. Ngày mà hệ thống thư điện tử của Bên nhận báo nhận thành công.
- 13.3. Tất cả Thông Báo phải được gửi đến địa chỉ như đã quy định tại phần đầu Hợp Đồng. Mỗi Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận Thông Báo vào bất cứ thời điểm nào bằng cách thông báo về thay đổi đó cho Bên kia theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1. Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào. Trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép, Các Bên sẽ từ bỏ các quyền và lợi ích theo bất kỳ quy định của văn bản quy phạm pháp luật nào có thể làm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cấm hoặc không có khả năng thi hành về bất kỳ khía cạnh nào.

- 14.2. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào trong Hợp Đồng đều không có hiệu lực trừ khi được lập thành phụ lục và ký bởi đại diện hợp pháp của Các Bên.
- 14.3. Bên A không được quyền chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B.
- 14.4. Bên A đồng ý rằng Bên B có quyền chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của Hợp Đồng này có Bên Thứ Ba, hoặc trong trường hợp Bên B tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm sáp nhập vào một công ty khác hoặc được chia, hoặc tách hoặc được chuyển đổi, với điều kiện là việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên A theo Hợp Đồng này.
- 14.5. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản gốc để thực hiện.
- 14.6. Để xác nhận, Các Bên đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**TRƯỞNG PHÒNG
LEE SUNG WOO**

ĐẠI DIỆN BÊN B



**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Đạt**

PHỤ LỤC 01

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số [●])

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		
			A	B	C
1	Nhiệt độ	°C	40	40	45
2	Màu	Pt/Co	50	150	150
3	pH	-	6-9	5,5 - 9	5,5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50	100
5	COD	mg/l	75	150	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100	200
7	Asen	mg/l	0,05	0,1	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,045	0,045	0,045
12	Crom (III)	mg/l	0,2	0,2	0,2
13	Đồng	mg/l	2	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3	3
15	Niken	mg/l	0,18	0,18	0,18
16	Mangan	mg/l	0,5	1	1
17	Sắt	mg/l	1	5	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5	1
22	Florua	mg/l	5	10	15
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10	15
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40	60
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	6	8

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặt, nước lợ)	mg/l	450	450	450
27	Clo dư	mg/l	0,9	0,9	0,9
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3	1	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC BẢN VẼ

1. Bản vẽ trích lục bản đồ địa chính
2. Bản vẽ tổng mặt bằng sau khi điều chỉnh của nhà máy
3. Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp thoát nước
4. Bản vẽ hoàn công kho chứa rác thải
5. Bản vẽ hoàn công các hệ thống xử lý khí thải đã lắp đặt của nhà máy

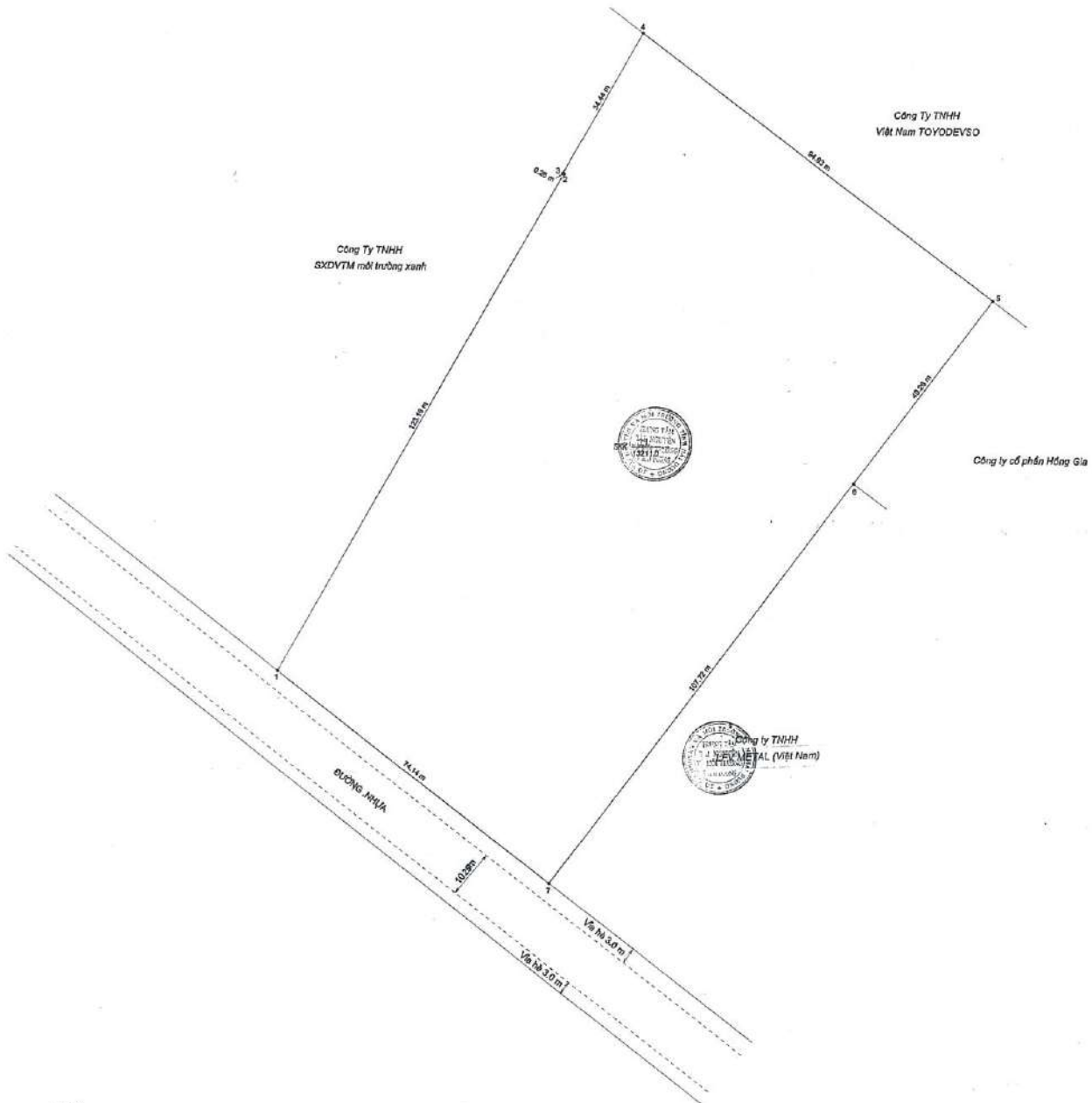
MẢNH TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT SỐ 1-2014

HỆ TỌA ĐỘ VN-2000 KHU VỰC XÃ NAM ĐỒNG, TỜ SỐ 4(322590-7)

TÊN CÔNG TRÌNH : CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA

ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHIỆP NAM SÁCH - XÃ NAM ĐỒNG - TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

(Thửa đất số thuộc tờ L15-3 của tờ bản đồ quy hoạch sử dụng đất khu công nghiệp Nam Sách kèm theo quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Hải Dương)



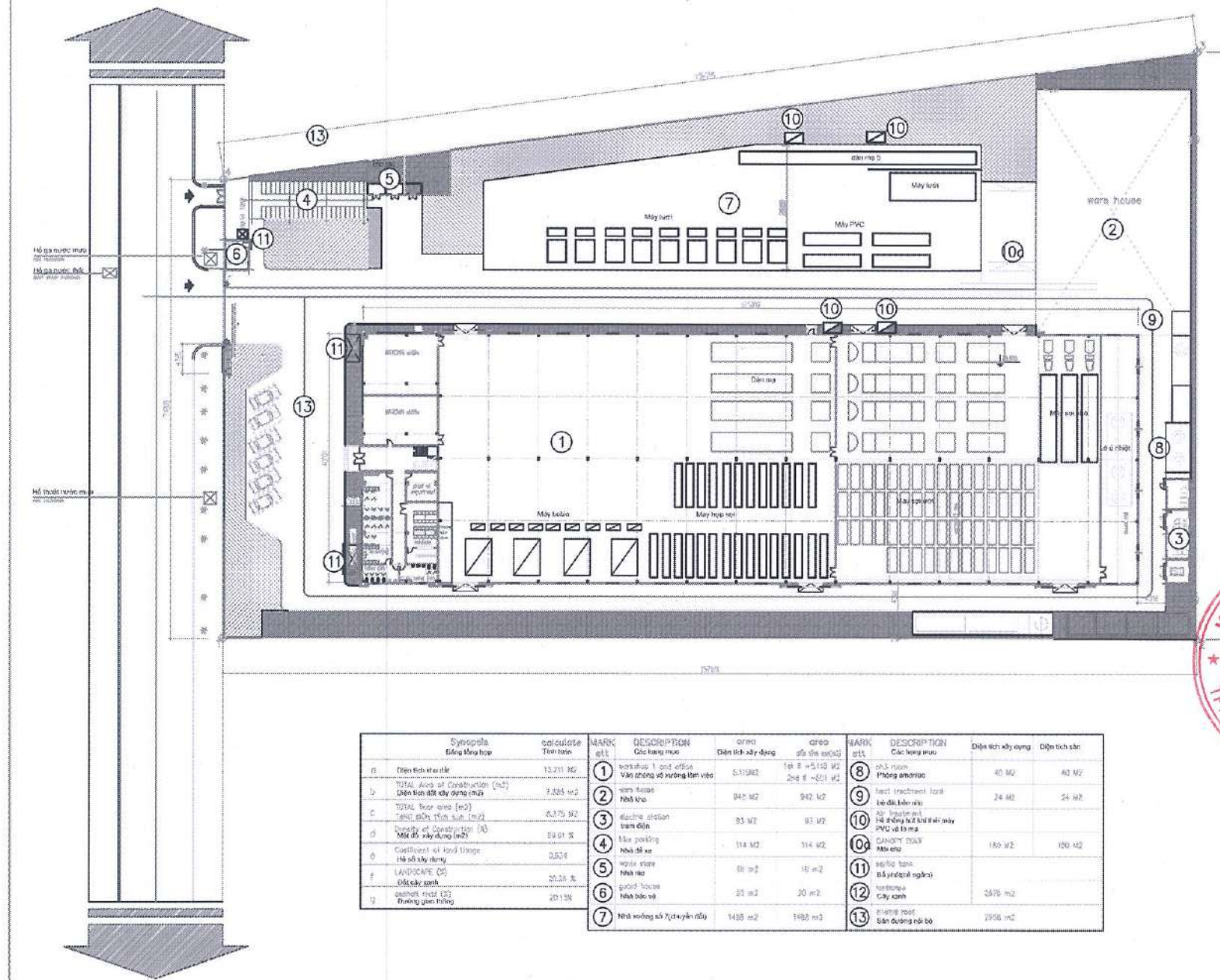
CHỈ CHỈ

—	Biên giới khu đất
—	Số thửa, loại đất, diện tích
1	Mức, số thửa mức

BẢNG HỆ TỌA ĐỘ MỐC CÁCH

STT	X(m)	Y(m)	S(m)
1	213217.83	990891.30	22.16
2	213217.29	990891.30	6.56
3	213217.46	990891.27	34.44
4	213217.46	990891.00	34.44
5	213217.27	990891.34	34.53
6	213217.29	990891.34	49.26
7	213217.46	990891.01	161.73
8	213217.43	990891.39	14.34

CHỖ QUẢN TRỊ KHU VỰC	CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA	CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA	PHÒNG TÀI CHÍNH VÀ HỐI TRƯỞNG TP. HẢI DƯƠNG	BAN QUẢN LÝ CÁC KINH TỈNH HẢI DƯƠNG	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỞNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HẢI DƯƠNG	TRƯỞNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HẢI DƯƠNG	TRƯỞNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HẢI DƯƠNG	TRƯỞNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HẢI DƯƠNG	TRƯỞNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HẢI DƯƠNG	TRƯỞNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HẢI DƯƠNG
Ngày 21/04/2014	Ngày 21/04/2014	Ngày 21/04/2014	Ngày 21/04/2014	Ngày 21/04/2014	Ngày 21/04/2014
PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Hoàn	TỔNG GIÁM ĐỐC LEE SOO HWAN	GIÁM ĐỐC Phạm Văn Hằng	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO QUANG DƯƠNG	TRƯỞNG BAN Phạm Minh Phụng	TRƯỞNG PHÒNG NGUYỄN THANH CƯỜNG



Synopsis Tổng hợp	calculate Tối ưu	MARK stt	DESCRIPTION Các hạng mục	area Diện tích xây dựng	area diện tích sàn	MARK stt	DESCRIPTION Các hạng mục	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn
a. Diện tích xây dựng	13.211 m ²	1	workshop 1 and office	5.158 m ²	10 x 5.158 m ²	8	nhà xưởng	40 m ²	40 m ²
b. TOTAL Area of Construction (m ²)	1.285 m ²	2	Vườn trồng và ruộng làm việc	942 m ²	942 m ²	9	nhà xưởng	24 m ²	24 m ²
c. TOTAL Area of Construction (m ²)	6.275 m ²	3	nhà xưởng	93 m ²	93 m ²	10	nhà xưởng	180 m ²	180 m ²
d. Density of Construction (kg)	50.01 kg	4	nhà xưởng	114 m ²	114 m ²	11	nhà xưởng	180 m ²	180 m ²
e. Coefficient of land usage	0.634	5	nhà xưởng	10 m ²	10 m ²	12	nhà xưởng	2570 m ²	2570 m ²
f. LANDSCAPE (kg)	20.28 kg	6	nhà xưởng	20 m ²	20 m ²	13	nhà xưởng	2570 m ²	2570 m ²
g. Đường giao thông	20.134	7	nhà xưởng	1458 m ²	1458 m ²				

Revision			
A			
B			
C			
d			
e			
f			
No	date	design	approve

duco vina steel wire co.,ltd

location :

lot 15 - nam son industrial zone

hoi dang city - hai dang province

project :

duco vina steel wire factory

Tổng mặt bằng

Bản vẽ hoàn công



TRƯỜNG PHÒNG SẢN XUẤT

LEE SUNG WOC

thiết kế

thiết kế

Tổng mặt bằng sau

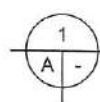
khí năng công suất

và chuyển đổi thành

nhà xưởng

01/2025

00-01



DANH MỤC BẢN VẼ (PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC)
LIST DRAWINGS (MECHANIC)

NO STT	SYMBOL KÍ HIỆU	DRAWING NAME TÊN BẢN VẼ
	M00 -	MASTER PLAN/ TỔNG MẶT BẰNG
	M00-01	TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA/ RAIN DRAINAGE MASTER PLAN
	M00-02	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI/ DRAINAGE MASTER PLAN
	M00-03	TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC/ WATER SUPPLY MASTER PLAN
	M00-04	GA THU NƯỚC THẢI / WAST WATER MAINHOLE
	M00-05	GA THU NƯỚC MƯA / RAIN WATER MAINHOLE
	M00-06	MẶT BẰNG TRẠM BƠM / PUMP STATION
	M01 -	FACTORY AND OFFICE
	M01-01	MẶT BẰNG CẤP, THOÁT NƯỚC TẦNG 1/ 1ST FLOOR WATER SUPPLY, DRAINAGE PLAN
	M01-02	MẶT BẰNG CẤP, THOÁT NƯỚC TẦNG 2/ 2ND FLOOR WATER SUPPLY, DRAINAGE PLAN
	M01-03	MẶT BẰNG CẤP, THOÁT NƯỚC MÁI/ ROOF FLOOR WATER SUPPLY, DRAINAGE PLAN
	M01-04	SƠ ĐỒ CẤP THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ WC/ WC WATER SUPPLY-DISCHARGE DIAGRAM
	M01-05	SƠ ĐỒ CẤP THOÁT NƯỚC WC1/DIAGRAM SUPPLY WATER/DISCHARGE WC1
	M01-06	SƠ ĐỒ CẤP THOÁT NƯỚC WC2/DIAGRAM SUPPLY WATER/DISCHARGE WC2
	M01-07	CHI TIẾT CẤP THOÁT NƯỚC /DETAIL SUPPLY WATER/DISCHARGE
	M02 -	GUARD HOUSE
	M02-01	MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC NHÀ BẢO VỆ /SUPPLY WATER/DISCHARGE PLAN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG - AS BUILT DRAWING:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD theo pháp luật
của chủ đầu tư

Đại diện theo pháp
luật của chủ đầu tư

Giám sát TC&D công
trình của chủ đầu tư

[Signature]
19/11

[Signature]
19/11

[Signature]
19/11

GHI CHÚ - NOTES

HIỆU CHỈNH REVISION

A			
B			
C			
D			

NO DATE DESIGN APPROVE
LẦN NGÀY THIẾT KẾ DUYỆT

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:



DUSCO VINA STEEL WIRE CO.,LTD

LOCATION:

LOT 15 - NAM SACH INDUSTRIAL ZONE
AI QUOC COMMUNE - HAI DUONG CITY
HAI DUONG PROVINCE

PROJECT:

DUSCO VINA STEEL WIRE FACTORY

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

ITEM:

MASTER PLAN

CONSTRUCTION CONTRACTOR/ NHÀ THẦU

SRENG COMPANY LIMITED

17 FLOOR, VINACONEC 9 BUILDING
LOT H12-2 PHAM HUNG ROAD, ME TRI WARD
TU LEM DISTRICT, HA NOI CITY
TEL : 0435553346 - FAX: 0435553371

PRESENTATIVE:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU:

PREPARED BY:

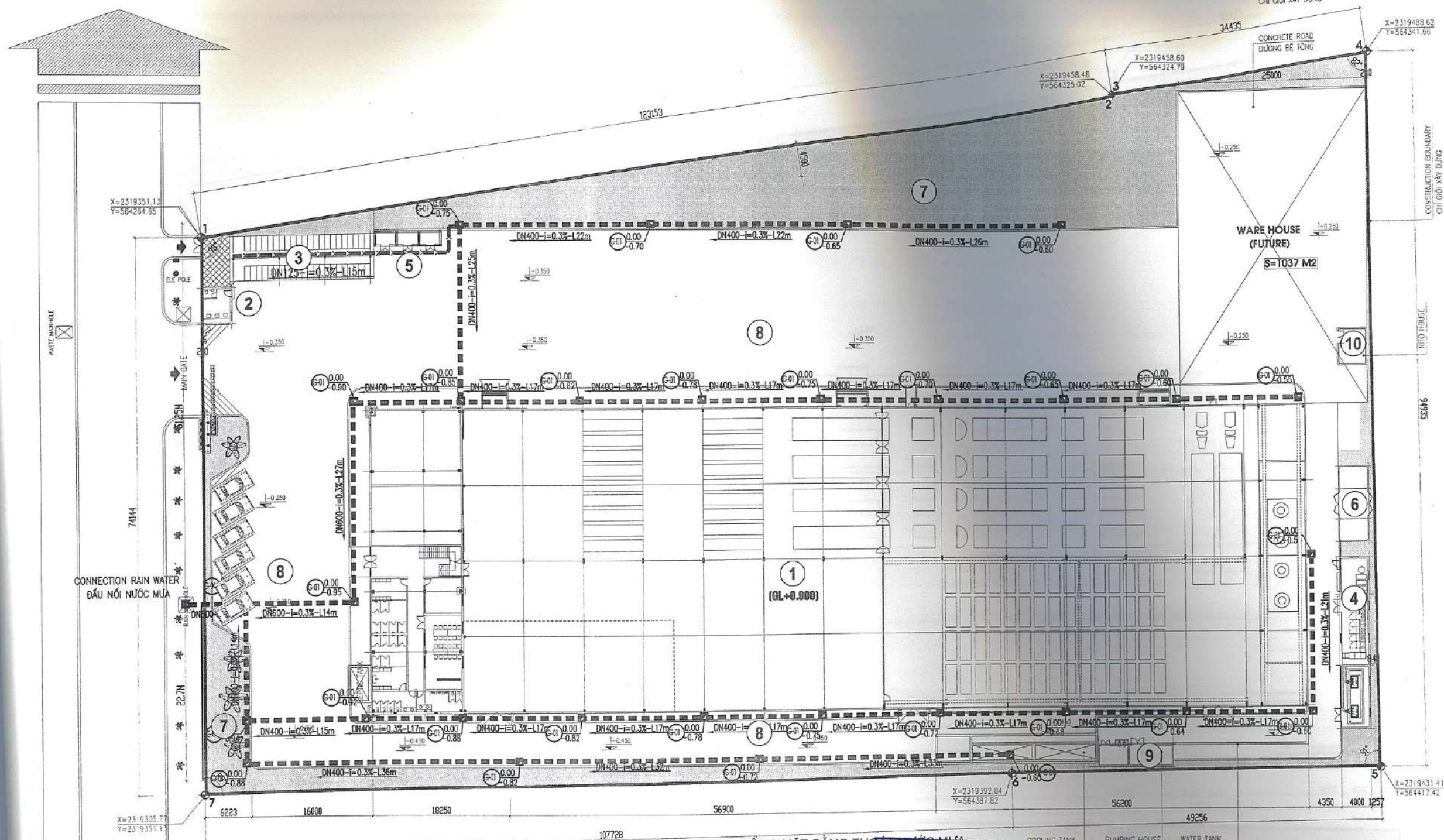
NGƯỜI LẬP:

TÊN BẢN VẼ:

DANH MỤC BẢN VẼ

DRAWING NAME:

LIST DRAWINGS



TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
DRAINAGE RAIN WATER MASTER PLAN

MARK STT	DESCRIPTION CÁC HẠNG MỤC
1	FACTORY AND OFFICE VĂN PHÒNG VÀ NHÀ MÁY
2	GUARD HOUSE NHÀ BẢO VỆ
3	PUMP AND ELECTRIC STATION TRẠM BƠM VÀ TRẠM ĐIỆN
4	BIKE PARKING NHÀ ĐỂ XE
5	WASTE STORE KHO RÁC
6	COMPRESSOR ROOM PHÒNG KHÍ NÉN
7	LANDSCAPE CÂY XANH
8	ĐƯỜNG ASPHALT ASPHALT ROAD

	BỂ PHỐT - SEPTIC TANK
	GA THU NƯỚC THẢI- WASTEWATER MANHOLE
	GA THU NƯỚC MƯA- RAIN MANHOLE
	HỒ ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG NƯỚC - WATER GAUGE
	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC BẮN PVC D200- WASTE WATER DISCHARGE PIPE PVC
	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT- RAIN WATER DISCHARGE PIPE CONCRETE
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH PPR- WATER SUPPLY PIPE PPR
0.00	CÓT MẶT ĐẤT THIẾT KẾ (QUY ƯỚC) - GROUND LEVEL
-1.00	CÓT ĐỈNH ỐNG - PIPE TOP LEVEL

BẢN VẼ HOÀN CÔNG - AS BUILT DRAWINGS

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập

Đã được phê duyệt của chủ đầu tư

Đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư

Giám sát TCVN công trình của chủ đầu tư

CÔNG TY TNHH SRENG

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHOI SOON RAK

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

HIỆU CHỈNH REVISION

HIỆU CHỈNH	REVISION
A	
B	
C	
D	

NO LẦN	DATE	DESIGN	APPROVE
NGÀY	THIẾT KẾ	Duyệt	

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:



DUSCO VINA STEEL WIRE CO., LTD

LOCATION:
LOT 15 NAM SACH INDUSTRIAL ZONE
AI QUOC COMMUNE - HAI DUONG CITY
HAI DUONG PROVINCE

PROJECT:
DUSCO VINA STEEL WIRE FACTORY

HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG

ITEM:
MASTER PLAN

CONSTRUCTION CONTRACTOR/ NHÀ THẦU

SRENG COMPANY LIMITED
17 FLOOR, VINACONEC 9 BUILDING
LOT HH2-2 PHAM HUNG ROAD, VE TRI WARD
TU LIEM DISTRICT, HA NOI CITY
TEL : 0436553346 - FAX: 0436553371

PRESENTATIVE:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU:

PREPARED BY:

NGƯỜI LẬP:

TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

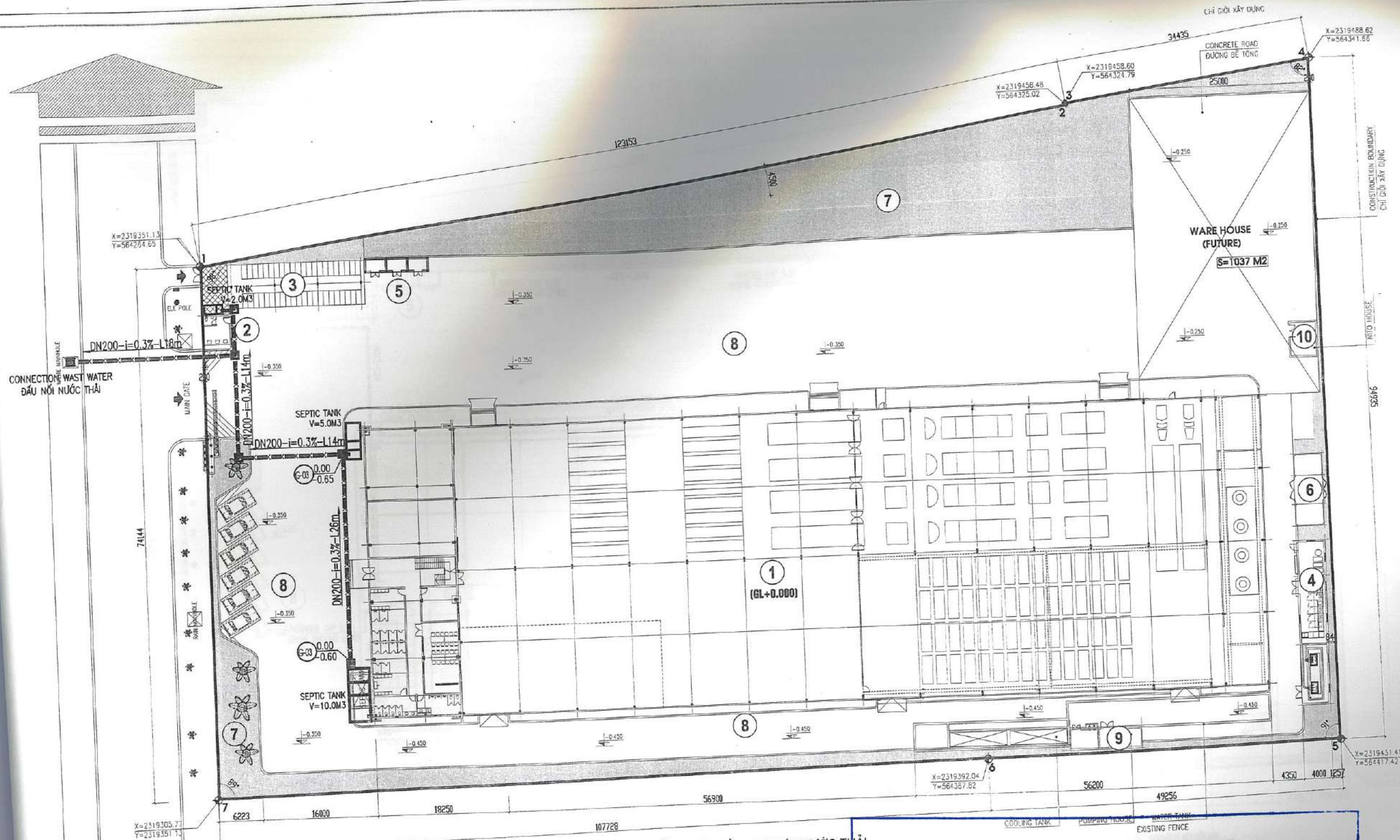
DRAWING NAME:
DRAINAGE RAIN WATER MASTER PLAN

GIẢI ĐOẠN - STATUS TỶ LỆ - SCALE NGÀY - DATE

B.V. HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWINGS NONE 03/2015

MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO

M00-01



MARK STT	DESCRIPTION CÁC HẠNG MỤC
1	FACTORY AND OFFICE VĂN PHÒNG VÀ NHÀ MÁY
2	GUARD HOUSE NHÀ BẢO VỆ
3	PUMP AND ELECTRIC STATION TRẠM BƠM VÀ TRẠM ĐIỆN
4	BIKE PARKING NHÀ ĐỂ XE
5	WASTE STORE KHO RÁC
6	COMPRESSOR ROOM PHÒNG KHÍ NÉN
7	LANDSCAPE CÂY XANH
8	ĐƯỜNG ASPHALT ASPHALT ROAD

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
DRAINAGE WAST WATER MASTER PLAN

MARK	DESCRIPTION
1	BỂ PHỐT - SEPTIC TANK
2	GA THU NƯỚC THẢI - WASTEWATER MANHOLE
3	GA THU NƯỚC MƯA - RAIN MANHOLE
4	HỒ ĐỒNG HỒ ĐO LƯỢNG NƯỚC - WATER GAUGE
5	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC BẮN PVC Ø200 - WASTE WATER DISCHARGE PIPE PVC
6	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BỐN - RAIN WATER DISCHARGE PIPE CONCRETE
7	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH PPR - WATER SUPPLY PIPE PPR
0.00 -1.00	CÓT MẶT ĐẤT THIẾT KẾ (QUY ƯỚC) - GROUND LEVEL CÓT ĐỈNH ỐNG - PIPE TOP LEVEL

BẢN VẼ HOÀN CÔNG - AS BUILT DRAWINGS

Ngày... tháng... năm 20...

Người lập: *[Signature]*

Đã thẩm định: *[Signature]*

Đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư: *[Signature]*

Giám sát: T.C.X.D. công trình của chủ đầu tư: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH SRENG

TRÁCH NHIỆM HOÀN CÔNG

SRENG

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHOI SOON RAK

BIÊN BẢN - NOTES

HIỆU CHỈNH REVISION

A		
B		
C		
D		

NO LẦN	DATE NGÀY	DESIGN THIẾT KẾ	APPROVE DUYỆT
--------	-----------	-----------------	---------------

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:

DUSCO VINA STEEL WIRE CO., LTD

LOCATION:
LOT 15 - NAM SACH INDUSTRIAL ZONE
AI QUOC COMMUNE - HAI DUONG CITY
HAI DUONG PROVINCE

PROJECT:
DUSCO VINA STEEL WIRE FACTORY

HANG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG
ITEM:
MASTER PLAN

CONSTRUCTION CONTRACTOR/ NHÀ THẦU

SRENG COMPANY LIMITED
17 FLOOR, VINACONEC 9 BUILDING
LOT 12-2 PHAM HUNG ROAD, ME TRI WARD
TU LIEM DISTRICT, HA NOI CITY
TEL: 0435553346 - FAX: 0435553371

PRESENTATIVE:
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU:

PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:

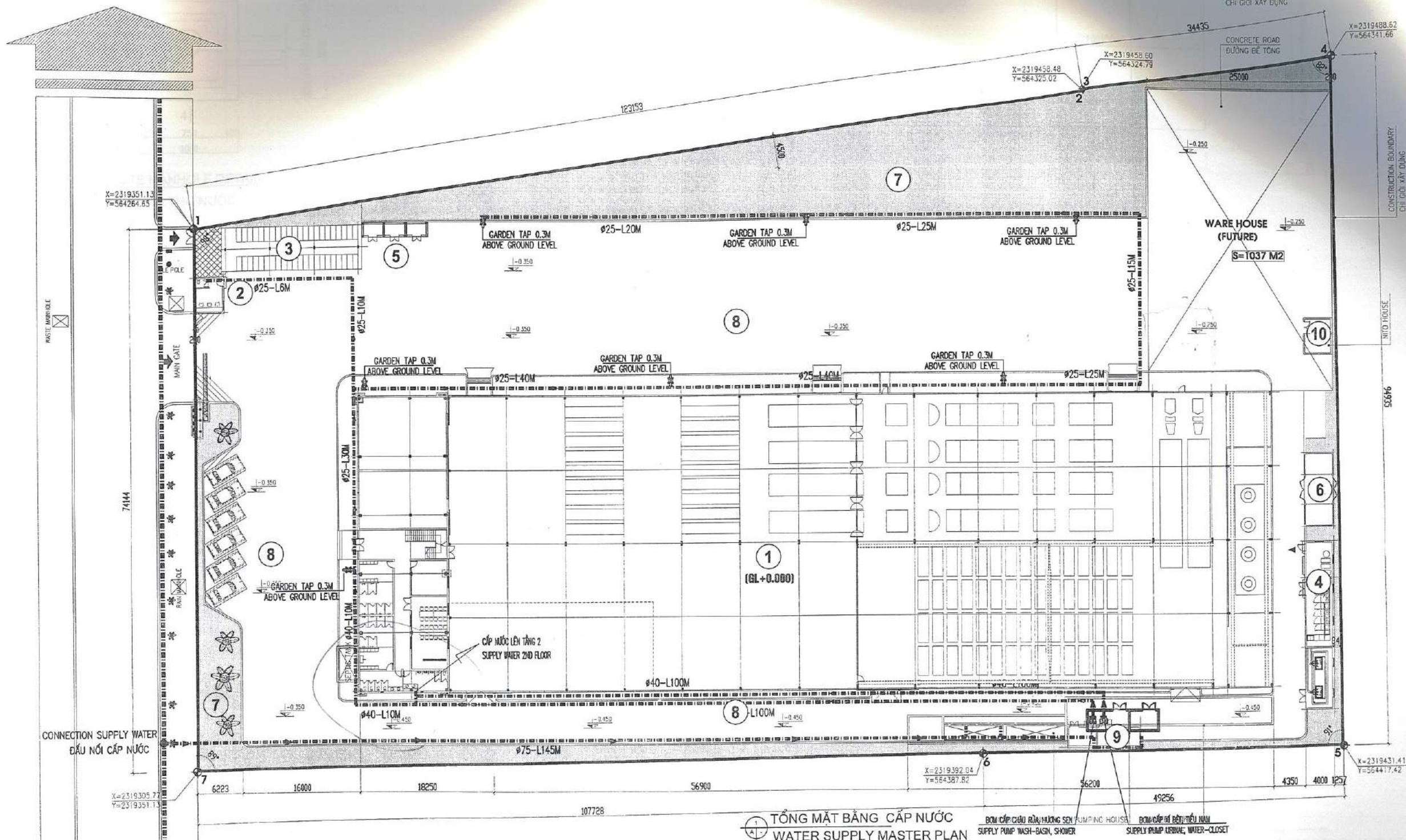
TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
DRAWING NAME:
DRAINAGE WAST WATER MASTER PLAN

GIẢI ĐOẠN - STATUS:
B.V. HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWINGS

TỶ LỆ - SCALE:
NONE

NGÀY - DATE:
03/2015

MÀ DẠNG - PROJECT CODE:
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO:
M00-02



TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC
WATER SUPPLY MASTER PLAN

MARK STT	DESCRIPTION CÁC HẠNG MỤC
1	FACTORY AND OFFICE VĂN PHÒNG VÀ NHÀ MÁY
2	GUARD HOUSE NHÀ BẢO VỆ
3	PUMP AND ELECTRIC STATION TRẠM BƠM VÀ TRẠM ĐIỆN
4	BIKE PARKING NHÀ ĐỂ XE
5	WASTE STORE KHO RÁC
6	COMPRESSOR ROOM PHÒNG KHÍ NÉN
7	LANDSCAPE CÂY XANH
8	ĐƯỜNG ASPHALT ASPHALT ROAD

	BỂ PHỐT - SEPTIC TANK
	GA THU NƯỚC THẢI- WASTEWATER MANHOLE
	GA THU NƯỚC MƯA- RAIN MANHOLE
	HỞ ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG NƯỚC - WATER GAUGE
	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC BẦN PVC D200- WASTE WATER DISCHARGE PIPE PVC
	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTO- RAIN WATER DISCHARGE PIPE CONCRETE
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH PPR- WATER SUPPLY PIPE PPR
	CỘT MẶT ĐẤT THIẾT KẾ (QUY ƯỚC) - GROUND LEVEL
	CỘT ĐỈNH ỐNG - PIPE TOP LEVEL

BẢN VẼ HOÀN CÔNG - AS BUILT DRAWINGS

CÔNG TY TNHH SRENG

AS BUILT DRAWINGS

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người lập ...

Trách nhiệm hữu hạn SRENG

Giám đốc ...

CHOI SOON RAK

GIỚI GIỚI - NOTES

HIỆU CHỈNH REVISION

A			
B			
C			
D			

NO DATE DESIGN APPROVE
LẦN NGÀY THIẾT KẾ DUYỆT

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:



DUSCO VINA STEEL WIRE CO., LTD

LOCATION:

LOT 15-NAM SACH INDUSTRIAL ZONE
AI QUOC COMMUNE - HAI DUONG CITY
HAI DUONG PROVINCE

PROJECT:

DUSCO VINA STEEL WIRE FACTORY

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

ITEM:

MASTER PLAN

CONSTRUCTION CONTRACTOR/ NHÀ THẦU

SRENG COMPANY LIMITED

17 FLOOR, VINA CONEC 9 BUILDING
LOT HH2-2 PHAM HUNG ROAD, ME TRI WARD
TU LIEM DISTRICT, HA NOI CITY
TEL: 0435553348 - FAX: 0435553371

PRESENTATIVE:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU:

PREPARED BY:

NGƯỜI LẬP:

TÊN BẢN VẼ:

TỔNG MẶT BẰNG

CẤP NƯỚC

DRAWING NAME:

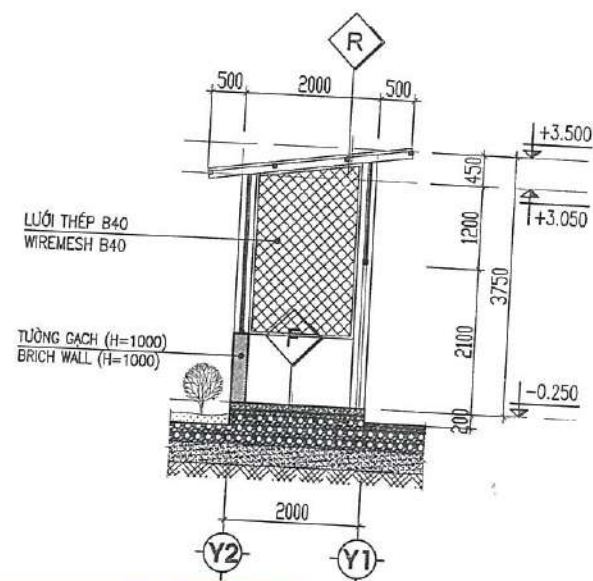
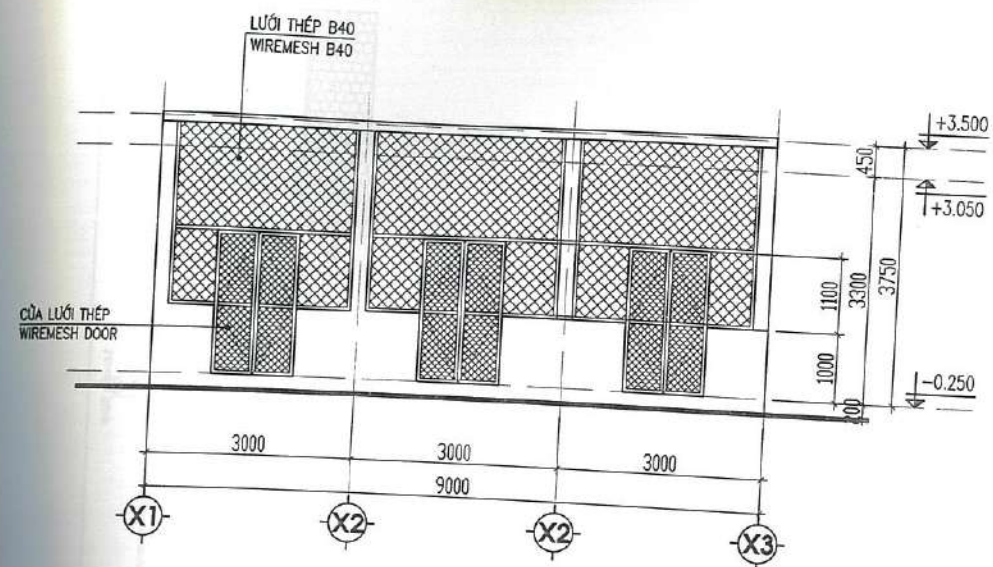
DRAINAGE SUPPLY WATER
MASTER PLAN

GIẢI ĐOẠN - STATUS TỶ LỆ - SCALE NGÀY - DATE

B.V. HOÀN CÔNG NONE 03/2015

MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO

M00-03



R
CORRUGATED METAL ROOF 0.45THK
MÀ TỖN DÂY 0.45
STEEL RAFTER (SEE STRUCTURE DRAWINGS)
KẼO THÉP (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)

F
CONCRETE SLAB GRADE 250#, 100 THK, D6@200X200
NỀN BÊ TÔNG 250 DÂY 100, THÉP D6@200X200
PE FILM
LỚP NILON 2 LỚP
SAND COMPACTION
CÁT SAN NỀN ĐÁM CHẶT

MẶT ĐÚNG/ ELEVATION

CÔNG TY TNHH SRENG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG - AS BUILT DRAWING

Ngày..... năm 20.....

Người lập

ĐD theo pháp

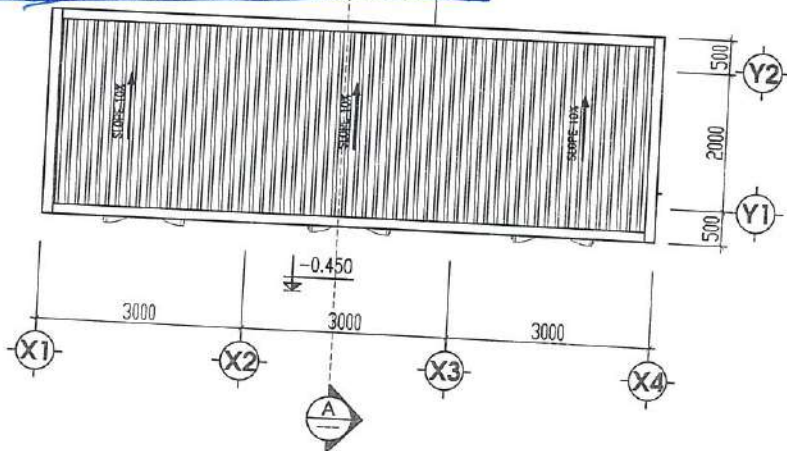
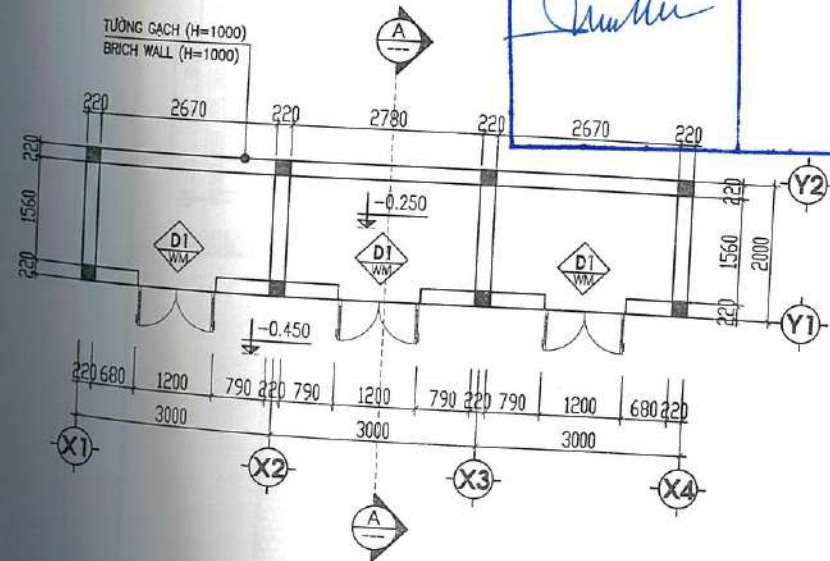
ĐẠI DIỆN THẦU TỔNG

Giám sát TCXD công

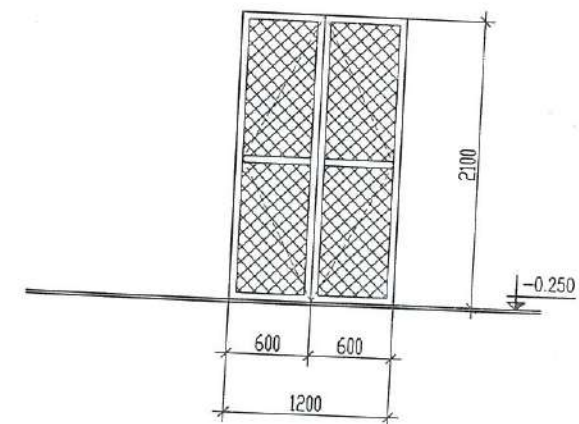
[Signature]

GIÁM ĐỐC
CHOI SOON RAK

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHOI HUYEN DEOK



MẶT BẰNG MÁI/ ROOF LAYOUT



D1
WM

VẬT LIỆU/ MATERIAL	WIRE MESH DOOR/CỬA ĐI LƯỚI THÉP
KÍCH CỠ/ SIZE	1200(W)X2100(H)
SỐ LƯỢNG /QUANTITY	03 SETS
VỊ TRÍ /LOCATION	WASTE/ NHÀ RÁC

CHỈ CHỮ - NOTES

HIỆU CHÍNH	REVISION
A	
B	
C	
D	

CUỐI/ CHỦ ĐẦU TƯ:



DUSCO VINA STEEL WIRE CO.,LTD

LOCATION:
LOT 15 NAM SACH INDUSTRIAL ZONE
AI QUOC COMMUNE - HAI DUONG CITY
HAI DUONG PROVINCE

PROJECT:
DUSCO VINA STEEL WIRE FACTORY

HANG MỤC:
KHO RÁC
WASTE STORE

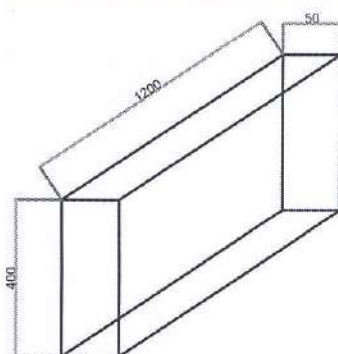
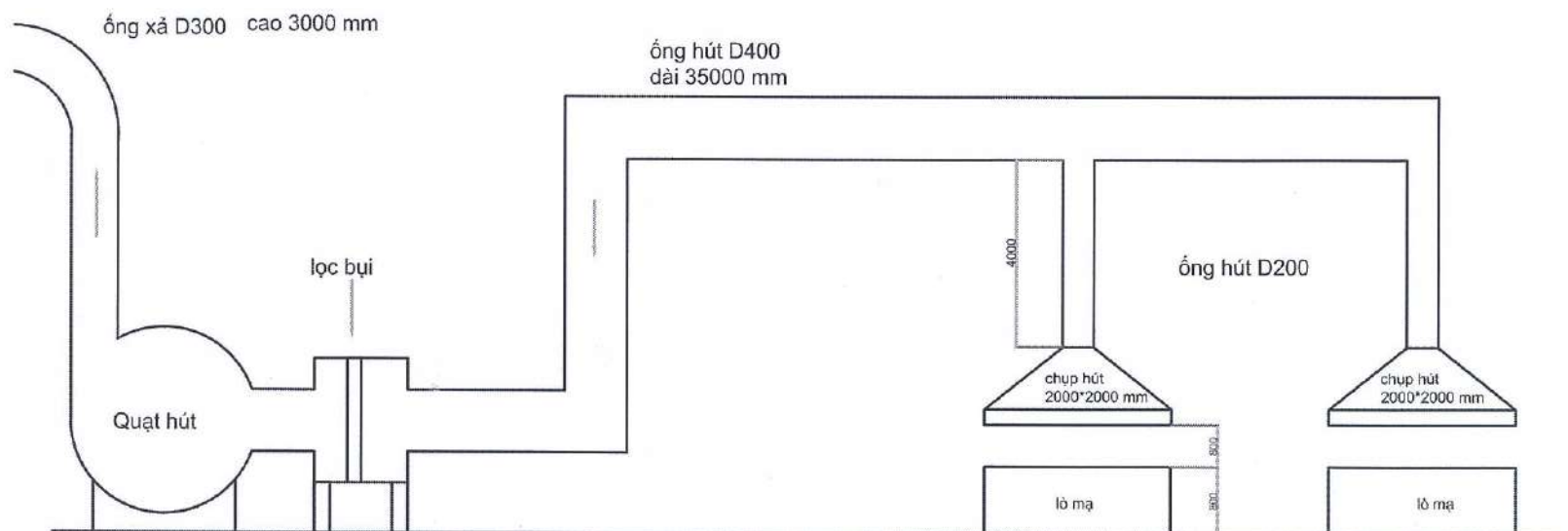
CONSTRUCTION CONTRACTOR/ NHÀ THẦU
SRENG COMPANY LIMITED
17 FLOOR, VINACONEC 9 BUILDING
LOT H2-2 PHAM HUNG ROAD, ME TRI WARD
TU LEM DISTRICT, HA NOI CITY
TEL: 0435553346 - FAX: 0435553371

PRESENTATIVE:
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU:
PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT NHÀ RÁC
DRAWING NAME:
WASTE HOUSE DETAIL

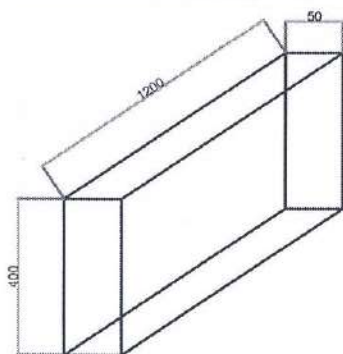
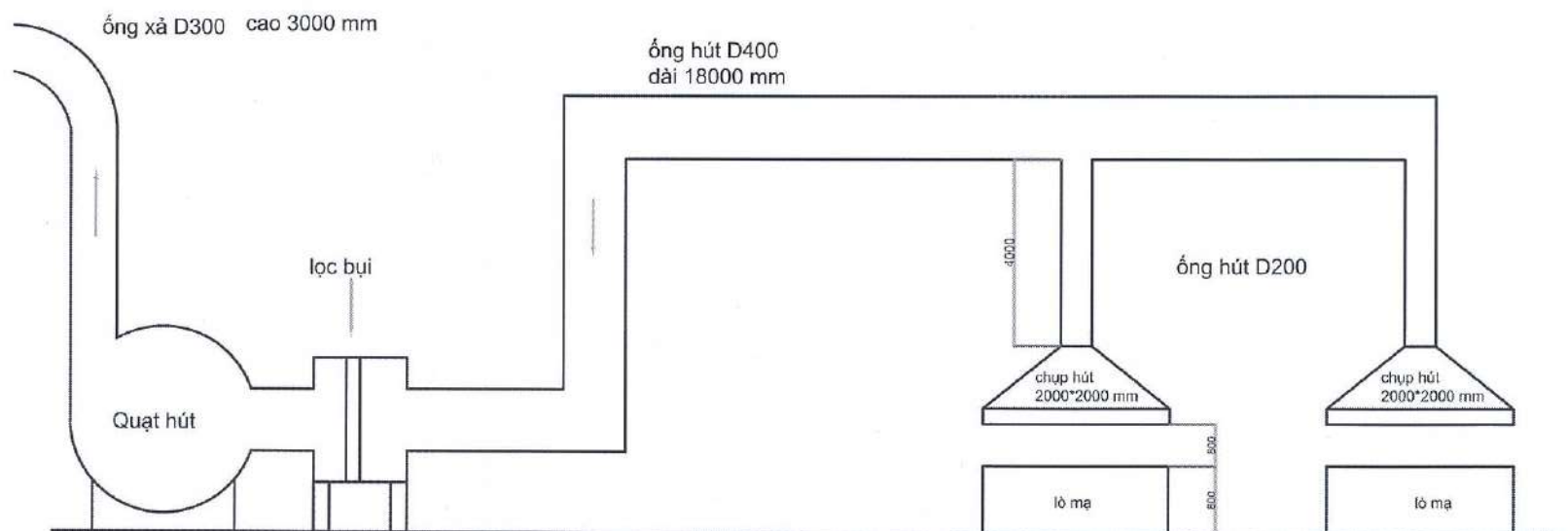
GIẢI ĐOẠN - STATUS	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
B. V. HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWINGS	NONE	03/2015
MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	

A05-01



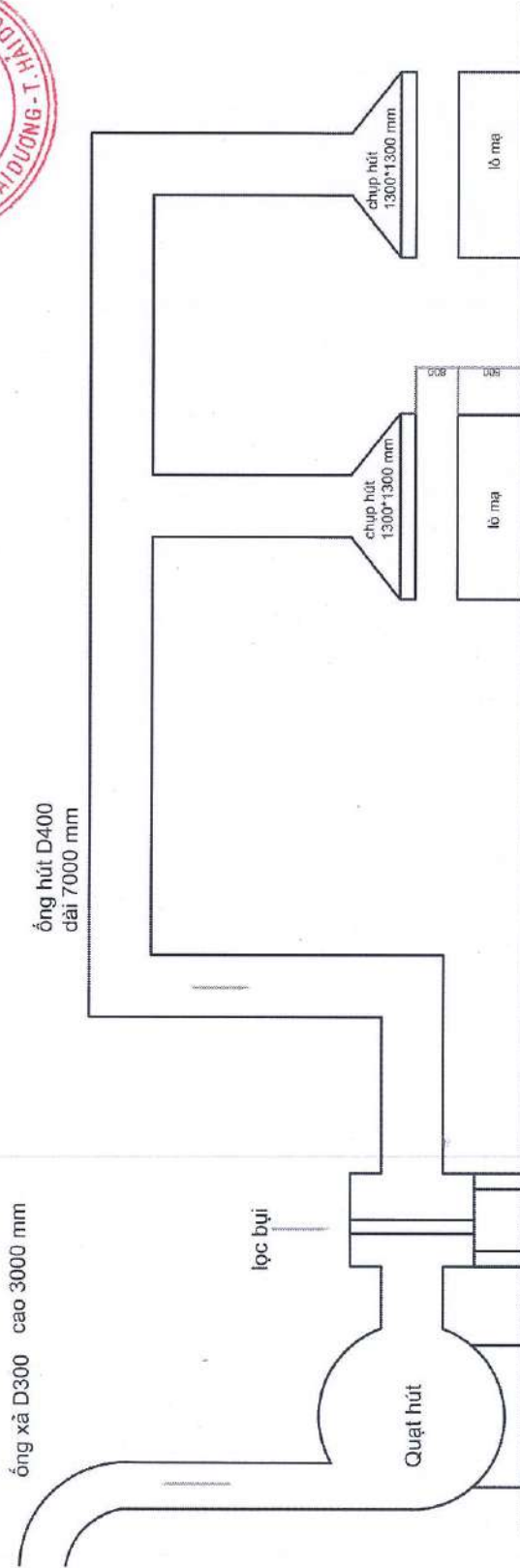
Kích thước lọc bụi
1200*400*50mm

CÔNG TY TNHH Chế Xuất Sợi Thép DUSCO VINA				Tên bản vẽ:			
Lô 15 - KCN Nam Sách-Phường Ái Quốc-TP Hải Phòng				Bản vẽ hoàn công hệ thống hút bụi lò mạ số 1,2			
Duyệt:				Công suất :	7.5KW:	Rev.No	Ref.No
Kiểm tra:				Lưu lượng :	12.000 m ³ /h		
Thiết kế:							
Người vẽ:							

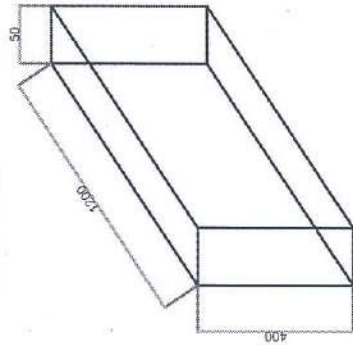


Kích thước lọc bụi
1200*400*50mm

CÔNG TY TNHH Chế Xuất Sợi Thép DUSCO VINA				Tên bản vẽ:			
Lô 15 - KCN Nam Sách-Phường Ái Quốc-TP Hải Phòng				Bản vẽ hoàn công hệ thống hút bụi lò mạ số 3,4			
Duyệt:				Công suất :	7.5KW:	Rev.No	Ref.No
Kiểm tra:				Lưu lượng :	12.000 m³/h		
Thiết kế:							
Người vẽ:							



Kích thước lọc bụi
1200*400*50mm



CÔNG TY TNHH Chế Xuất Sợi Thép DUSCO VINA

Lô 15- KCN Nam Sách-Phường Ái Quốc-TP Hải Phòng

TRƯỜNG PHÒNG SẢN XUẤT

Duyệt:

Kiểm tra:

Thiết kế:

Người vẽ:

Tên bản vẽ:

Bản vẽ hoàn công hệ thống hút bụi lò mại số 5A,5B

Công suất :

7.5KW:

12.000 m³/h

Lưu lượng :

Rev.No

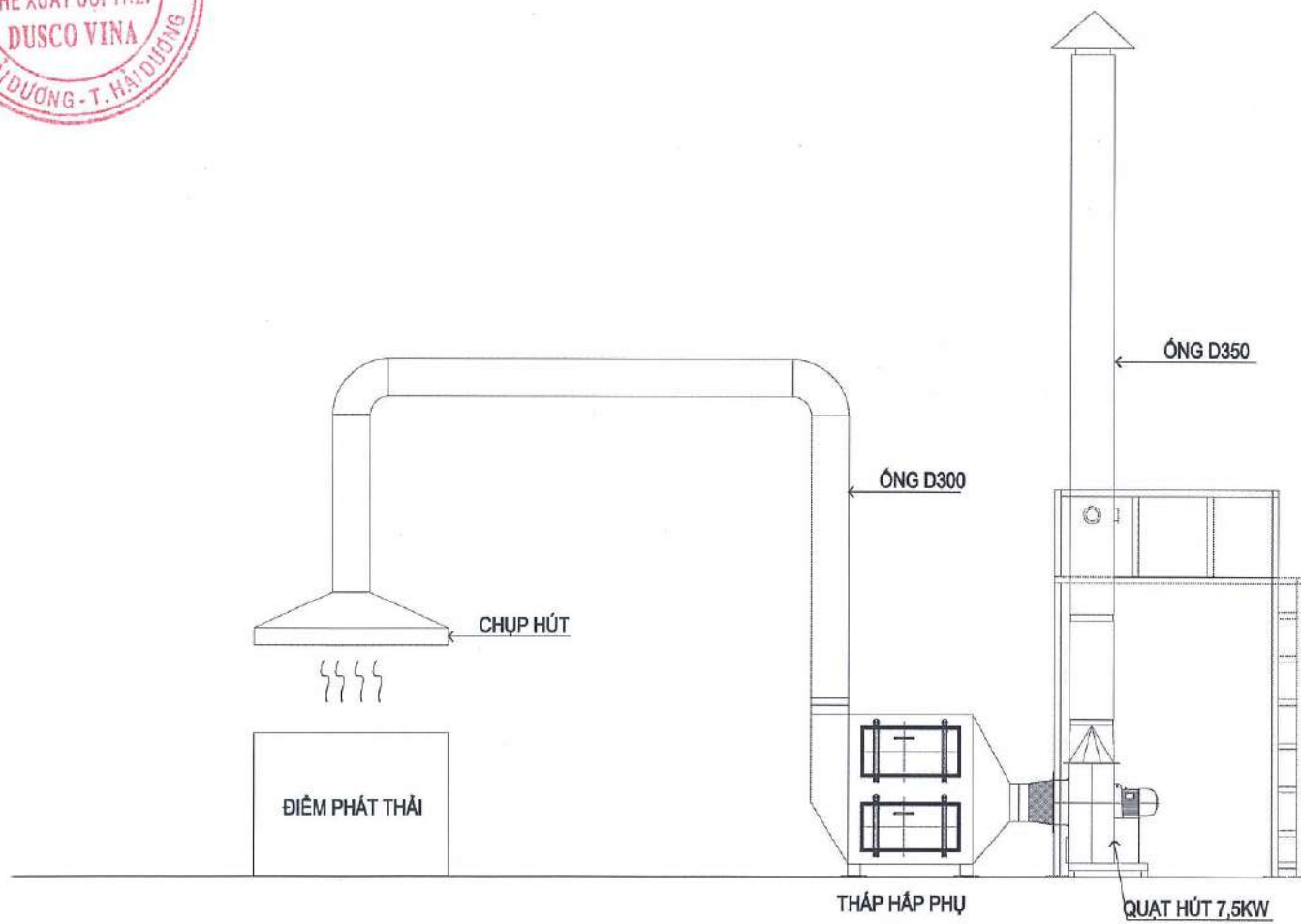
Ref.No



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

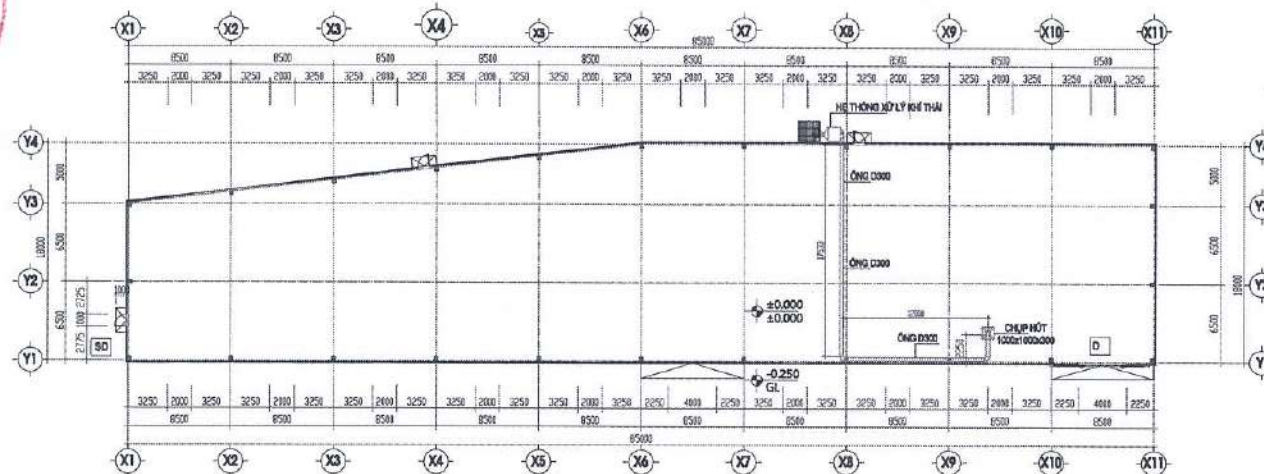
HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : LÔ 15, KCN NAM SÁCH, TP.HẢI DƯƠNG, T. HẢI DƯƠNG
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH CHẾ SUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA
NHÀ THẦU THI CÔNG : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KOREA

HẢI DƯƠNG - 08/2023



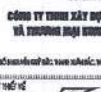
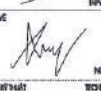
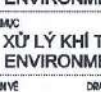
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

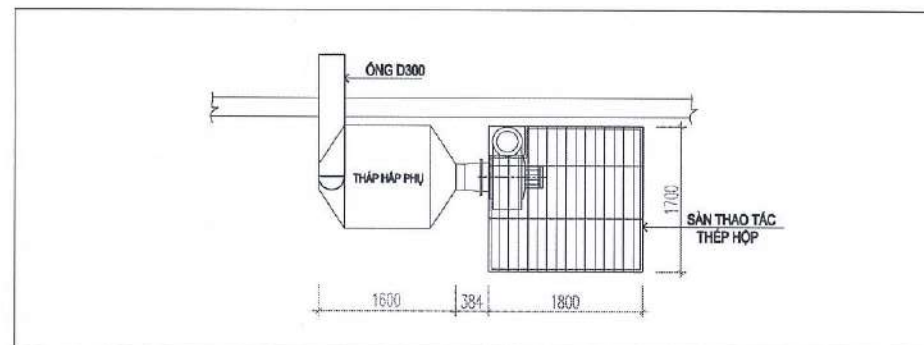
HỆ CHỈNH		REVISION	
1			
2			
3			
4			
ST NO	NGÀY DATE	NỘI DUNG DESCRIPTION	DUYỆT APPROVAL
TÊN DỰ ÁN		PROJECT NAME	
DỰ ÁN DUSCO VINA			
CHỦ ĐẦU TƯ		OWNER	
CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINA			
CÔNG TY THI CÔNG CONSTRUCTION COMPANY			
KOREA CONSTRUCTION			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG MẠNG ĐIỆN A			
Tư vấn: 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và môi trường			
CÔNG TY THIẾT KẾ DESIGN COMPANY			
SPACE FOR LIFE			
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG			
PHÒNG KỸ THUẬT VÀ THI CÔNG Kỹ thuật: 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và môi trường			
TÊN: NGUYỄN VĂN AN		VỊ TRÍ: 10 năm kinh nghiệm	
QUẢN LÝ		DIRECTOR	
<i>Nguyễn Văn An</i>		ĐỒNG HƯỚNG DẪN	
CHỈ THỊ		CHECKER	
<i>Nguyễn Văn An</i>		THẨM TRƯỞNG	
THẨM TRƯỞNG		DESIGNER	
<i>Nguyễn Văn An</i>		NGƯỜI CHẤM DẤU	
QUẢN LÝ THI CÔNG		TECHNICAL MANAGER	
<i>Nguyễn Văn An</i>		LÀ VIỆC	
BỘ MÔN		PART	
MÔI TRƯỜNG			
HẠNG MỤC		ITEM	
XỬ LÝ KHÍ THẢI			
ENVIRONMENT			
TÊN BẢN VẼ		DRAWING TITLE	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			
TỶ LỆ		SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH		DATE	
SỐ HIỆU		DRAWING NO	
		XLKT-01	



The elevation drawing shows a long, single-story building facade. The roof is a flat, hatched structure. The facade is divided into several bays by vertical structural elements. The bays are labeled with dimensions: 8500, 8580, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, and 8580. The total length is 100000. The building is supported by a foundation. The drawing includes various structural details such as columns, beams, and roof supports. The drawing is oriented with the building's length along the horizontal axis. The drawing includes a grid of lines labeled X1 through X11. The drawing includes a vertical scale on the left side with elevations of +6.000, +7.400, and +8.800. The drawing includes a vertical scale on the right side with elevations of +4.900, +6.000, +7.400, and +8.800. The drawing includes a horizontal scale at the bottom with dimensions of 8500, 8580, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, and 8580. The drawing includes a horizontal scale at the top with dimensions of 8500, 8580, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, and 8580. The drawing includes a horizontal scale at the bottom with dimensions of 8500, 8580, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, and 8580. The drawing includes a horizontal scale at the top with dimensions of 8500, 8580, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, 8500, 8580, 8580, and 8580.

2 MẶT CẮT

HỒ CHỈ DẪN		REVISION	
1		2	
3		4	
ST NO	NGÀY DATE	HỘI DUNG DESCRIPTION	Duyệt APPROVAL
TÊN DỰ ÁN		PROJECT NAME	
DỰ ÁN ĐUSCO VINHA			
Chủ đầu tư		OWNER	
CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP ĐUSCO VINHA			
CÔNG TY THIẾT KẾ CONSTRUCTION COMPANY			
			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KOREN			
70, 72 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM			
70, 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM			
CÔNG TY THIẾT KẾ DESIGN COMPANY			
			
CÔNG TY TNHH KINH DOANH NỘI THẤT KOREN			
T.L. (SIGNED)		H.C. (SIGNED)	
KINH DOANH		DIRECTOR	
			
CÓ SỞ		ACCOUNTS MANAGER	
			
KẾ TOÁN		DESIGNER	
			
Kỹ thuật viên		TECHNICAL MANAGER	
			
BỘ MÔN		PART	
MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT			
MẠNG MỤC		ITEM	
XỬ LÝ KHÍ THẢI ENVIRONMENT			
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XLK			
TỶ LỆ SCALE		NGÀY THỰC HIỆN DATE	
1:1		08-2023	
SỐ QUẢN LÝ DRAWING NO		XLKT-02	



Technical drawing showing a side view of a mechanical system with dimensions and labels:

- Dimensions:
 - Overall height: 4250
 - Height of the main vertical section: 2875
 - Height of the lower section: 1375
 - Width of the base: 1600
 - Height of the right vertical section: 2400
 - Internal height of the right section: 1800
 - Height of the upper vertical section: 4500
- Labels:
 - ỐNG D300 (D300 Pipe)
 - ỐNG D350 (D350 Pipe)
 - THÁP HẤP PHỤ (Auxiliary Absorption Tower)
 - THÁP HẤP (Absorption Tower)
 - THÉP HỘP 20x40x1.4MM (20x40x1.4mm Steel Box)
 - SÀN THAO TÁC THÉP HỘP (Steel Box Working Platform)
 - QUẠT HÚT 7.5KW (7.5KW Suction Fan)

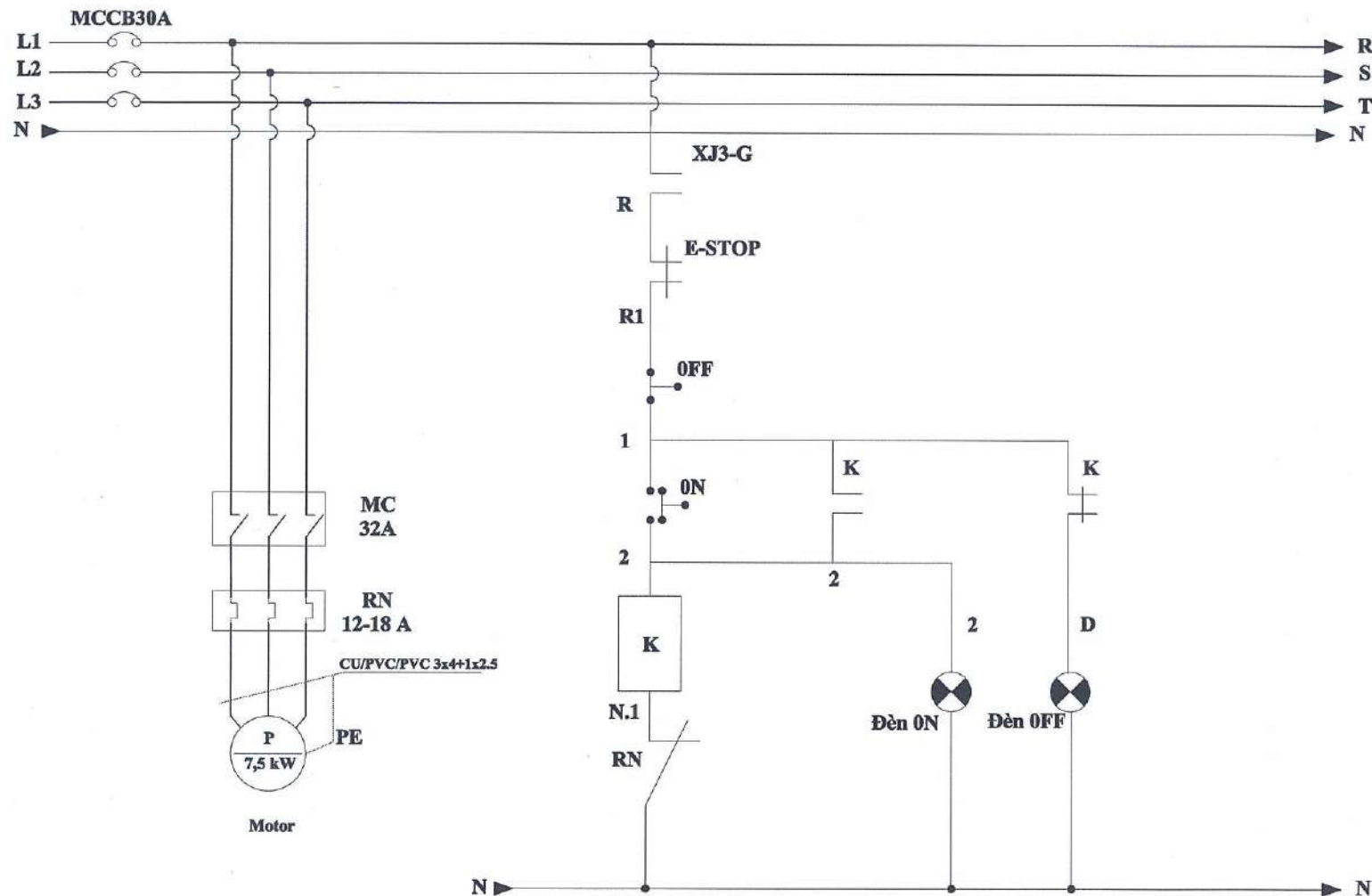
Technical drawing of a chimney structure. The drawing shows a cross-section of the chimney with various dimensions and labels. The main vertical pipe has a diameter of 1700. The structure is supported by a base with a width of 350. The height of the structure is 2400. The structure is made of steel, with labels indicating "THÉP HỘP 20x40x1.4MM" (Steel box 20x40x1.4mm) and "SÀN THAO TÁC THÉP HỘP" (Steel box operating platform). The drawing also shows a ladder and a platform with dimensions 450, 300, and 450. The height of the platform is 300.

HỆ THỐNG		REVISION	
1		2	
3		4	
ST NO	NGÀY DATE	NỘI DUNG DESCRIPTION	CHỮ KÝ APPROVAL
TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME			
DỰ ÁN ĐUSCO YINIA			
CỦA CHỦ/ BY		OWNER	
CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢ THÉP ĐUSCO YINIA			
CÔNG TY THIẾT KẾ CONSTRUCTION COMPANY			
 KOREA CONSTRUCTION			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KOREA 1601, 16th Floor, 16/1, Đường Nguyễn Văn Linh, Quận 1, TP. HCM			
CÔNG TY THIẾT KẾ DESIGN COMPANY			
 CÔNG TY TNHH KOREA ARCH DESIGN			
1601, 16th Floor, 16/1, Đường Nguyễn Văn Linh, Quận 1, TP. HCM 1601, 16th Floor, 16/1, Đường Nguyễn Văn Linh, Quận 1, TP. HCM			
TH. (SIGNATURE) KIM. (SIGNATURE)		TH. (SIGNATURE) KIM. (SIGNATURE)	
Giám đốc DIRECTOR		Giám đốc DIRECTOR	
 ĐỒNG HÙNG MẠNH			
CHỦ NHIỆM ARCHITECTURE MANAGER		CHỦ NHIỆM ARCHITECTURE MANAGER	
 TRẦN THỊ NGUYỄN			
TH. (SIGNATURE) KIM. (SIGNATURE)		TH. (SIGNATURE) KIM. (SIGNATURE)	
Giám đốc Kỹ thuật TECHNICAL MANAGER		Giám đốc Kỹ thuật TECHNICAL MANAGER	
 NGUYỄN VĂN HỮU			
 LA VÂN THỊ			
BỘ MÔN PART		BỘ MÔN PART	
MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT			
HẠNG MỤC ITEM		HẠNG MỤC ITEM	
XỬ LÝ KHÍ THẢI ENVIRONMENT			
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE			
CHI TIẾT HỆ THỐNG XUẤT			
TỶ LỆ SCALE		TỶ LỆ SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH DATE		NGÀY PHÁT HÀNH DATE	
SỐ HẸP DRAWING NO		SỐ HẸP DRAWING NO	
06-2023		06-2023	
XUẤT-03		XUẤT-03	

[illegible]

HIỆU CHỈNH		REVISION	
1			
2			
3			
4			

ST NO	NGÀY DATE	NỘI DUNG DESCRIPTION	ĐƯỢC APPROVAL
TÊN DỰ ÁN		PROJECT NAME	
DỰ ÁN DUSCO VINHA			
CHỦ ĐẦU TƯ		OWNER	
CÔNG TY TNHH CHẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINHA			
CÔNG TY THI CÔNG CONSTRUCTION COMPANY			
			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG MẠC KOREA			
101, QL. 19, Phường 10, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh			
			
CÔNG TY TNHH KOREA FOR LIFE			
101, QL. 19, Phường 10, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh 101, QL. 19, Phường 10, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh			
TÊN CÔNG TRÌNH		PROJECT DESCRIPTION	
GIỚI THIỆU		DESCRIPTION	
			
CHỈ ĐẠO		ARCHITECTURE MANAGER	
			
THIẾT KẾ		DESIGNER	
			
QUẢN LÝ THI CÔNG		CONSTRUCTION MANAGER	
			
BỘ MÔN		PART	
MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT			
HẠNG MỤC		ITEM	
XỬ LÝ KHÍ THẢI ENVIRONMENT			
TÊN BẢNG		DRAWING TITLE	
VỎ VÀ BỐ THÍ THÉT BỊ TRONG TỦ			
TỶ LỆ SCALE			
NGÀY PHÁT HÀNH DATE		05 - 2023	
SỐ HỒ DẪNG DRAWING NO		DDL-01	



HIỆU CHỈNH		REVISION	
1	NGÀY	NỘI DUNG	Duyệt
2	DATE	DESCRIPTION	APPROVAL
3			
4			
ST NO		PROJECT NAME	
DỰ ÁN DUSCO VINH			
CHỦ ĐẦU TƯ		OWNER	
CÔNG TY THIẾT KẾ XUẤT SỢI THÉP DUSCO VINH			
CÔNG TY THỰC CÔNG CONSTRUCTION COMPANY			
 KOREAN CONSTRUCTION CÔNG TY THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NHÀ Ở			
19, số 45 đường Lê Đức Thọ, phường Tân Phú, Quận 10, TP. HCM			
CÔNG TY THIẾT KẾ DESIGN COMPANY			
 SPACE FOR LIFE CÔNG TY THIẾT KẾ NHÀ Ở VÀ NỘI THẤT			
19, số 45 đường Lê Đức Thọ, phường Tân Phú, Quận 10, TP. HCM			
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ		HỌ TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	
OWNER		DIRECTOR	
 ÔNG HỒNG MINH			
CHỨC VỤ		ARCHITECTURE MANAGER	
 TRẦN THỊ NGỌC MỸ			
VỊ TRÍ		DESIGNER	
 NGUYỄN XUÂN			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		TECHNICAL MANAGER	
 LA VĂN TIẾN			
BỘ MÔN		PART	
MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT			
HẠNG MỤC		ITEM	
XỬ LÝ KHÍ THẢI ENVIRONMENT			
TÊN BẢN VẼ			
SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC MẠCH ĐIỀU KHIỂN			
TỶ LỆ			
SCALE			
NGÀY PHÁT HÀNH		DS - 2023	
DATE			
SỐ HIỆU		DDL-02	
DẪN VÀO			

